



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



SOCIAL JUSTICE
DECENT WORK

TÀI LIỆU TẬP HUẤN VỀ PHÒNG NGỪA VÀ GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM



DÀNH CHO GIÁNG VIÊN

TÀI LIỆU TẬP HUẤN VỀ PHÒNG NGỪA VÀ GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM

DÀNH CHO GIẢNG VIÊN

Tài liệu này được thực hiện từ nguồn hỗ trợ Bộ Lao động Hoa Kỳ tài trợ theo Thỏa thuận Hợp tác số IL-26682-14-75-K-11. Tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay các chính sách của Bộ Lao động Hoa Kỳ, cũng như việc đề cập đến thương hiệu, sản phẩm thương mại hay tổ chức nào không có nghĩa bao hàm sự chứng thực của Chính phủ Hoa Kỳ. Một trăm phần trăm tổng chi phí Dự án do chính phủ Hoa Kỳ tài trợ với tổng số tiền là 8 triệu đô la.

GIỚI THIỆU

Đây là quyển thứ hai của Bộ tài liệu tập huấn về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Quyển này chứa đựng các nội dung mà giảng viên cần truyền đạt cho học viên trong các cuộc tập huấn, cùng với những gợi ý về phương pháp giảng dạy của từng bài mà giảng viên nên sử dụng để chuyển tải một cách hiệu quả những nội dung đó tới học viên. Bên cạnh đó, quyển này cũng liệt kê chi tiết các phương tiện, đồ dùng dạy học cần có trong từng bài học.

Do mục tiêu tổng quát của Bộ tài liệu là cung cấp những kiến thức chọn lọc nhưng toàn diện về các khía cạnh lý luận, pháp lý và thực tiễn của việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em ở Việt Nam nên quyển này bao gồm các bài học sau đây:

Bài 1. Khái niệm và cách xác định lao động trẻ em: Bài này nhằm giúp học viên hiểu rõ các khái niệm nền tảng, bao gồm: Trẻ em, người chưa thành niên, lao động trẻ em và người lao động chưa thành niên. Quan trọng hơn, bài này giúp học viên xác định được những biểu hiện của lao động trẻ em trong thực tế qua những tiêu chí và một số dấu hiệu đặc trưng.

Bài 2. Thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của lao động trẻ em: Bài này nhằm giúp học viên hiểu rõ được thực trạng lao động trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam, phân tích được những nguyên nhân và hậu quả của lao động trẻ em từ nhiều góc độ và cách tiếp cận khác nhau.

Bài 3. Pháp luật quốc tế về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em: Bài này nhằm giúp học viên xác định được hệ thống văn bản pháp luật quốc tế về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em và hiểu rõ nội dung của hai văn kiện cốt lõi, đó là Công ước số 138 và Công ước số 182 của ILO.

Bài 4. Chính sách, pháp luật Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em: Bài này nhằm giúp học viên xác định được hệ thống văn bản pháp luật và chính sách về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em của Việt Nam; hiểu rõ nội dung những quy định về độ tuổi lao động tối thiểu, các điều kiện sử dụng lao động chưa thành niên và những công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người chưa thành niên trong pháp luật Việt Nam.

Bài 5. Khảo sát, lập kế hoạch hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em:

Bài này nhằm giúp học viên hiểu rõ những cách thức và yêu cầu khi tiến hành khảo sát, lập kế hoạch phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em nói chung. Bài này cũng giúp học viên hiểu rõ bối cảnh ra đời và những nội dung chủ yếu của Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 của Việt Nam. Bên cạnh đó, bài này giúp học viên biết cách xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 của cơ quan, tổ chức mình.

Bài 6. Phối hợp, lồng ghép hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em:

Bài này nhằm giúp học viên hiểu rõ sự cần thiết, ý nghĩa, những yêu cầu và cách thức phối hợp hoạt động của các chủ thể có liên quan và lồng ghép vấn đề phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em vào hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

Bài 7. Can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em: Bài này nhằm giúp học viên hiểu rõ sự cần thiết, ý nghĩa, các yêu cầu và cách thức xây dựng, thực hiện các hoạt động can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em trong thực tế.

Bài 8. Giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em: Bài này nhằm giúp học viên hiểu rõ sự cần thiết, ý nghĩa, các yêu cầu và cách thức tổ chức những hoạt động giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em.

Để thuận lợi cho các giảng viên trong việc sử dụng cuốn này trong các cuộc tập huấn, mỗi bài giảng được thiết kế như sau:

- **Mục tiêu bài giảng:** Mục này nêu rõ những kết quả cần đạt được của bài học, thể hiện qua mức độ nhận thức của học viên về nội dung của bài học.
- **Thời gian dự kiến:** Mục này dự kiến tổng thời gian cho bài học. Tuy nhiên, để giảng viên có thể chủ động triển khai bài học, mục này không chi tiết hoá thời gian cho từng nội dung của bài học.
- **Cấu trúc và phương pháp:** Mục này liệt kê các nội dung của bài học theo trình tự từ trước đến sau. Với mỗi nội dung đều kèm theo gợi ý các phương pháp giảng dạy nên sử dụng, ví dụ như thuyết trình, động não, thảo luận cả lớp (thảo luận nhóm lớn), thảo luận nhóm nhỏ (chia nhóm), làm bài tập tình huống...

- **Đồ dùng dạy học:** Mục này liệt kê các trang thiết bị cần thiết cho việc giảng dạy, ví dụ như máy tính, máy chiếu, bút laser, giấy A0, bút dạ viết bảng...
- **Tài liệu phát cho học viên:** Mục này liệt kê các tài liệu mà giảng viên nên chuẩn bị để phát cho học viên, bao gồm: Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ; Nội dung bài giảng của giảng viên (thường bằng Powerpoint) và các văn bản pháp luật quốc tế, quốc gia có liên quan đến bài học.
- **Nội dung bài giảng:** Mục này tập hợp khối lượng kiến thức cần được chuyển tải cho học viên trong bài học, được sắp xếp thành các tiểu mục theo thứ tự từ trước đến sau. Trong các tiểu mục có phần “Hoạt động” nhằm giúp học viên tiếp cận với kiến thức cần chuyển tải bằng phương pháp cùng tham gia, và phần “Thuyết trình” là tập hợp những kiến thức, thông tin mà giảng viên cần trình bày với học viên.
- Mỗi bài giảng đều có một mục cuối cùng là “Tổng kết, đào sâu”, trong đó tổng hợp những nội dung chính của bài học mà học viên cần ghi nhớ và một hoạt động nhằm giúp học viên tìm hiểu sâu hơn về một số khía cạnh trong nội dung của bài học.

Tài liệu này được thực hiện từ nguồn hỗ trợ Bộ Lao động Hoa Kỳ tài trợ theo Thỏa thuận Hợp tác số IL-26682-14-75-K-11. Tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay các chính sách của Bộ Lao động Hoa Kỳ, cũng như việc đề cập đến thương hiệu, sản phẩm thương mại hay tổ chức nào không có nghĩa bao hàm sự chứng thực của Chính phủ Hoa Kỳ. Một trăm phần trăm tổng chi phí Dự án do chính phủ Hoa Kỳ tài trợ với tổng số tiền là 8 triệu đô la

MỤC LỤC

Giới thiệu	iii
Danh mục chữ viết tắt	lix
Bài 1. Khái niệm và cách xác định lao động trẻ em.	01
Bài 2. Thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của lao động trẻ em.	19
Bài 3. Pháp luật quốc tế về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.	35
Bài 4. Chính sách, pháp luật Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.	49
Bài 5. Khảo sát, lập kế hoạch hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.	67
Bài 6. Phối hợp, lồng ghép hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.	91
Bài 7. Can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em.	109
Bài 8. Giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em.	127
Phụ lục	145

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế (the International Labour Organization)
IPEC	Chương trình quốc tế về xóa bỏ lao động trẻ em của ILO (International Programme on the Elimination of Child Labour)
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (United Nations' Children Fund)
Công ước 138	Công ước số 138 của ILO về tuổi lao động tối thiểu (ILO Convention No. 138 on the Minimum Age for Admission to Employment and Work), 1973
Công ước 182	Công ước số 182 của ILO về xóa bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (Worst Forms of Child Labour Convention) 1999
CRC	Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em (the United Nations Convention on the Rights of the Child), 1989
Bộ LĐ-TB-XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
BLLĐ	Bộ luật Lao động 2012
TBP	Chương trình có hạn định thời gian (Time Bound Programme)
WFCL	Những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (Worst Forms of Child Labour)
NGO	Tổ chức phi chính phủ (Non-governmental Organization)
MDGs	Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (Millennium Development Goals)

Bài 1

KHÁI NIỆM VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH LAO ĐỘNG TRẺ EM

Mục tiêu bài giảng

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có thể:

- Trình bày và phân biệt được các khái niệm trẻ em, người chưa thành niên, lao động trẻ em và người lao động chưa thành niên.
- Xác định được những biểu hiện của lao động trẻ em trong thực tế qua những tiêu chí và một số dấu hiệu đặc trưng.

Thời gian dự kiến

120 phút (3 tiết học)

Cấu trúc và Phương pháp

Số TT	Nội dung	Phương pháp	Ghi chú
1	Khái niệm trẻ em, người chưa thành niên, người lao động chưa thành niên	• Động não • Thuyết trình	
2	Khái niệm và những tiêu chí xác định lao động trẻ em	• Xem các video clip • Thảo luận nhóm nhỏ • Thuyết trình	
3	Những dấu hiệu nhận biết lao động trẻ em trong thực tế	• Thảo luận nhóm nhỏ • Thuyết trình	
4	Tổng kết, đào sâu	• Thuyết trình • Làm bài tập tình huống	

Đồ dùng dạy học

Máy tính, máy chiếu, bút laser, giấy A0, bút dạ viết bảng, băng keo, kẹp tài liệu, bút bi, bút chì, bảng viết, bảng giấy lật, phòng học với đủ bàn, ghế, thiết bị âm thanh và ánh sáng, các video clips gắn với nội dung bài học.

Tài liệu phát cho học viên

- Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ (Mục 4.1, bảng doc)
- Nội dung bài giảng của giảng viên (bằng Powerpoint).
- Tóm tắt Mục 1 (Lao động chưa thành niên) của Chương XI Bộ luật Lao động năm 2012, cùng các Thông tư số 10/2013/QĐ-BLĐTBXH và Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH.¹
- Toàn văn bản dịch các Công ước số 138 và 182 của ILO.²
- Bản tập hợp các tình huống dùng trong bài này (Mục 4.2).

¹ Có thể tải các văn bản này từ nhiều website, ví dụ như <http://thuvienphapluat.vn/>; http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=view&org_group_id=0&type_group_id=0&category_id=0

² Tải về (miễn phí) từ một số trang web, ví dụ <http://thuvienphapluat.vn/>, http://hr.law.vnu.edu.vn/hr_master

NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Khái niệm trẻ em, người chưa thành niên và người lao động chưa thành niên

1. Hoạt động

Động não

Phát cho mỗi học viên một phiếu (mảnh giấy bằng $\frac{1}{3}$ hoặc $\frac{1}{2}$ tờ A4).

Đề nghị học viên ghi vắn tắt một vài từ biểu thị nhận thức của mình về 'trẻ em' rồi dán các phiếu lên bảng.

Giảng viên đọc to từng phiếu, phân loại, nêu nhận xét khái quát rồi hỏi học viên các câu sau:

- Tiêu chí nào thường được sử dụng để phân biệt giữa "người lớn" và "trẻ em"?
- Một người trong độ tuổi nào có thể được coi là trẻ em?
- Định nghĩa 'trẻ em' theo pháp luật quốc tế? theo pháp luật Việt Nam?

Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng để phân tích.

2. Thuyết trình

Trong pháp luật quốc tế, trẻ em được định nghĩa là người dưới 18 tuổi. Đây là quy định được nêu trong Điều 1 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, 1989 (sau đây viết tắt là CRC) và Điều 2 Công ước số 182 của ILO về xóa bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999 (sau đây viết tắt là Công ước 182).

Trong pháp luật Việt Nam, trẻ em được định nghĩa là **người dưới 16 tuổi** (Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016, sau đây viết tắt là Luật Trẻ em³). Trước đây, quy định đó thường được xem là không bị coi là vi phạm CRC, tuy nhiên, hiện nay ngày càng có nhiều ý kiến ngược lại, cho rằng quy định độ tuổi trẻ em dưới 16 là không tương thích với CRC vì một số lý do, mà một trong đó là Điều 1 Công ước này quy định trẻ em là *người dưới 18 tuổi, trừ khi pháp luật của các quốc gia thành viên quy định độ tuổi thành niên sớm hơn*.⁴ Như vậy, tuổi được xem là trẻ em trong Luật

³ Luật Trẻ em có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2017.

⁴ Điều 1 CRC quy định: "Trẻ em là những người dưới 18 tuổi, trừ phi pháp luật quốc gia quy định tuổi thành niên sớm hơn".

Trẻ em của Việt Nam phải là dưới 18 (như CRC), vì trong tất cả các văn bản pháp luật của Việt Nam, người chưa thành niên được xác định là *người dưới 18 tuổi*.

Bên cạnh khái niệm trẻ em, pháp luật Việt Nam còn có khái niệm “người chưa thành niên”. Tùy theo các ngành luật (dân sự, hành chính, hình sự, hôn nhân gia đình, lao động..), khái niệm “người chưa thành niên” được sử dụng ít nhiều khác nhau, song như đã đề cập, có một dấu hiệu chung của người chưa thành niên đó là *người dưới 18 tuổi*.⁵

Gắn với khái niệm “người chưa thành niên” là khái niệm “người lao động chưa thành niên”. Theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Lao động 2012: *Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi*.

II. Khái niệm và những tiêu chí xác định lao động trẻ em

1. Hoạt động

Thảo luận nhóm nhỏ

Chia lớp thành 3-4 nhóm.

Chiếu hai video clip về một số hình thức lao động trẻ em ở trên thế giới và ở Việt Nam (tìm và tải về trên Internet, hoặc sử dụng các video mà giảng viên đã cung cấp trong Phụ lục)⁶.

Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định những công việc trẻ em thường làm hàng ngày mà các thành viên trong nhóm cho rằng có thể chấp nhận và không thể chấp nhận được với trẻ em.

Gợi ý với các nhóm là những yếu tố cơ bản nên được sử dụng làm cơ sở để thảo luận bao gồm:

- (1) Độ tuổi của trẻ em tham gia làm việc;
- (2) Tính chất công việc và điều kiện làm việc của trẻ;
- (3) Số giờ làm việc của trẻ; và
- (4) Ảnh hưởng của lao động với sự phát triển về thể lực, trí lực, tâm lý, đạo đức và việc học tập của trẻ.

⁵ Ví dụ, Điều 18 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: Người chưa đủ 18 tuổi là người chưa thành niên.

⁶ Về bối cảnh lao động trẻ em trên thế giới, có thể tải video clip tại đây: <https://www.youtube.com/watch?v=jjw1JIV6ijU>. Về bối cảnh lao động trẻ em, có thể tải video clip tại đây: <https://www.youtube.com/watch?v=bPJTjW-gSml>.

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết tóm tắt kết quả lên giấy A0 rồi cử một đại diện trình bày trước cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

2. Thuyết trình

2.1. Khái niệm lao động trẻ em

Lao động trẻ em được nhận diện thông qua một trong các tiêu chí về độ tuổi, giờ làm việc, loại công việc, nơi làm việc mà được xem là nguy hại cho người dưới 18 tuổi theo pháp luật quốc tế, cụ thể là theo hai Công ước số 138 và 182 của ILO.

2.2. Những tiêu chí xác định lao động trẻ em

Để phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đã thông qua Công ước số 138 về tuổi lao động tối thiểu và Công ước số 182 về xoá bỏ mọi hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Nội dung của hai Công ước này đã được chuyển hoá vào nhiều điều khoản của Luật Trẻ em năm 2016, Bộ luật Lao động 2012 và một số văn bản hướng dẫn thi hành hai đạo luật này của Việt Nam. Dựa trên hai công ước đó của ILO và các quy định có liên quan trong các văn bản pháp luật đã nêu của Việt Nam, có thể nhận dạng trẻ em và người chưa thành niên được coi là lao động trẻ em nếu rơi vào một trong các bối cảnh bất kỳ sau đây:

THỨ NHẤT: **LOẠI CÔNG VIỆC VÀ THỜI GIỜ LÀM VIỆC (THEO NHÓM TUỔI)**⁷

(i) Trẻ em dưới 13 tuổi

Về việc làm, trẻ em dưới 13 tuổi sẽ bị xem là lao động trẻ em nếu làm bất kỳ công việc nào khác ngoài những công việc được quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-LĐTBXH (mục quy định cụ thể Danh mục công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc - Phụ lục 1, Hộp 2).

Cụ thể, các công việc mà người dưới 13 tuổi được làm theo Thông tư số 11/2013/TT-LĐTBXH bao gồm:

⁷ Dự án ENHANCE xem xét rằng thời gian làm việc quá quy định sẽ ảnh hưởng đến việc trẻ em và người chưa thành niên tham gia đầy đủ trong học tập.

"1. Diễn viên: múa; hát; xiếc; điện ảnh; sân khấu kịch, tuồng, chèo, cải lương, múa rối (trừ múa rối dưới nước).

2. Vận động viên năng khiếu: thể dục dụng cụ, bơi lội, điền kinh (trừ tạ xích), bóng bàn, cầu lông, bóng rổ, bóng ném, bi-a, bóng đá, các môn võ, đá cầu, cầu mây, cờ vua, cờ tướng, bóng chuyền".

Về thời gian, kể cả khi làm các công việc được phép thì trẻ em dưới 13 tuổi vẫn bị xem là lao động trẻ em nếu thời giờ làm việc vượt quá 04 giờ/ngày và tổng cộng vượt quá 20 giờ/tuần.

(ii) Trẻ em từ đủ 13 đến dưới 15 tuổi:

Về công việc, trẻ em đủ 13 đến dưới 15 tuổi sẽ bị xem là lao động trẻ em nếu làm bất kỳ công việc và hoạt động kinh tế nào khác ngoài những công việc được quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-LĐTBXH (các mục quy định cụ thể Danh mục công việc được sử dụng người dưới 15 tuổi và dưới 13 tuổi làm việc - Phụ lục 1, Hộp 1).

Cụ thể, các công việc mà người đủ 13 đến dưới 15 tuổi được làm theo Thông tư số 11/2013/TT-LĐTBXH bao gồm:

1. Các nghề truyền thống: chằm men gốm, cưa vỏ trai, vẽ tranh sơn mài, làm giấy dó, nón lá, se nhang, chằm nón, dệt chiếu, làm trống, dệt thổ cẩm, làm bún gạo, làm giá đỗ, làm bánh đa (miến), làm bánh đa Kế.

2. Các nghề thủ công mỹ nghệ: thêu ren, mộc mỹ nghệ, làm lược sừng, đan lưới vó, làm tranh Đông Hồ, nặn tò he.

3. Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình.

4. Nuôi tằm.

5. Gói kẹo dừa".

Tương tự, về thời gian, kể cả khi làm các công việc được phép thì trẻ em từ đủ 13 đến dưới 15 tuổi vẫn bị xem là lao động trẻ em nếu thời giờ làm việc vượt quá 04 giờ/ngày và tổng cộng vượt quá 20 giờ/tuần.

(iii) Người chưa thành niên từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi:

Về công việc, người chưa thành niên từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi sẽ bị xem là lao động trẻ em nếu làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm bị cấm sử dụng lao động chưa thành niên quy định tại khoản 4 Điều 163, Khoản 1 Điều 165 Bộ Luật Lao động 2012 và Mục II Thông tư 10/2013/TT-LĐTBXH.

Cụ thể, khoản 4 Điều 163 Bộ Luật Lao động 2012 quy định không được sử dụng lao động chưa thành niên để sản xuất và kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần và các chất gây nghiện khác.

Theo khoản 1 Điều 165 Bộ luật Lao động 2012, không được sử dụng người lao động chưa thành niên làm các công việc sau đây:

- Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên;
- Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ;
- Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc;
- Phá dỡ các công trình xây dựng;
- Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại;
- Lặn biển, đánh bắt cá xa bờ;
- Công việc khác gây tổn hại cho sức khỏe, an toàn hoặc đạo đức của người chưa thành niên.

Mục II Thông tư 10/2013/TT-LĐTBXH liệt kê các công việc cụ thể không được sử dụng lao động chưa thành niên.

Về thời gian, kể cả khi làm các công việc được phép nhưng với thời gian làm việc vượt quá 8 giờ/ngày và tổng cộng vượt quá 40 giờ/tuần thì người chưa thành niên từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi vẫn sẽ bị xem là lao động trẻ em.

Trong trường hợp phải làm việc trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom thì thời gian làm việc của người chưa thành niên từ đủ 15 đến 18 tuổi cũng phải giới hạn trong 04 giờ/ngày (Mục I Thông tư 10/2013/TT-LĐTBXH).

THỨ HAI: **NƠI LÀM VIỆC**

Đối với mọi người chưa thành niên dưới 18 tuổi, đều sẽ bị xem là lao động trẻ em nếu làm việc ở những nơi cấm sử dụng lao động chưa thành niên quy định tại khoản 1 Điều 163, khoản 2 Điều 165 Bộ Luật Lao động 2012 và Mục I Thông tư 10/2013/TT-LĐTBXH.

Khoản 1 Điều 163 Bộ luật Lao động 2012 quy định một nguyên tắc chung đó là: Không được sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của họ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành.

Theo khoản 2 Điều 165 Bộ Luật Lao động 2012, cấm sử dụng lao động chưa thành niên làm việc ở: a) Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm; b) Công trường xây dựng; c) Cơ sở giết mổ gia súc; d) Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, phòng tắm hơi, phòng xoa bóp; đ) Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của người chưa thành niên.

Theo Mục I Thông tư 10/2013/TT-LĐTBXH, cấm sử dụng người chưa thành niên làm việc ở những nơi mà:

- Tiếp xúc với các yếu tố vệ sinh môi trường lao động không đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo quy định của pháp luật hiện hành: điện từ trường, rung, ồn, nhiệt độ, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông, bụi amiăng;
- Tiếp xúc với các loại chất, tia phóng xạ; bức xạ bởi tia X và các tia có hại khác không đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo qui định của pháp luật hiện hành;
- Tiếp xúc với các yếu tố gây bệnh truyền nhiễm;
- Trên giá cao hoặc dây treo cao hơn 3 m so với mặt sàn làm việc; địa hình đồi núi dốc trên 30 độ.

THỨ BA: **LAO ĐỘNG NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM**

Đối với mọi người chưa thành niên dưới 18 tuổi, đều sẽ bị xem là lao động trẻ em nếu làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Khái niệm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được hiểu là:

- Những công việc và nơi làm việc bị cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo quy định tại Khoản 4 Điều 163, Khoản 2 Điều 165 Bộ luật Lao động năm 2012 (đã nêu trên).
- Những công việc và nơi làm việc bị cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH (Phụ lục 2 và 3).
- Những loại công việc được đề cập tại Khoản d, Điều 3, Công ước 182 của ILO “Những công việc mà tính chất và hoàn cảnh làm việc có thể xâm hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ em”.
- Trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến dưới 18 tuổi được xem là lao động nặng nhọc độc hại nếu làm việc trong khoảng thời gian sau 10 giờ đêm đến 6 giờ sáng hôm sau.⁸
- Những công việc khiến trẻ em lâm vào tình trạng dễ bị lạm dụng về mặt thể chất tâm lý hoặc tình dục theo Quy định tại điểm a, khoản 3, mục II, Khuyến nghị số 190 của ILO.

THỨ TƯ: **CÁC HÌNH THỨC LAO ĐỘNG TRẺ EM TỘI TỆ NHẤT**

Đối với mọi người chưa thành niên dưới 18 tuổi, đều sẽ bị xem là lao động trẻ em nếu làm những công việc bị xem là các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất mà được quy định trong Công ước số 182 của ILO, bao gồm:

- (i) Mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ, như buôn bán trẻ em, gán nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng bức, bao gồm tuyển mộ cưỡng bức hoặc bắt buộc trẻ em để phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang.
- (ii) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em làm mại dâm, tham gia sản xuất văn hóa phẩm khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm.

⁸ Theo Điều 163 khoản 3 Luật Lao động, tuy nhiên, vì không có các công cụ luật pháp rõ ràng về nghề và công việc cho phép người đủ 15 và dưới 18 tuổi làm các công việc ban đêm, Dự án ENHANCE sẽ xem xét các trẻ em và người chưa thành niên làm việc đêm là trẻ em làm các công việc nặng nhọc độc hại, trừ khi có giấy phép cho phép chính thức của cơ quan có thẩm quyền.

- (iii) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là hoạt động sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và buôn bán các chất ma túy như đã được xác định trong các điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam có liên quan.

2.3. Trẻ em và người chưa thành niên tham gia lao động đúng quy định pháp luật

Không phải mọi công việc mà trẻ em và người chưa thành niên làm đều được xem là lao động trẻ em. Những công việc không mang những dấu hiệu nêu ở tiểu mục 2.2.2 ở trên thì có thể xem là được chấp nhận với trẻ em và người chưa thành niên. Trong trường hợp này được gọi là trẻ em và người chưa thành niên tham gia lao động đúng quy định pháp luật.

Cụ thể, khái niệm trẻ em tham gia lao động đúng quy định pháp luật bao gồm:

- Trẻ em và người chưa thành niên được làm những công việc mà pháp luật không cấm.
- Trẻ em và người chưa thành niên làm những công việc phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế về độ tuổi, về thời gian làm việc, về loại công việc và nơi làm việc; các công việc không nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; các công việc không ảnh hưởng xấu tới nhân cách của trẻ em.

Trong hoàn cảnh Việt Nam, “công việc phù hợp với quy định của pháp luật” có thể được xác định theo nhóm tuổi, cụ thể như dưới đây:

Đối với người chưa thành niên từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi:

Các công việc hợp pháp phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước số 138 về tuổi tối thiểu. Tuy nhiên, thời gian phải trong khoảng từ 6h00 sáng tới 22h00 tối và không được làm việc quá 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.

Đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi:

Những công việc nhẹ được quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH về Ban hành danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc. Thời gian làm việc phải trong khoảng từ 6h00 sáng tới 22h00 tối và không được làm việc quá 4 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần.

Đối với trẻ em dưới 13 tuổi:

Một số công việc quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH về Ban hành danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc. Thời gian làm việc phải trong khoảng từ 6h00 sáng tới 22h00 tối và không được làm việc quá 4 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần.

III. Những dấu hiệu nhận biết lao động trẻ em trong thực tế

1. Hoạt động

Thảo luận nhóm nhỏ

Chia lớp thành 3-4 nhóm.

Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định ít nhất 5 biểu hiện lao động trẻ em mà các thành viên của nhóm từng thấy trong các video clips đã xem và trong thực tế mà họ đã chứng kiến, rồi phân loại theo các tiêu chí:

- *Tính chất nguy hại*
- *Đặc điểm của bối cảnh làm việc*
- *Lĩnh vực/môi trường trẻ em đang làm việc.*

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết kết quả lên giấy A0 rồi cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

2. Thuyết trình

Trên thế giới và ở Việt Nam, lao động trẻ em xuất hiện ở nhiều nơi, cả trong gia đình và ngoài xã hội, cả trong khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức, có tính công khai hoặc không công khai, tập trung hoặc phân tán. Hiểu rõ dấu hiệu đặc trưng của từng bối cảnh biểu hiện đó sẽ giúp xác định chính xác thực trạng lao động trẻ em ở từng địa phương và trên cả nước. Hai bảng dưới đây khái quát hoá dấu hiệu của một số bối cảnh có lao động trẻ em trong thực tế.

Lao động trẻ em theo khu vực kinh tế

Khu vực kinh tế không chính thức (<i>informal sector</i>)	Khu vực kinh tế chính thức (<i>formal sector</i>)
Trẻ em dễ tham gia	Trẻ em khó tham gia hơn
Ít bị giám sát bởi các cơ quan nhà nước	Bị giám sát chặt chẽ hơn
Thường dưới dạng doanh nghiệp gia đình nên khó phát hiện	Thường dưới dạng công ty lớn, bao gồm doanh nghiệp nước ngoài nên dễ phát hiện
Dễ sử dụng lao động trẻ em	Ít sử dụng lao động trẻ em hơn
Sử dụng lao động trẻ em trực tiếp	Có thể trực tiếp song thường gián tiếp ở một khâu nhất định của dây chuyền sản xuất và/hoặc khâu sản xuất tại khu vực kinh tế không chính thức

Lao động trẻ em theo tính chất công việc

	Công khai	Không công khai
Tập trung	Nhiều trẻ cùng làm việc ở một địa điểm hoặc ở các địa điểm gần nhau, có thể dễ dàng chứng kiến hoặc tiếp cận, ví dụ: May mặc; khâu bóng đá; cơ khí; sản xuất đồ gỗ; giúp việc trong cửa hàng; bán thức ăn nhanh; làm việc trong các cửa hiệu sửa chữa nhỏ, ví dụ, sửa chữa xe máy; làm dịch vụ ở khu vực đông người, ví dụ đánh giày, rửa hoặc trông xe ô tô; giúp việc trong siêu thị; bán dạo; khâu vá; vệ sinh; thu ngân ở chợ; vận chuyển vật liệu trên đường hoặc trong các công trường xây dựng; làm thuê trong các đồn điền, trang trại.	Nhiều trẻ cùng làm việc ở một địa điểm hoặc ở các địa điểm gần nhau nhưng không thể hoặc khó chứng kiến hoặc tiếp cận, ví dụ: Làm việc trong các lò gạch, mỏ khai thác đá; làm công nhân hoặc người học việc trong các cơ sở sản xuất các sản phẩm gốm, kính, sắt, nhựa, kim hoàn; làm công nhân trong nhà máy chế biến thực phẩm; dệt các loại vải hoặc thảm truyền thống; làm việc trong các nhà máy sản xuất diêm, pháo hoa hoặc thuốc nổ, trong các mỏ than hoặc mỏ khoáng sản khác, trong các nhà máy đóng tàu hoặc trên các tàu, thuyền đánh cá.

	Công khai	Không công khai
Phân tán	Trẻ làm việc một mình trong môi trường công khai, ví dụ bao gồm: Đưa báo, đưa tin, chạy việc vặt; làm các dịch vụ hoặc bán hàng trên đường phố, ví dụ như đánh giày, bán hoa; bồi bàn, rửa bát, quét dọn trong các khách sạn, nhà hàng, quán cà phê; nhạc công, vũ công, diễn viên trong các gánh hát, đoàn xiếc, ăn xin, giúp việc, phụ xe trên các phương tiện giao thông đường dài; trông nom, bảo vệ nông trại; chăn thả bầy gia súc.	Trẻ làm việc một mình ở môi trường cách biệt, cô lập, không thể hoặc khó chứng kiến hoặc tiếp cận, ví dụ: Giúp việc gia đình; làm việc trong các cơ sở sản xuất của gia đình; tự kiếm sống bằng săn bắn, đánh cá hoặc các công việc nông nghiệp khác; buôn lậu, tham gia sản xuất, buôn bán ma túy hoặc các hoạt động khiêu dâm, mại dâm; tham gia các nhóm vũ trang hoặc phải phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang.

IV. Tổng kết, đào sâu

1. Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ

Giảng viên tóm lược những nội dung chính của bài học mà học viên cần ghi nhớ, bao gồm:

- **Khái niệm trẻ em:** Là người dưới 18 tuổi theo pháp luật quốc tế, người dưới 16 tuổi theo pháp luật Việt Nam.
- **Khái niệm người chưa thành niên:** Là người dưới 18 tuổi theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam.
- **Khái niệm người lao động chưa thành niên:** Là người lao động dưới 18 tuổi theo pháp luật Việt Nam.
- **Khái niệm lao động trẻ em:** Là trẻ em và người chưa thành niên làm các công việc trái quy định pháp luật về lao động, cản trở hoặc tác động tiêu cực đến sự phát triển thể chất, trí tuệ, nhân cách của trẻ em.
- **Những tiêu chí xác định lao động trẻ em:** Lao động trẻ em được nhận diện thông qua một trong các tiêu chí về độ tuổi, thời giờ làm việc (phân theo nhóm

tuổi), loại công việc và nơi làm việc (cũng phân theo nhóm tuổi). Mỗi tiêu chí này có những quy định cụ thể căn cứ theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam.

- **Trẻ em và người chưa thành niên tham gia lao động đúng quy định pháp luật:** Không phải mọi công việc mà trẻ em và người chưa thành niên làm đều được xem là lao động trẻ em. Những công việc không mang những dấu hiệu của lao động trẻ em là được chấp nhận với trẻ em và người chưa thành niên. Trong trường hợp này được gọi là trẻ em và người chưa thành niên tham gia lao động đúng quy định pháp luật. Được coi là trẻ em và người chưa thành niên tham gia lao động khi làm những công việc phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam (mà được xác định theo từng nhóm tuổi).
- **Dấu hiệu nhận biết lao động trẻ em trong thực tế:** Lao động trẻ em được thể hiện dưới nhiều hình thức, diễn ra ở nhiều nơi, cả trong gia đình và ngoài xã hội, cả trong khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức, có tính công khai hoặc không công khai, tập trung hoặc phân tán.

2. Đào sâu

Phát cho mỗi học viên một bản tập hợp các tình huống dưới đây và đề nghị họ nghiên cứu, trả lời các câu hỏi kèm theo.

Giảng viên căn cứ vào các tiêu chí xác định lao động trẻ em để phân tích.

Trường hợp 1:

Thắng là một nam học sinh 14 tuổi. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, em phải đi làm ở cơ sở sản xuất gạch hơn 4 giờ/ngày, vào các buổi chiều để giúp bố mẹ. Vì vậy, em phải bỏ các buổi học chiều, chiếm khoảng 50% tổng thời gian học ở trường.

- (1) Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em? Giải thích vì sao?
- (2) Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Thắng tự nguyện làm việc như vậy nhưng không phải để hỗ trợ kinh tế gia đình mà để kiếm tiền tiêu riêng?

Trường hợp 2:

Lan là một em gái 16 tuổi nuôi khát vọng mãnh liệt trở thành một người mẫu. Để có thể thực hiện giấc mơ đó, Lan tự nguyện đi làm cho một quán bar-kara-

oke vào buổi tối. Lúc đầu, Lan có thể vừa làm buổi tối vừa đi học ở trường vào ban ngày như các bạn, tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn sau đó cô bé buộc phải bỏ học để chỉ đi làm vì không đủ sức kết hợp cả hai công việc. Khi làm việc ở quán bar, Lan bị chủ quán buộc phải ăn mặc hở hang, kêu gọi và phải biểu diễn khiêu dâm cho khách xem.

- (1) Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em? Giải thích vì sao?
- (2) Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Lan vẫn có thể kết hợp giữa việc làm ở quán bar vào ban đêm và đi học ở trường vào ban ngày?
- (3) Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Lan không bị chủ quán buộc phải ăn mặc hở hang, kêu gọi và phải biểu diễn khiêu dâm cho khách xem?

Trường hợp 3:

Minh là một cậu bé 12 tuổi sống với cha mẹ ở một vùng nông thôn. Cha cậu bé không may bị ốm nặng và vì vậy, mẹ cậu phải đi vay mượn một số tiền lớn của một người cho vay nặng lãi trong làng để chữa trị cho ông. Vì số tiền này quá lớn so với nguồn thu nhập ít ỏi của gia đình, Minh tự nguyện làm việc như một đầy tớ cho người cho vay nặng lãi để trừ nợ cho cha mẹ. Người chủ của Minh bắt em phải bỏ học và phải làm việc nhiều giờ trong ngày, và phải làm cả những công việc nặng nhọc.

- (1) Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em? Giải thích vì sao?
- (2) Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Minh đã đủ 16 tuổi?
- (3) Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Minh được người chủ cho phép tiếp tục đi học nhưng vẫn phải làm nhiều công việc nặng nhọc?

Trường hợp 4:

Hạnh là một cô bé 12 tuổi sống với gia đình ở một vùng nông thôn nghèo. Do gia cảnh nghèo khó, cha mẹ Hạnh "gửi gắm" em cho gia đình người di sống ở thành phố. Hạnh không phản đối mà còn thấy háo hức với việc đó. Ở nhà người di, Hạnh được đến trường nhưng khi về nhà thì phải làm các công việc gia đình. Hạnh cảm thấy mình là người may mắn so với các bạn cùng lứa ở quê.

- (1) Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em? Giải thích vì sao?
- (2) Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu người dì không cho Hạnh đi học?
- (3) Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Hạnh không tự nguyện mà bị buộc phải lên sống với gia đình người dì?

Trường hợp 5:

Mai là một cô bé 14 tuổi sống với anh trai và chị dâu ở một khu vực biên giới. Hàng ngày em vượt biên giới theo đường mòn sang nước bạn để bán hàng ở một cửa hàng của một người quen với gia đình anh trai. Mai cảm thấy hạnh phúc với công việc bán hàng như vậy và quyết định bỏ học vì cô bé muốn trước hết kiếm thật nhiều tiền. Hàng tháng khi nhận được tiền công Mai gửi gia đình anh trai một khoản để góp vào việc chi tiêu chung, số tiền còn lại cô bé nhờ người anh cất giữ để sau này có thể tự mở một cửa hàng.

- (1) Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em? Giải thích vì sao?
- (2) Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Mai bị buộc phải làm việc và bị buộc phải bỏ học?
- (3) Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Mai mới 12 tuổi?

ĐÁP ÁN CHO TÌNH HUỐNG

Trường hợp 1:

Trường hợp của Thắng được xem là lao động trẻ em vì đáp ứng với các tiêu chí về về thời giờ làm việc (tuổi chưa thành niên nhưng đã phải làm việc hơn một nửa thời gian trong ngày), loại công việc (sản xuất gạch là công việc nặng nhọc, độc hại). Kể cả trong trường hợp Thắng tự nguyện làm việc để kiếm tiền tiêu riêng thì vẫn được xem là lao động trẻ em vì khái niệm lao động trẻ em không phân biệt động cơ của trẻ em khi tham gia làm việc.

Trường hợp 2:

Trường hợp của Lan cũng được xem là lao động trẻ em vì ở độ tuổi chưa thành niên nhưng đã phải làm công việc thuộc về nhóm công việc nguy hại theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Kể cả khi Lan vẫn có thể kết hợp giữa việc làm ở quán bar vào ban đêm và đi học ở trường vào ban ngày,

cũng như khi Lan không bị chủ quán buộc phải ăn mặc hở hang, kêu gọi và phải biểu diễn khiêu dâm, thì đây vẫn là lao động trẻ em vì tính chất nguy hại của công việc không thay đổi.

Trường hợp 3:

Trường hợp của Minh cũng được xem là lao động trẻ em vì ở độ tuổi chưa thành niên nhưng đã phải làm công việc thuộc về các công việc tồi tệ nhất (bị bóc lột sức lao động theo hình thức gán nợ). Kể cả khi Minh đã đủ 16 tuổi và/hoặc được người chủ cho phép tiếp tục đi học nhưng vẫn phải làm nhiều công việc nặng nhọc thì vẫn bị coi là lao động trẻ em vì tính chất công việc và bối cảnh làm việc của em không thay đổi.

Trường hợp 4:

Trường hợp của Hạnh sẽ không được xem là lao động trẻ em nếu thời gian em phải làm các công việc gia đình ít, không ảnh hưởng đến sức khỏe và thời gian học tập của em. Tuy nhiên sẽ bị xem là lao động trẻ em nếu Hạnh không được đi học, phải làm việc nhiều giờ hoặc bị buộc phải lên sống với gia đình người di trái với ý muốn của em.

Trường hợp 5:

Vì Mai mới 14 tuổi mà đã bỏ học để đi làm toàn thời gian nên đây là trường hợp lao động trẻ em. Nếu Mai ít tuổi hơn và bị buộc phải bỏ học để đi làm việc như vậy thì đặc trưng lao động trẻ em càng rõ.

Bài 2

THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ HẬU QUẢ CỦA LAO ĐỘNG TRẺ EM

Mục tiêu bài giảng

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có thể:

- Miêu tả được một cách khái quát thực trạng lao động trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam.
- Trình bày và phân tích được những nguyên nhân chính của lao động trẻ em.
- Trình bày và phân tích được những hậu quả của lao động trẻ em.

Thời gian dự kiến

120 phút (3 tiết học)

Cấu trúc và Phương pháp

Số TT	Nội dung	Phương pháp	Ghi chú
1	Thực trạng lao động trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam	• Xem các video clip và thảo luận cả lớp • Thuyết trình	
2	Nguyên nhân của lao động trẻ em	• Động não hoặc xem video clip và thảo luận nhóm nhỏ • Thuyết trình	
3	Hậu quả của lao động trẻ em	• Sắm vai hoặc Thảo luận nhóm nhỏ • Thuyết trình	
4	Tổng kết, đào sâu	• Thuyết trình. • Thảo luận nhóm hoặc làm bài tập tình huống	

Đồ dùng dạy học

Máy tính, máy chiếu, bút laze, giấy A0, bút dạ viết bảng, băng keo, kẹp tài liệu, bút bi, bút chì, bảng viết, bảng giấy lật, phòng học với đủ bàn, ghế, thiết bị âm thanh và ánh sáng, các video clip gắn với nội dung bài học.

Tài liệu phát cho học viên

- Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ (Mục 4.1).
- Nội dung bài giảng của giảng viên (bằng Powerpoint).

NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Khái quát thực trạng lao động trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam

1. Hoạt động

Xem video clip và thảo luận cả lớp

Chiếu hai video clip về những trường hợp lao động trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam (tìm và tải về trên Internet).⁹

Tổ chức thảo luận cả lớp về nội dung của các video clip. Có thể nêu các câu hỏi gợi mở như sau:

- (1) Trong các video clip, trẻ em đang phải làm những công việc gì?
- (2) Các công việc đó có thể ảnh hưởng tiêu cực như thế nào đến sự phát triển của trẻ em?
- (3) Vì sao trẻ em đang phải làm những công việc đó?

Giảng viên ghi các ý kiến trao đổi lên bảng, tổng hợp và phân tích.

2. Thuyết trình

Lao động trẻ em là vấn đề xã hội xuất hiện ở mọi châu lục, mọi quốc gia, chỉ khác nhau về mức độ. Theo ILO, ở thời điểm 6/2016, có 168 triệu lao động trẻ em trên thế giới,¹⁰ trong đó Tiểu vùng Sahara của châu Phi có tỷ lệ lao động trẻ em cao nhất (với 28% trẻ em trong độ tuổi từ 5-14), sau đó đến các vùng Trung Đông và Bắc Phi; Đông Á và Thái Bình Dương (mỗi vùng đều có tỷ lệ 10%), Mỹ La tinh và Caribê (9%).¹¹ Ở tất cả các vùng, tỷ lệ lao động trẻ em là gái đều cao hơn nam.¹² Khu vực nông nghiệp vẫn là nơi có nhiều lao động trẻ em nhất (chiếm trên 50%), sau đó là đến các khu vực dịch vụ và khu vực công nghiệp.¹³

⁹ Về tình hình lao động trẻ em trên thế giới, có thể tải video của ILO tại <http://www.ilo.org/public/english/bureau/inf/wdacl/english.htm>, hoặc của World Vision tại <https://www.youtube.com/watch?v=Bcl4l3arrHI>. Về tình hình lao động trẻ em tại Việt Nam, có thể tải về từ <https://www.youtube.com/watch?v=rDRSS2ait6g>, <https://www.youtube.com/watch?v=57oIZQHMN9w>

¹⁰ Nguồn: <http://www.ilo.org/ipecc/Campaignandadvocacy/WDAcl/lang-en/index.htm>

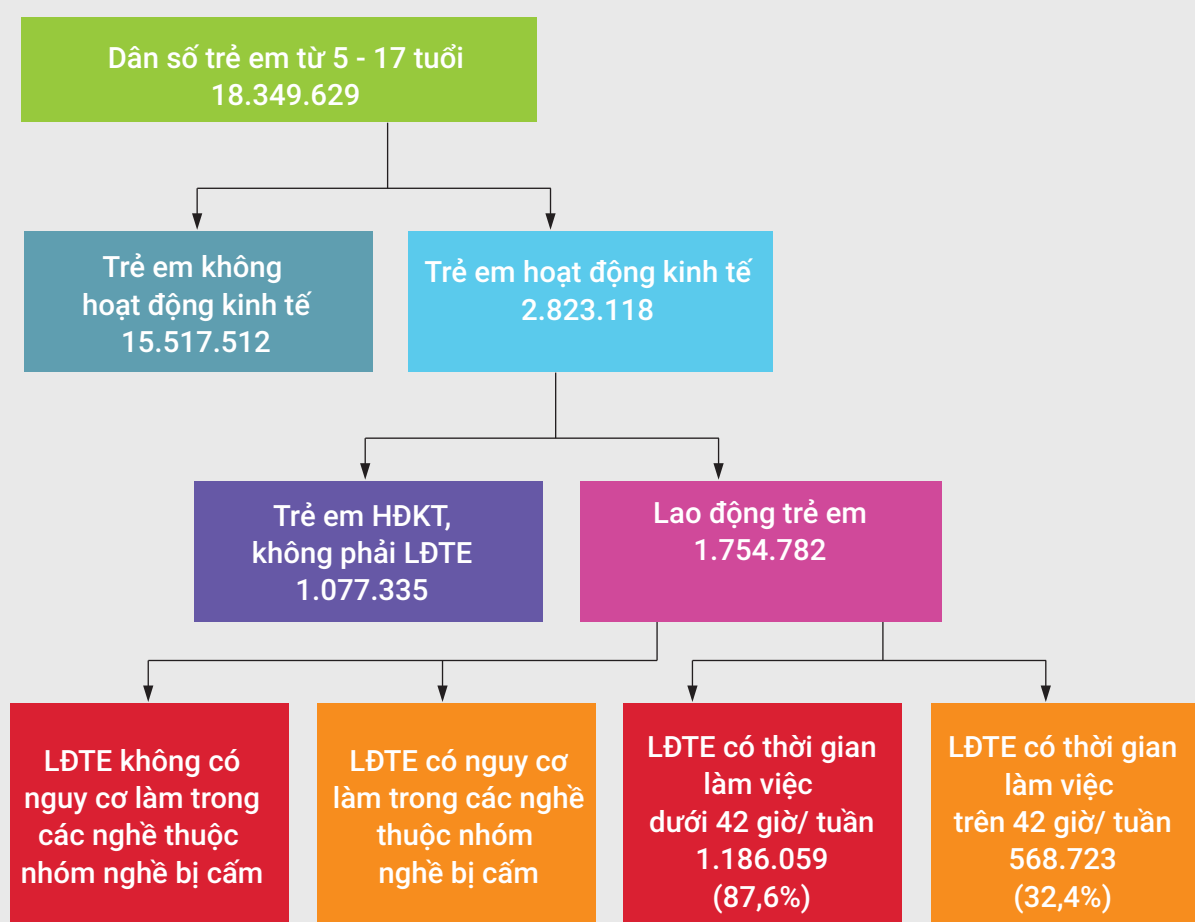
¹¹ Nguồn: <https://data.unicef.org/topic/child-protection/child-labour/#>

¹² Nguồn trên.

¹³ ILO/IPEC, Xóa bỏ lao động trẻ em trong tầm tay, 2006, tại www.ilo.org/declaration, tr.5-9.

Giống như nhiều quốc gia đang phát triển khác, ở Việt Nam cũng xuất hiện những trường hợp lao động trẻ em. Do sự quan tâm và nỗ lực của Nhà nước và xã hội, lao động trẻ em trong những năm qua ngày càng giảm đi. Mặc dù vậy, hiện nay, lao động trẻ em vẫn còn tồn tại ở một số khu vực và địa phương. Cụ thể, cuộc Điều tra quốc gia về lao động trẻ em do Bộ LĐ-TB-XH kết hợp với Tổng cục Thống kê và ILO Hà Nội tiến hành năm 2012 (công bố năm 2014) cho thấy, ở thời điểm điều tra, tình hình trẻ em tham gia hoạt động kinh tế và lao động trẻ em ở nước ta thể hiện qua bảng sau:

Trẻ em tham gia hoạt động kinh tế và lao động trẻ em ở Việt Nam (2012)¹⁴



¹⁴ Bộ LĐ-TB-XH, Tổng cục Thống kê và ILO Hà Nội, *Điều tra quốc gia về lao động trẻ em năm 2012: Các kết quả chính*, Hà Nội, tháng 3/2014, tr.3, tại http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bang-kok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_237841.pdf.r.5-9.

Theo kết quả cuộc Điều tra nêu trên, lao động trẻ em làm 97 công việc cụ thể, trong đó 80% làm 17 công việc (gồm 11 thuộc khu vực nông nghiệp; 3 thuộc khu vực công nghiệp - xây dựng và 3 thuộc khu vực dịch vụ). Gần 75% tổng số lao động trẻ em có nguy cơ làm trong các nghề thuộc nhóm nghề bị cấm sử dụng lao động chưa thành niên hoặc điều kiện lao động có hại.¹⁵

Cũng theo cuộc Điều tra nêu trên, có một tỷ lệ lớn lao động trẻ em ở Việt Nam sinh sống ở khu vực nông thôn và làm việc trong nông nghiệp (67%). Điều này giống như nhiều quốc gia trên thế giới, tuy nhiên, điểm khác là ở Việt Nam, tỷ lệ lao động trẻ em nữ thấp hơn nam (xem bảng sau):

Quy mô và cơ cấu của lao động trẻ em ở Việt Nam (2012)¹⁶

Khu vực	Số trẻ em	Tỷ lệ (%)	Theo giới tính, %	
			Nam	Nữ
Toàn quốc	1.754.782	100,0	59,78	40,22
Thành thị	265.225	15,1	59,78	40,22
Nông thôn	1.489.557	84,9	59,78	40,22

II. Nguyên nhân của lao động trẻ em

1. Hoạt động

Động não

Phát cho mỗi học viên 1-3 thẻ giấy và đề nghị họ viết vắn tắt ra các thẻ những nguyên nhân dẫn đến lao động trẻ em (mỗi nguyên nhân trên một thẻ).

Đề nghị học viên dán các thẻ đã hoàn thành lên bảng hoặc lên tường phòng học.

Giảng viên đọc từng thẻ, xếp loại và gắn vào thành từng nhóm rồi phân tích.

¹⁵ Điều tra quốc gia về lao động trẻ em năm 2012: Các kết quả chính, tài liệu đã dẫn, tr.2.

¹⁶ Điều tra quốc gia về lao động trẻ em năm 2012: Các kết quả chính, tài liệu đã dẫn, tr.25.

Thảo luận nhóm nhỏ

Chia lớp thành 3-4 nhóm.

Chiếu video clip nói về nguyên nhân của lao động trẻ em (tìm và tải về trên Internet).

Đề nghị mỗi nhóm/các nhóm thảo luận về các ý kiến và tình huống nêu ra trong video clip và trong thực tế cuộc sống mà họ chứng kiến rồi phân tích xác định những nguyên nhân phổ biến của lao động trẻ em (viết ra giấy A0).

Sau đó, mỗi nhóm cử một đại diện trình bày kết quả làm việc nhóm trước lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

2. Thuyết trình

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến lao động trẻ em, trong đó từ góc độ xã hội học có thể phân chia thành những “nguyên nhân bên trong” và “nguyên nhân bên ngoài”.

Những nguyên nhân bên trong được hiểu là các yếu tố xuất phát từ nội bộ gia đình, ví dụ như tình trạng đói nghèo, thất nghiệp, ly hôn, ốm đau của cha mẹ... dẫn đến việc trẻ em phải làm việc sớm hoặc phải bỏ học để làm việc. Những nguyên nhân bên ngoài được hiểu là các yếu tố xuất phát từ xã hội, ví dụ như khủng hoảng kinh tế hoặc hệ thống giáo dục yếu kém... khiến cho trẻ em phải sớm đi làm để giúp gia đình hoặc vì không thể tiếp cận với trường học.

Từ góc độ kinh tế học, có thể chia nguyên nhân của lao động trẻ em theo những yếu tố “cung” và “cầu” của thị trường lao động. Cụ thể, bên cung bao gồm những yếu tố thúc đẩy các gia đình cho phép hoặc buộc trẻ em phải tham gia vào thị trường lao động (ví dụ như nghèo đói, trình độ nhận thức thấp, quan niệm sai về vấn đề lao động trẻ em...), trong khi bên cầu bao gồm các yếu tố thúc đẩy người sử dụng lao động thuê trẻ em làm việc (ví dụ như thuê trẻ em sẽ có giá nhân công rẻ, trẻ em dễ phục tùng và khéo léo hơn người lớn trong một số công việc...). Cung và cầu tác động lẫn nhau và cùng làm gia tăng mức độ nghiêm trọng của tình hình lao động trẻ em.

Thực tế trên thế giới cho thấy, theo cách phân loại nào thì đói nghèo cũng là nguyên nhân hàng đầu (*tuy không phải là nguyên nhân duy nhất*) của lao động trẻ em. Bên cạnh đói nghèo, còn có các nguyên nhân quan trọng khác như: Khả năng tiếp cận và chất lượng của dịch vụ giáo dục; nhận thức về vấn đề lao động

trẻ em của các bậc cha mẹ và của cộng đồng; sự phân biệt đối xử về giới; hiệu lực, hiệu quả của chính sách, pháp luật về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; ảnh hưởng của HIV/AIDS, xung đột vũ trang, thiên tai... Các nguyên nhân này xuất hiện và tác động đến tình hình lao động trẻ em với mức độ khác nhau trong các hoàn cảnh khác nhau.

Ở Việt Nam, Điều tra quốc gia về lao động trẻ em năm 2012 cho thấy những nguyên nhân chính dẫn đến việc trẻ em tham gia hoạt động kinh tế được thể hiện trong bảng dưới đây.

Nguyên nhân trẻ em tham gia hoạt động kinh tế ở Việt Nam (2012) ¹⁸

Nguyên nhân	Số trẻ em	Tỷ lệ (%)	Theo nhóm tuổi, %		
			5-11	12-14	15-17
Phải đi làm	649.554	22,9	23,1	30,1	19,0
Muốn đi làm/ học nghề	751.421	26,5	34,1	26,0	25,1
Không có điều kiện đi học	157.085	5,5	2,0	4,5	6,9
Không thích đi học/ học kém	423.492	15,0	3,5	9,3	20,6
Khác	841.259	29,7	37,2	29,8	28,0
Không xác định	9.306	0,3	0,0	0,3	0,4
Chung	2.832.117	100,0	100,0	100,0	100,0

Từ bảng trên, có thể thấy ba nguyên nhân chủ yếu tác động tới việc trẻ em tham gia hoạt động kinh tế ở nước ta bao gồm: (i) Về kinh tế (gia đình nghèo khiến trẻ phải đi làm sớm), (ii) Về giáo dục (trẻ không có điều kiện tiếp cận với giáo dục, chương trình giáo dục thiếu phù hợp khiến cho một số trẻ em không thích đi học, học kém) và (iii) Về nhận thức/tâm lý (trẻ mong muốn tự lập, thể hiện ở việc muốn đi làm, đi học nghề).

Về bản chất, những yếu tố nêu trên cũng chính là những nguyên nhân của lao động trẻ em ở Việt Nam, vì lao động trẻ em là một bộ phận cấu thành của trẻ em tham gia hoạt động kinh tế.

¹⁸ Điều tra quốc gia về lao động trẻ em năm 2012: Các kết quả chính, tài liệu đã dẫn, tr.18.

Bên cạnh ba nguyên nhân chính nêu trên, trong thực tế ở Việt Nam lao động trẻ em còn xuất phát từ một số nguyên nhân nữa, tiêu biểu như sau:

- Nhận thức của cha mẹ cho rằng trẻ em cần phải làm việc sớm để “nên người” và đóng góp vào kinh tế gia đình (trong một số trường hợp, ví dụ như ở các làng nghề, là để duy trì nghề truyền thống của gia đình).
- Sự phân biệt đối với phụ nữ và trẻ em gái, đặc biệt trong vấn đề học tập, dẫn đến một số trẻ em gái phải thôi học sớm để lao động.
- Khủng hoảng gia đình (ly thân, ly hôn..) dẫn đến một số trẻ em bỏ học sớm, đi lang thang và tự kiếm sống.
- Đô thị hóa nhanh gắn liền với làn sóng di cư từ nông thôn ra thành thị, dẫn đến những trường hợp lao động trẻ em trong một số gia đình di cư nghèo.
- Hệ thống chính sách, pháp luật về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em vẫn còn những bất cập, hạn chế, tổ chức thực thi còn thiếu hiệu quả, mới chỉ điều chỉnh quan hệ lao động ở khu vực kinh tế chính thức.

III. Hậu quả của lao động trẻ em

1. Hoạt động

Sắm vai

Giảng viên hỏi trong số học viên có ai am hiểu và muốn sắm vai đóng một màn kịch ngắn liên quan đến lao động trẻ em hay không?

Nếu có thì tổ chức diễn màn kịch ngắn đó, có thể gồm 2-3 “diễn viên”.

Yêu cầu của vở kịch là làm nổi lên những hậu quả của lao động trẻ em với bản thân trẻ, gia đình, cộng đồng và xã hội.

Thảo luận nhóm nhỏ

Chia lớp thành 3-4 nhóm.

Đề nghị các nhóm dựa trên những bối cảnh ở các video clips đã xem và kiến thức thực tế để thảo luận và xác định những tác động tiêu cực của lao động trẻ em.

Gợi ý với các nhóm là những tác động tiêu cực có thể bao gồm:

(1) Tác động đến sự phát triển về thể chất, tinh thần, đạo đức của trẻ;

(2) Tác động đến gia đình trẻ;

(3) Tác động đến cộng đồng và quốc gia.

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết kết quả lên giấy A0 rồi cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp.

Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

2. Thuyết trình

Lao động trẻ em mặc dù có thể giúp trẻ và gia đình giải quyết một số nhu cầu vật chất cấp thiết trước mắt, song sẽ để lại những tác hại to lớn và lâu dài.

Cụ thể, lao động trẻ em không chỉ tác động tiêu cực đến đời sống và sự phát triển của bản thân trẻ, mà còn đến gia đình, cộng đồng và quốc gia nơi trẻ sinh sống.

Tác động tiêu cực của lao động trẻ em đến bản thân trẻ:

- **Về thể chất:** Do còn non nớt và thiếu kinh nghiệm, trẻ em dễ bị tổn thương về thể chất hơn người lớn khi lao động. Ví dụ, khi phải mang vác các vật nặng hoặc làm việc trên cao, dưới nước... trẻ em dễ bị tai nạn dẫn tới bị thương, bị chết hoặc tàn tật. Những rủi ro về sức khỏe là đặc biệt lớn khi trẻ em phải làm các công việc không được luật pháp cho phép.
- **Về tâm lý:** Trong nhiều trường hợp, đặc biệt là khi rơi vào các tình huống lao động trẻ em tồi tệ nhất như phải làm nô lệ hoặc nô dịch; tham gia xung đột vũ trang; làm mại dâm; sản xuất, vận chuyển ma túy... hậu quả tâm lý gây ra cho lao động trẻ em có thể rất nặng nề như: suy giảm lòng tự tôn; thiếu tự tin, khó hòa nhập xã hội; có thái độ bạo lực, trầm cảm, thậm chí có ý định tự hủy hoại bản thân...
- **Về nhận thức:** Trong nhiều trường hợp, công việc mà trẻ phải làm có thể ảnh hưởng xấu đến sự phát triển về trí tuệ và xã hội của trẻ. Ví dụ, những trẻ em phải lao động khi độ tuổi còn quá nhỏ, hoặc phải làm việc nhiều giờ, làm việc ở những môi trường khắc nghiệt, bị kiểm soát chặt chẽ như trẻ em phải lao động gán nợ trong gia đình, trẻ em phải làm việc ở nơi khai thác khoáng sản phi pháp, làm công nhân trong các xưởng sản xuất trái phép... thường bị suy giảm khả năng tiếp thu, thực hành tri thức mới và gặp khó khăn trong giao tiếp xã hội.

- **Về giáo dục:** Lao động trẻ em tác động tiêu cực đến việc hưởng thụ quyền học tập của trẻ. Ví dụ, một trẻ em phải làm việc nặng nhọc hoặc nhiều thời gian thường phải bỏ học sớm hoặc giảm khả năng tiếp thu trong quá trình học tập, từ đó thành tích học tập bị sút giảm, bị thụt lùi so với bạn bè và gặp khó khăn trong việc hòa nhập vào môi trường học tập.

Tác động tiêu cực của lao động trẻ em với gia đình, cộng đồng và quốc gia:

- Lao động trẻ em góp phần làm gia tăng tình trạng nghèo đói, thất nghiệp trong gia đình và ở cộng đồng. Điều này là do khi trẻ em phải nghỉ học sớm để lao động, các em không được giáo dục và đào tạo những kĩ năng nghề nghiệp cần thiết, vì thế khi trưởng thành khó có thể tìm được một công việc ổn định với mức lương cao. Việc làm bấp bênh và thu nhập thấp dẫn đến nghèo đói, thất nghiệp trong các gia đình và cộng đồng có lao động trẻ em.
- Lao động trẻ em tạo ra những trở ngại lớn cho sự phát triển của quốc gia, do nó tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn nhân lực. Một quốc gia mà lao động trẻ em còn phổ biến sẽ có chất lượng nguồn nhân lực thấp, trong đó lao động phổ thông (lao động chân tay) là chủ yếu. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang quá độ lên kinh tế tri thức, các quốc gia có lao động phổ thông chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu nguồn nhân lực sẽ khó có thể trở thành một nước phát triển, giàu mạnh.

IV. Tổng kết, đào sâu

1. Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ

- **Thực trạng lao động trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam:** Trên thế giới hiện vẫn còn 168 triệu lao động trẻ em, tập trung ở nhiều khu vực, trong đó tiểu vùng sa mạc Sahara của châu Phi có tỷ lệ cao nhất. Ở Việt Nam, Điều tra quốc gia về lao động trẻ em năm 2012 cho thấy, vẫn còn trên 2,8 triệu (trên tổng số hơn 18 triệu người từ 5-17 tuổi) tham gia hoạt động kinh tế, trong đó có trên 1,75 triệu lao động trẻ em. Đa số (84,9%) lao động trẻ em ở các khu vực nông thôn; tỷ lệ lao động trẻ em nam cao hơn lao động trẻ em nữ (59,78/40,22). Gần 75% tổng số lao động trẻ em có nguy cơ làm trong các nghề thuộc nhóm nghề bị cấm sử dụng lao động chưa thành niên hoặc điều kiện lao động có hại.

- **Nguyên nhân của lao động trẻ em:** Các nguyên nhân chính dẫn đến lao động trẻ em ở trên thế giới và Việt Nam là kinh tế (đói nghèo), giáo dục (khó hoặc không thể tiếp cận với giáo dục); nhận thức/tâm lý của trẻ em và các bậc cha mẹ (muốn đi làm hoặc học nghề sớm; muốn cho con nghỉ học sớm để đi làm, học nghề). Ngoài ra còn một số nguyên nhân khác như tác động của bất bình đẳng giới, di cư từ nông thôn ra đô thị, khủng hoảng gia đình, hiệu lực/hiệu quả của chính sách, pháp luật về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em...
- **Hậu quả của lao động trẻ em:** Lao động trẻ em có thể giúp trẻ và gia đình giải quyết một số nhu cầu cấp thiết trước mắt, nhưng sẽ để lại những tác hại to lớn và lâu dài. Nó không chỉ tác động tiêu cực đến bản thân trẻ, mà còn đến gia đình, cộng đồng và quốc gia nơi trẻ sinh sống. Với bản thân trẻ, lao động trẻ em dẫn đến nhiều rủi ro về thể chất (chậm phát triển, tai nạn...), tâm lý (khó hòa nhập, có thái độ bạo lực hoặc tâm trạng trầm cảm...), nhận thức (suy giảm năng lực nhận thức, giao tiếp xã hội...) và cản trở cơ hội tiếp cận với giáo dục của trẻ (phải bỏ học sớm, thiếu thời gian cần thiết cho việc học tập...). Với gia đình và cộng đồng, lao động trẻ em làm gia tăng tình trạng nghèo đói, thất nghiệp do trẻ em phải lao động sớm sẽ không được giáo dục và đào tạo những kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để giúp các em có một công việc và nguồn thu nhập ổn định khi trưởng thành. Đối với quốc gia, lao động trẻ em ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nguồn nhân lực khiến cho quốc gia khó có thể phát triển giàu mạnh trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang chuyển sang kinh tế tri thức.

2. Đào sâu

Tùy điều kiện về thời gian, có thể áp dụng tất cả hoặc lựa chọn áp dụng một trong ba phương án sau:

PHƯƠNG ÁN 1. **Thảo luận nhóm nhỏ**

Chia lớp thành 3-4 nhóm.

Đề nghị các nhóm thảo luận và mỗi thành viên dựa trên bối cảnh của địa phương để xác định những dạng lao động trẻ em đang tồn tại ở địa phương và những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng đó.

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm tổng hợp ý kiến, viết kết quả lên giấy A0 rồi cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp.

Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

PHƯƠNG ÁN 2. **Thảo luận cả lớp**

Giảng viên đề nghị tất cả học viên suy nghĩ và từ bối cảnh địa phương mình nêu ra những nhóm trẻ em và người chưa thành niên mà theo họ có nguy cơ trở thành lao động trẻ em.

Giảng viên tổng hợp ý kiến của học viên lên bảng, sau đó đối chiếu với danh mục dưới đây (của Bộ LĐ-TB-XH) để phân tích:

- Trẻ em hoặc người chưa thành niên có anh, chị, em đã hoặc đang là lao động trẻ em.
- Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- Trẻ em hoặc người chưa thành niên thuộc gia đình nghèo hoặc cận nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia).
- Trẻ em hoặc người chưa thành niên sống với cả cha và mẹ hoặc người giám hộ mà không có khả năng chăm sóc các em.
- Trẻ em hoặc người chưa thành niên, mồ côi cả cha và mẹ hoặc bị bỏ rơi hoặc không nơi nương tựa.
- Trẻ em hoặc người chưa thành niên di cư, lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cả cha và mẹ hoặc người chăm sóc.
- Trẻ em hoặc người chưa thành niên là nạn nhân mua bán người.

PHƯƠNG ÁN 3. **Làm bài tập**

Tác động tiêu cực của lao động trẻ em¹⁹

Làm việc theo nhóm nhỏ.

Đề nghị các nhóm thảo luận và điền vào bảng khảo sát về tác động tiêu cực của lao động trẻ em dưới đây.

Sau khi các nhóm thảo luận xong, đề nghị cử một đại diện trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

¹⁹ Tham khảo từ *Child Labour: A Text Book for University Students*, tr.64-67.

Loại công việc	Số trẻ em
Cày bừa, cấy hái trên đồng ruộng	
Làm công nhân trong xưởng dệt, may	
Làm công nhân trong xưởng làm gốm, thủy tinh	
Làm công nhân trong xưởng cơ khí	
Làm công nhân trong xưởng giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm	
Theo tàu đi đánh bắt cá xa bờ	
Kiểm soát trên đường phố	
Tham gia khai thác khoáng sản trong hầm lò	
Phục vụ trong các quán bar, mát-xa	
Làm giúp việc gia đình (Ô-sin)	
Tham gia buôn lậu ma túy	
Phục vụ trong các lực lượng vũ trang	

Đáp án cho bài tập tình huống:

Loại công việc	Số trẻ em
Cày bừa, cấy hái trên đồng ruộng	- Tai nạn lao động (do máy móc, dụng cụ cày bừa, cấy hái...) - Suy giảm sức khoẻ do thời tiết khắc nghiệt hoặc phải làm việc nhiều giờ.
Làm công nhân trong xưởng dệt, may	- Tai nạn lao động (do máy móc, điện giật...) - Suy giảm sức khoẻ do tiếng ồn, bụi...và nếu phải làm việc nhiều giờ.
Làm công nhân trong xưởng làm gốm, thủy tinh	- Tai nạn lao động (do máy móc, điện giật...) - Suy giảm sức khoẻ do tiếng ồn, hoá chất, khí độc...và nếu phải làm việc nhiều giờ.
Làm công nhân trong xưởng cơ khí	- Tai nạn lao động (do máy móc, điện giật...) - Suy giảm sức khoẻ do tiếng ồn, bụi, dầu mỡ...và nếu phải làm việc nhiều giờ.
Làm công nhân trong xưởng giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm	- Tai nạn lao động (do máy móc, điện giật...) - Suy giảm sức khoẻ do tiếng ồn, ô nhiễm môi trường và nếu phải làm việc nhiều giờ.
Theo tàu đi đánh bắt cá xa bờ	- Tai nạn lao động (do máy móc, ngư cụ, bão...) - Suy giảm sức khoẻ do làm việc nhiều giờ trong điều kiện nguy hiểm, thiếu thốn ở ngoài biển.

Kiểm sống trên đường phố	- Tai nạn xe cộ - Dễ bị bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục. - Suy giảm sức khỏe do phải sống và làm việc xa gia đình, trong điều kiện nguy hiểm, ô nhiễm, thiếu thốn trên đường phố.
Tham gia khai thác khoáng sản trong hầm lò	- Tai nạn lao động (do máy móc, đá rơi, sập hầm, ngạt khí...) - Suy giảm sức khỏe do làm việc nhiều giờ trong điều kiện nguy hiểm dưới lòng đất.
Phục vụ trong các quán bar, mát-xa	- Dễ bị bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục. - Có thể bị buôn bán.
Làm giúp việc gia đình (Ô-sin)	- Có thể bị bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục. - Suy giảm sức khỏe do phải sống và làm việc xa gia đình, trong môi trường khép kín, gò bó.
Tham gia buôn lậu ma túy	- Có thể bị bắt giữ và truy tố - Dễ bị bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục. - Dễ bị lôi kéo hoặc bắt buộc sử dụng dẫn đến nghiện ma túy.
Phục vụ trong các lực lượng vũ trang	- Có thể chết - Có thể bị bắt giữ, truy tố - Dễ bị bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục.

Bài 3

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ PHÒNG NGỪA VÀ XOÁ BỎ LAO ĐỘNG TRẺ EM

Mục tiêu bài giảng

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có thể:

- Kể ra được những văn bản pháp luật quốc tế chủ chốt về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em.
- Trình bày được nội dung chính của Công ước số 138 và Công ước số 182 của ILO.

Thời gian dự kiến

120 phút (3 tiết học)

Cấu trúc và Phương pháp

Số TT	Nội dung	Phương pháp	Ghi chú
1	Khái quát những văn bản pháp luật quốc tế chủ chốt về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em	• Động não • Thuyết trình	
2	Nội dung Công ước số 138 của ILO	• Thảo luận nhóm nhỏ • Thuyết trình	
3	Nội dung Công ước số 182 của ILO	• Xem video clip và thảo luận cả lớp hoặc làm bài tập cá nhân • Thuyết trình	
4	Tổng kết, đào sâu	• Thuyết trình • Thảo luận nhóm nhỏ hoặc cả lớp	

Đồ dùng dạy học

Máy tính, máy chiếu, bút laser, giấy A0, bút dạ viết bảng, băng keo, kẹp tài liệu, bút bi, bút chì, bảng viết, bảng giấy lật, phòng học với đủ bàn, ghế, thiết bị âm thanh và ánh sáng; video clip gắn với nội dung bài học.

Tài liệu phát cho học viên

- Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ (Mục 4.1)
- Nội dung bài giảng của giảng viên (bằng Powerpoint).
- Toàn văn bản dịch các Công ước số 138 và 182 của ILO.²⁰

²⁰ Tải về (miễn phí) từ một số trang web, ví dụ <http://thuvienphapluat.vn/>,
http://hr.law.vnu.edu.vn/hr_master

NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Khái quát những văn bản pháp luật quốc tế chủ chốt về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

1. Hoạt động

Động não:

Đề nghị học viên trong vòng ba phút nêu tên bất kỳ văn bản pháp luật quốc tế nào liên quan đến trẻ em và lao động trẻ em mà họ biết.

Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng và tiếp tục hỏi học viên xem ai có thể mô tả nội dung chủ chốt của các văn kiện quốc tế đã được liệt kê và sự liên quan của nó đến vấn đề phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

Giảng viên tổng hợp, phân tích nội dung phát biểu của học viên.

2. Thuyết trình

Vấn đề phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em đã được đề cập trong pháp luật của một số quốc gia từ nhiều thế kỷ trước đây, ví dụ như ở Italia (1284), Anh (1833), Hoa Kỳ (1836)... Tuy nhiên, pháp luật của những nước này ở thời kỳ đó mới chỉ có một số quy định để bảo vệ trẻ em trong một số ngành sản xuất độc hại, nguy hiểm, ví dụ như sản xuất đồ thủy tinh.

Từ khi thành lập (năm 1919), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đã thông qua nhiều công ước đề cập đến việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, trong đó có hai công ước quan trọng nhất và hiện đang có hiệu lực áp dụng là Công ước số 138 về tuổi lao động tối thiểu (kèm theo là Khuyến nghị số 146) và Công ước số 182 về xoá bỏ mọi hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (kèm theo là Khuyến nghị số 190). Hai Công ước này đều nằm trong danh mục 8 điều ước cơ bản (fundamental conventions) của ILO²¹.

Bên cạnh đó, vấn đề xoá bỏ lao động trẻ em còn được ILO đề cập trong Tuyên bố về các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động (thông qua tại Hội nghị lao động quốc tế lần thứ 86 họp tại Geneve tháng 6 năm 1998). Tuyên bố này xác

²¹ Nguồn: <http://www.ilo.org/global/standards/introduction-to-international-labour-standards/conventions-and-recommendations/lang-en/index.htm>

định bốn nguyên tắc và quyền cơ bản của người lao động, bao gồm: quyền tự do liên kết và thỏa ước lao động tập thể; quyền tự do không bị cưỡng bức hoặc bắt buộc lao động; xóa bỏ một cách có hiệu quả lao động trẻ em; quyền được đối xử bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp. Các quyền và nguyên tắc cơ bản trên được thể hiện trong 8 công ước của ILO (4 cặp Công ước), trong đó có công ước 138 và 182. Tuy nhiên, trong Tuyên bố này, ILO đã khẳng định là các quốc gia thành viên, dù đã phê chuẩn hoặc chưa phê chuẩn đều có nghĩa vụ phải tôn trọng, thúc đẩy và hiện thực hóa một cách có thành ý 8 công ước cơ bản đã nêu này.

Ngoài ILO, vấn đề xóa bỏ lao động trẻ em còn được đề cập trong một số văn kiện quốc tế về quyền con người do Liên hợp quốc thông qua từ năm 1945, trong đó tiêu biểu là Công ước về quyền trẻ em (1989). Công ước này quy định các quyền của trẻ em trên tất cả các lĩnh vực mà đều có ý nghĩa bảo vệ trẻ em khỏi bị lạm dụng và bóc lột. Đặc biệt, Công ước có một quy định riêng về quyền của trẻ em được bảo vệ khỏi bị bóc lột về kinh tế (Điều 32). Liên hợp quốc cũng thông qua các Nghị định thư về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em và Nghị định thư về việc sử dụng trẻ em trong xung đột vũ trang. Đây là hai Nghị định thư bổ sung Công ước về quyền trẻ em, đề cập đến việc xóa bỏ hai trong số những dạng lao động trẻ em tồi tệ nhất là sử dụng trẻ em trong hoạt động chiến sự và buôn bán, xâm hại tình dục trẻ em.

Việt Nam đã tham gia tất cả các điều ước quốc tế nêu trên của ILO và của Liên hợp quốc, vì vậy có nghĩa vụ thực hiện những công ước đó. Giống như phần lớn quốc gia khác, Việt Nam *không áp dụng trực tiếp các công ước này, mà chuyển hoá (nội luật hoá) vào hệ thống pháp luật quốc gia để thực hiện*. Trong thực tế, Nhà nước Việt Nam đã ban hành và sửa đổi nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành, đặc biệt là Bộ luật Lao động, tạo lập được một khuôn khổ pháp luật khá toàn diện để phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em (mà sẽ đề cập trong bài sau).

II. Nội dung Công ước số 138 của ILO

1. Hoạt động

Thảo luận nhóm nhỏ:

Chia lớp thành 3-4 nhóm.

Đề nghị mỗi nhóm thảo luận về độ tuổi lao động tối thiểu mà nhóm cho rằng là phù hợp và giải thích lý do.

Sau đó, mỗi nhóm cử một đại diện trình bày ý kiến trước cả lớp.

Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

2. Thuyết trình

Công ước 138 xác lập những mức tuổi lao động tối thiểu, được khái quát trong bảng dưới đây:

Tuổi tối thiểu	Áp dụng chung cho mọi quốc gia	Ngoại lệ
Tuổi tối thiểu chung (Điều 2)	Không được dưới 15 tuổi	Không được dưới 14 tuổi
Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nguy hại (Điều 3)	Không được dưới 18 tuổi	Không được dưới 16 tuổi (Nhưng an toàn và phẩm hạnh của trẻ em phải được đảm bảo)
Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nhẹ nhàng (Điều 7)	13-15 tuổi	12-14 tuổi (cho các nước đang phát triển)

Có hai khái niệm quan trọng cần giải thích trong Công ước 138, đó là *công việc nguy hại* và *công việc nhẹ nhàng*.

- **Công việc nguy hại (*hazardous work*):** Theo Điều 3 (1,3) Công ước 138, khái niệm công việc nguy hại bao hàm tất cả những dạng nghề nghiệp và việc làm mà tính chất hoặc bối cảnh làm việc có thể gây tổn hại đến thể chất, tinh thần, đạo đức hoặc sự an toàn của trẻ em.
- **Công việc nhẹ nhàng (*light work*):** Công ước 138 không định nghĩa cụ thể mà chỉ nêu những đặc điểm khái quát, theo đó công việc nhẹ nhàng có tính chất và điều kiện tiến hành không ảnh hưởng đến sức khỏe, sự phát triển, việc học tập, học nghề hoặc các cơ hội giáo dục khác của trẻ (Điều 7).

Theo Khuyến nghị số 44 của ILO về tuổi tối thiểu (việc làm phi nông nghiệp), công việc nhẹ nhàng bao gồm các công việc vặt (ví dụ như đưa thư, giao báo, mua thuốc lá, nhật bóng, giữ đồ dùng, quần áo, lựa chọn hoặc bán hoa, hoa quả...). Về mặt thời gian, những công việc nhẹ nhàng của trẻ em không được quá hai tiếng đối với cả ngày đi học và ngày nghỉ lễ.

Công ước 138 áp dụng với mọi khu vực kinh tế và mọi dạng nghề nghiệp, việc làm, bất kể đó là công việc có hợp đồng hoặc không có hợp đồng, công việc làm công ăn lương hoặc tự quản lý, công việc có được hoặc không được trả công, công việc trong hoặc ngoài môi trường gia đình.

Khoản 3 Điều 5 Công ước 138 quy định phạm vi áp dụng độ tuổi tối thiểu của Công ước ít nhất phải bao gồm: các ngành công nghiệp khai khoáng; các ngành công nghiệp chế tạo; xây dựng và các công trình công cộng; điện; khí đốt và nước; các dịch vụ y tế; vận tải; lưu giữ trong kho và giao thông; các đồn điền và các cơ sở nông nghiệp khác chủ yếu được khai thác nhằm mục đích thương mại; trừ những cơ sở gia đình hoặc quy mô nhỏ, sản xuất cho thị trường địa phương và không thường xuyên sử dụng người lao động làm công ăn lương.

Theo Điều 6, Công ước này không áp dụng với những dạng công việc sau đây:

- Công việc do trẻ em hoặc người chưa thành niên thực hiện trong các trường phổ thông, giáo dục nghề nghiệp hoặc kỹ thuật hoặc trong các cơ sở đào tạo khác;
- Công việc do những người từ đủ 14 tuổi trở lên thực hiện trong các cơ sở kinh doanh, nếu được thực hiện theo đúng những điều kiện mà nhà chức trách có

thẩm quyền quy định sau khi tham khảo ý kiến với các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động có liên quan, và là một phần không tách rời của: (i) một chương trình giáo dục hoặc đào tạo nghề mà trách nhiệm trước hết thuộc một nhà trường hoặc một cơ sở đào tạo nghề; (ii) một chương trình đào tạo nghề được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và được tiến hành chủ yếu hoặc toàn bộ tại một doanh nghiệp; (iii) một chương trình hướng nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc lựa chọn một nghề hoặc một hướng đào tạo nào đó".

III. Nội dung Công ước 182 của ILO

1. Hoạt động

Thảo luận cả lớp:

Chiếu video clip nói về những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (tìm và tải về trên Internet).²²

Hỏi các học viên những câu sau:

- (1) Như thế nào là các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất?
- (2) Vì sao đã có Công ước 138 nhưng ILO lại thông qua Công ước 182?

Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng để phân tích.

Làm bài tập cá nhân:

Giảng viên tập hợp các công việc mà trẻ em trên thế giới đang làm vào một bảng danh mục, phát cho mỗi học viên một danh mục và đề nghị họ xác định những công việc nào là tồi tệ nhất với trẻ em mà cần xoá bỏ ngay.

Sau khi các học viên đã hoàn thành, giảng viên tổ chức cho học viên phát biểu và tập hợp các công việc bị xem là tồi tệ nhất lên bảng rồi phân tích.

Ghi chú: Danh mục các công việc không nên quá dài (nên gói gọn trong một trang giấy) nhưng không nên quá ngắn (không ngắn quá 15 đầu mục).

Các công việc cần bao gồm những hình thức bị xem là lao động trẻ em tồi tệ nhất nêu ở Điều 1 Công ước số 182 của ILO, như nêu ở mục 3.2 của Bài này.

²² Về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, có thể tải video tại https://www.youtube.com/watch?v=0p_EZlqIE5Q, <https://www.youtube.com/watch?v=v8DPUJLNYl&t=72s>

3.2.Thuyết trình

Công ước 182 được ILO thông qua vào năm 1999 nhằm thúc đẩy các quốc gia hành động ngay lập tức để xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Điều 1 Công ước xác định những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất bao gồm 4 nhóm:

Nhóm 1: Mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ, như buôn bán trẻ em, gán nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng bức, bao gồm tuyển mộ cưỡng bức hoặc bắt buộc trẻ em để phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang.

Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất trong Nhóm 1 cũng được điều chỉnh bằng một số văn kiện pháp lý quốc tế khác như: Các Công ước số 29 năm 1930 và số 105 năm 1957 của ILO về lao động cưỡng bức; Công ước về chế độ nô lệ năm 1926 (kèm Nghị định thư sửa đổi năm 1953) và Công ước bổ sung về xoá bỏ chế độ nô lệ, buôn bán nô lệ và các thể chế, tập tục tương tự như chế độ nô lệ năm 1956 (của Liên hợp quốc); Nghị định thư không bắt buộc bổ sung cho Công ước về quyền trẻ em về sử dụng trẻ em trong xung đột vũ trang năm 2001 (của Liên hợp quốc).

Nhóm 2: Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em làm mại dâm, tham gia sản xuất văn hóa phẩm khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm.

Nhóm 3: Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là hoạt động sản xuất và buôn bán các chất ma túy như đã được xác định trong các điều ước quốc tế có liên quan.

Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất trong Nhóm 2 và Nhóm 3 cũng được điều chỉnh bằng một số văn kiện pháp lý quốc tế khác của Liên hợp quốc như:

- Công ước về trấn áp việc buôn người và bóc lột mại dâm người khác năm 1949; Nghị định thư không bắt buộc bổ sung cho Công ước về quyền trẻ em về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em năm 2001; Công ước về chống tội phạm có tổ chức liên quốc gia và Nghị định thư bổ sung cho Công ước này về việc ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2000.

Nhóm 4: Sử dụng trẻ em trong những công việc mà tính chất và hoàn cảnh làm việc có thể xâm hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ em.

Công ước 182 quy định các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất trong Nhóm 4 sẽ do các quốc gia thành viên xác định trên cơ sở tham chiếu với Khuyến nghị số

190 của ILO. Theo đoạn 3 Khuyến nghị này, việc xác định những công việc mà tính chất và hoàn cảnh làm việc có thể xâm hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ em cần dựa trên các yếu tố sau:

- Những công việc khiến trẻ em lâm vào tình trạng dễ bị lạm dụng về thể chất, tâm lý hoặc tình dục.
- Những công việc dưới mặt đất, dưới nước, ở độ cao nguy hiểm hoặc trong không gian tù hãm.
- Những công việc sử dụng các loại máy móc, thiết bị hoặc dụng cụ nguy hiểm hoặc liên quan đến điều khiển thủ công hoặc vận chuyển hàng hoá nặng.
- Những công việc trong môi trường có hại cho sức khỏe, ví dụ như để trẻ em phải tiếp xúc trực tiếp với các chất, hoá chất và các quy trình độc hại hoặc nhiệt độ, các mức độ tiếng ồn hoặc độ rung ảnh hưởng đến sức khoẻ của trẻ em.
- Những công việc trong những điều kiện đặc biệt khó khăn như làm việc nhiều giờ liền, làm việc ban đêm hoặc công việc khiến trẻ em bị giam hãm một cách vô lý trong các nhà xưởng của người sử dụng lao động.

Công ước 182 không trùng chéo, mâu thuẫn mà bổ trợ cho Công ước số 138, bằng cách xác định những ưu tiên hành động trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, cụ thể là tập trung xoá bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Hai Công ước liên kết với nhau trong một mục đích chung là giải quyết vấn đề lao động trẻ em, vì vậy, việc tham gia Công ước 182 không đòi hỏi phải sửa đổi, thay thế hoặc gây bất kỳ ảnh hưởng gì đến việc phê chuẩn hoặc thực hiện Công ước 138.

IV. Tổng kết, đào sâu

1. Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ

- **Những văn bản pháp luật quốc tế chủ chốt về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em:** Có nhiều văn bản pháp luật quốc tế đề cập đến việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, trong đó có ba công ước chính bổ trợ cho nhau đó là: Công ước số 138 của ILO quy định các độ tuổi lao động tối thiểu, qua đó phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng trẻ em phải lao động từ sớm và phải làm

các công việc nặng nhọc, độc hại; Công ước số 182 của ILO yêu cầu các quốc gia phải thực hiện ngay những biện pháp thích hợp để xoá bỏ mọi hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, qua đó đặt ra những ưu tiên trong hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; Công ước về quyền trẻ em của Liên hợp quốc xác định một hệ thống quyền của trẻ em, bao gồm quyền được bảo vệ không bị bóc lột sức lao động.

- **Nội dung Công ước số 138:** Xác lập những mức tuổi lao động tối thiểu mà các quốc gia phải tuân thủ để phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng trẻ em phải lao động từ sớm và phải làm các công việc nặng nhọc, độc hại, bao gồm: (1) Tuổi lao động tối thiểu chung là không dưới 15 (đối với các nước đang phát triển thì có thể dưới 14); (2) Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nguy hại là không dưới 18 (trong một số trường hợp thì có thể dưới 16, với điều kiện an toàn và phẩm hạnh của người lao động được đảm bảo); (3) Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nhẹ nhàng là 13-15 (đối với các nước đang phát triển thì có thể là 12-14). Khái niệm công việc nguy hại được hiểu bao hàm tất cả những dạng nghề nghiệp và việc làm mà tính chất hoặc bối cảnh làm việc có thể gây tổn hại đến thể chất, tinh thần, đạo đức hoặc sự an toàn của trẻ em. Khái niệm công việc nhẹ nhàng được hiểu là những công việc mà có tính chất và điều kiện tiến hành không ảnh hưởng đến sức khỏe, sự phát triển, việc học tập, học nghề hoặc các cơ hội giáo dục khác của trẻ.
- **Nội dung Công ước số 182:** Các quốc gia phải hành động ngay lập tức để xoá bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, bao gồm: (i) Mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ, như buôn bán trẻ em, gán nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng bức, bao gồm tuyển mộ cưỡng bức hoặc bắt buộc trẻ em để phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang; (ii) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em làm mại dâm, tham gia sản xuất văn hóa phẩm khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm; (iii) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là hoạt động sản xuất và buôn bán các chất ma túy như đã được xác định trong các điều ước quốc tế có liên quan; (iv) Sử dụng trẻ em trong những công việc mà tính chất và hoàn cảnh làm việc có thể xâm hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ em.

2. Đào sâu

Tùy điều kiện về thời gian, có thể áp dụng tất cả hoặc lựa chọn áp dụng một trong hai phương án sau:

PHƯƠNG ÁN 1: **Thảo luận nhóm nhỏ hoặc cả lớp (tùy thuộc vào thời gian cho phép)**

Đề nghị các nhóm (hoặc toàn thể học viên) thảo luận và cùng lên một danh mục các công việc, nghề nghiệp được xem là nhẹ nhàng và nguy hại với trẻ em và giải thích vắn tắt lý do.

Giảng viên tổng hợp và phân tích tính hợp lý của các công việc, nghề nghiệp được học viên xác định trong danh mục.

Đáp án cho bài tập:

Bài tập này không có đáp án lập sẵn. Giảng viên cần căn cứ vào những tiêu chí xác định lao động trẻ em ở Bài 1 để xác định với từng công việc, nghề nghiệp mà học viên nêu ra.

PHƯƠNG ÁN 2: **Làm bài tập**

Làm việc theo cặp đôi.

Cung cấp cho mỗi học viên một phiếu trắc nghiệm dưới đây và đề nghị mọi người hoàn thành, sau đó trao đổi với người bên cạnh để tự đánh giá xem mình có từng bị rơi vào trường hợp của một lao động trẻ em hay không?

Giảng viên tổng hợp xem trong lớp có những ai đã từng rơi vào trường hợp lao động trẻ em.

Công việc thời thơ ấu

Các công việc đã từng làm	Độ tuổi khi làm công việc	Thời gian dành cho công việc
Chăn trâu/bò, cắt cỏ...		
Chăn gà/vịt/ngan/ngỗng...		
Trông nom, quét dọn nhà cửa...		
Chăm sóc em nhỏ hoặc người già...		
Lao động ngoài đồng ruộng (cày bừa, cấy hái...)		
Giúp việc gia đình.		
Đi làm thuê, làm mướn...		
Lao động trong công xưởng, nhà máy, xí nghiệp, công trường, hầm mỏ...		
Theo tàu/thuyền đi đánh cá trên sông/biển...		
Bị bắt buộc/lôi kéo vào các hoạt động trái pháp luật (buôn bán ma túy, buôn lậu...)		

Đáp án cho bài tập:

Bài tập này cũng không có đáp án lập sẵn. Giảng viên cần căn cứ vào **những tiêu chí xác định lao động trẻ em** ở Bài 1 để xác định với từng trường hợp nêu ở bảng trên.

Bài 4

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM

Mục tiêu bài giảng

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có thể:

- Kể ra được những văn bản pháp luật chính của Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.
- Trình bày được những quy định về độ tuổi lao động tối thiểu, các điều kiện sử dụng lao động chưa thành niên và những điều cấm liên quan đến lao động chưa trong pháp luật Việt Nam.

Thời gian dự kiến

120 phút (3 tiết học)

Cấu trúc và Phương pháp

Số TT	Nội dung	Phương pháp	Ghi chú
1	Khái quát chính sách, pháp luật Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.	• Động não • Thuyết trình	
2	Quy định về độ tuổi lao động tối thiểu và các điều kiện sử dụng lao động chưa thành niên trong pháp luật Việt Nam.	• Thảo luận nhóm nhỏ • Thuyết trình	
3	Quy định về những điều cấm liên quan đến lao động trẻ em trong pháp luật Việt Nam.	• Thảo luận cả lớp • Thuyết trình	
4	Tổng kết, đào sâu	• Thuyết trình • Thảo luận cả lớp và thảo luận nhóm nhỏ.	

Đồ dùng dạy học

Máy tính, máy chiếu, bút laser, giấy A0, bút dạ viết bảng, băng keo, kẹp tài liệu, bút bi, bút chì, bảng viết, bảng giấy lật, phòng học với đủ bàn, ghế, thiết bị âm thanh và ánh sáng.

Tài liệu phát cho học viên

- Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ (Mục 4.1)
- Nội dung bài giảng của giảng viên (bằng Powerpoint).
- Tóm tắt các Thông tư số 10/2013/QĐ-BLĐT BXH, Thông tư số 11/2013/TT-BLĐT BXH và Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT-BLĐT-BXH-YT.²³

²³ Có thể tải các văn bản này từ nhiều website, ví dụ như <http://thuvienphapluat.vn/>; http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethong-vanban?class_id=1&mode=view&org_group_id=0&type_group_id=0&category_id=0

NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Khái quát chính sách, pháp luật Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

1. Hoạt động

Động não:

Đề nghị học viên suy nghĩ trong vòng một phút rồi nêu tên bất kỳ văn bản pháp luật nào của Việt Nam liên quan đến phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em mà mình biết.

Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng, tổng hợp và phân tích.

2. Thuyết trình

Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em là chính sách nhất quán từ trước đến nay của Nhà nước Việt Nam. Điều đó thể hiện ở việc ngay trong Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam năm 1946 đã quy định: “Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dục” (Điều 14). Quy định này được tái khẳng định và cụ thể hoá trong tất cả các bản Hiến pháp về sau (1959, 1980, 1992, 2013). Vào năm 1991, Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở châu Á và thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước về quyền trẻ em của Liên hợp quốc.

Nằm trong chính sách chung về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, vấn đề phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em đã được đề cập từ lâu và trong những năm gần đây được Nhà nước ngày quan tâm nhiều hơn. Điều đó thể hiện ở việc sau khi ký kết Công ước về quyền trẻ em, Nhà nước Việt Nam tiếp tục tham gia hai Nghị định thư bổ sung Công ước về quyền trẻ em (về cấm sử dụng trẻ em trong xung đột vũ trang và về cấm buôn bán, mại dâm trẻ em và sản xuất văn hoá phẩm khiêu dâm có trẻ em), Công ước số 138 và Công ước số 182. Đây hiện là tập hợp những điều ước quốc tế chủ chốt về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em. Đặc biệt, lần đầu tiên Hiến pháp 2013 (Điều 37) nêu rõ: “*Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em*”.

Chính sách hiện hành của Nhà nước Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em được cụ thể hoá trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành, trong đó nổi bật là các văn bản sau đây:

Bộ luật Lao động 2012 có một chương riêng quy định về Lao động chưa thành niên (Điều 161-165) trong đó quy định độ tuổi được xem là lao động chưa thành niên, các nguyên tắc và nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi tuyển dụng, sử dụng người lao động chưa thành niên, các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên. Một số quy định này được cụ thể hoá trong Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH ban hành Danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên và Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH ban hành Danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc.

Luật Trẻ em 2016 quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi (Điều 1) và xác định rõ: *“Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em* (Điều 26). Luật cũng nghiêm cấm một loạt hành vi trong đó có những hành vi gắn liền với vấn đề lao động trẻ em, bao gồm: Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em; Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em; Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn; Sử dụng, rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật...; Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình; Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, cơ sở giáo dục, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền; Lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em; lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân dành cho trẻ em để trục lợi; Từ chối, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc hỗ trợ, can thiệp, điều trị trẻ em có nguy cơ hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm, bị tổn hại thân thể, danh dự, nhân phẩm... (Điều 6).

Bên cạnh đó, Luật Trẻ em quy định 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó có bổ sung các nhóm mới như: trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; trẻ em bị bóc lột; trẻ em bị mua bán; trẻ em mắc bệnh

hiếm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc. Đây là những nhóm trẻ em thuộc về hoặc có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh lao động trẻ em. Luật cũng quy định 25 nhóm quyền của trẻ em, trong đó có những quyền có tác dụng trực tiếp với việc bảo vệ trẻ em khỏi bị rơi vào hoàn cảnh lao động trẻ em như quyền được sống chung với cha, mẹ; quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi; quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục, không bị bóc lột sức lao động, không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc, không bị mua, bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt; quyền được đảm bảo an sinh xã hội; quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn... Đặc biệt, Luật Trẻ em 2016 quy định cụ thể các nội dung về các cấp độ bảo vệ trẻ em (phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp) và trách nhiệm thực hiện; cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; chăm sóc thay thế; các biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng. Những quy định này cũng có ý nghĩa quan trọng với việc phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ trẻ em lao động.

Bộ luật Hình sự: Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có một điều quy định trực tiếp về tội vi phạm quy định về sử dụng lao động trẻ em (Điều 228), theo đó hành vi sử dụng trẻ em làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến cao nhất là bảy năm. Ngoài ra, Bộ luật còn quy định về tội danh mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120); các tội danh liên quan đến mại dâm trẻ em, xâm hại tình dục trẻ em và khiêu dâm trẻ em (Điều 112, 114, 115 và 116).

Quy định tại Điều 228 nêu trên được đổi thành “Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi” (Điều 296) của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực từ 1-1-2018, trong tài liệu này viết tắt là Bộ luật Hình sự 2015) với chế tài nghiêm khắc hơn. Cụ thể, theo Điều 296 Bộ luật Hình sự 2015, người nào sử dụng người dưới 16 tuổi làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định thì bị phạt tiền từ 30 triệu đến 200 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 10 năm. Các tội danh khác liên quan đến lao động trẻ em cũng được tái khẳng định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 với chế tài nghiêm khắc hơn (nội dung chi tiết được đề cập ở Bài 8).

Bên cạnh đó, việc bảo vệ trẻ em khỏi bị rơi vào trường hợp lao động trẻ em còn được đề cập cả trực tiếp và gián tiếp trong một số luật và pháp lệnh khác của Việt Nam như Luật phổ cập giáo dục tiểu học 1991 và Luật Giáo dục 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (hai luật này quy định chi tiết về quyền học tập của trẻ em, gồm quyền được học tiểu học miễn phí), Luật Hôn nhân và gia đình 2014 (nhấn mạnh việc đối xử bình đẳng với con trai và con gái, trẻ em được sinh ra trong và ngoài giá thú); Luật Nghĩa vụ quân sự 2016 (qui định độ tuổi nhập ngũ là 18 tuổi và đưa ra các biện pháp nhằm đảm bảo không tuyển trẻ em ít hơn 18 tuổi); Luật Phòng, Chống Mua Bán người 2011 (Nghiêm cấm các hành vi mua bán người và quy định các biện pháp phòng ngừa, giải cứu, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán); Pháp lệnh Phòng, Chống Mại dâm 2003 (Quy định trách nhiệm của các cơ sở kinh doanh dịch vụ phải ký hợp đồng lao động bằng văn bản với người lao động; đăng ký lao động với cơ quan quản lý lao động địa phương và không sử dụng người lao động dưới 18 tuổi làm những công việc ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể lực, trí lực và nhân cách của họ); Luật An toàn, Vệ sinh Lao động 2015 (Quy định việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; chính sách, chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động và quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động – những quy định này cũng được áp dụng với lao động chưa thành niên).

Để cụ thể hoá và hướng dẫn thực hiện những quy định về lao động chưa thành niên và lao động trẻ em trong một số luật nêu trên, Chính phủ đã ban hành một số Nghị định trong đó quan trọng nhất là: (1) Nghị định số 56/NĐ-CP ngày 9/5/2017 quy định chi tiết một số điều về Luật trẻ em, trong đó bao gồm các quy định về các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và chính sách hỗ trợ; hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; việc chăm sóc thay thế cho trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc bảo đảm để trẻ em được tham gia vào các vấn đề về trẻ em; (2) Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trong đó bao gồm những vi phạm về lao động trẻ em và lao động chưa thành niên; (3) Nghị định số 144/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em, trong đó có những vi phạm về lạm dụng, bóc lột sức lao động của trẻ em.

Cũng về mặt chính sách, Nhà nước Việt Nam đã lồng ghép vấn đề phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em vào nhiều chương trình, kế hoạch hành động cấp quốc gia, như Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em (các giai đoạn 1991-2000, 2000-2010, 2012-2020); Chương trình hành động quốc gia về bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt giai đoạn 1999-2002, Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015; Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020; Chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004-2010; Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2004 đến năm 2010; Chương trình phòng, chống mua bán người (các giai đoạn 2011 – 2015, 2016 – 2020); Chiến lược Phát triển Giáo dục 2011-2020...

Đặc biệt, gần đây Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1023/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 với hai mục tiêu cụ thể là: a) Nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm của cơ quan nhà nước các cấp, các tổ chức, đoàn thể xã hội, người sử dụng lao động, cộng đồng, cha mẹ và trẻ em về lao động trẻ em; và b) 100% lao động trẻ em trái quy định của pháp luật khi có thông báo, phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời.

II. Quy định về độ tuổi lao động tối thiểu và các điều kiện sử dụng lao động chưa thành niên trong pháp luật Việt Nam.

1. Hoạt động

Thảo luận nhóm nhỏ

Chia lớp thành 3-4 nhóm.

Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định những vấn đề sau đây trong pháp luật Việt Nam:

- (1) Độ tuổi được giao kết hợp đồng lao động;
- (2) Các điều kiện khi sử dụng lao động chưa thành niên;

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết kết quả lên giấy A0 rồi cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét, bổ sung phần trình bày của nhóm khác.

2. Thuyết trình

Bộ luật Lao động 2012 đã có quy định về các độ tuổi lao động tối thiểu mà về cơ bản thống nhất với Công ước số 138 của ILO (xem bảng dưới đây).

Các mức tuổi lao động tối thiểu	Tuổi tối thiểu áp dụng chung cho mọi quốc gia	Tuổi tối thiểu ngoại lệ	Tuổi tối thiểu áp dụng tại Việt Nam
Tuổi tối thiểu chung (Điều 2)	Không được dưới 15 tuổi	Không được dưới 14 tuổi	Từ đủ 15 tuổi (Điều 3 Khoản 1 BLLĐ 2012)
Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nguy hại (Điều 3)	Không được dưới 18 tuổi	Không được dưới 16 tuổi Nhưng an toàn và phẩm hạnh của trẻ em phải được đảm bảo	Từ đủ 18 tuổi (Điều 161 BLLĐ 2012) ²⁴
Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nhẹ nhàng (Điều 7)	13 - 15 tuổi	12-14 tuổi (cho các nước đang phát triển)	Từ đủ 13 đến dưới 15 tuổi (Điều 164 BLLĐ 2012)

Các Điều 162, 163, 164, 165 Bộ luật Lao động 2012 quy định những điều kiện cho việc sử dụng lao động chưa thành niên, bao gồm:

Về công việc, nguyên tắc chung là chỉ được sử dụng người lao động chưa thành niên vào những công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách (Điều 162 khoản 1). Không được sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của họ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành (Điều 163 khoản 1). Đối với người lao động dưới 15 tuổi, chỉ được sử dụng làm các công việc nhẹ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định (Điều 164 khoản 1 và 3).

²⁴ Điều 161 BLLĐ quy định: 'Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi'. Từ quy định này suy ra người lao động đã thành niên là người lao động từ 18 tuổi.

Để cụ thể hoá quy định tại Điều 164 BLLĐ 2012, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 11/2013/TT –BLĐTBXH kèm theo Danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc, theo đó:

- **Các công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc bao gồm:** (1) Diễn viên: múa; hát; xiếc; điện ảnh; sân khấu kịch, tuồng, chèo, cải lương, múa rối (trừ múa rối dưới nước); (2) Vận động viên năng khiếu: thể dục dụng cụ, bơi lội, điền kinh (trừ tạ xích), bóng bàn, cầu lông, bóng rổ, bóng ném, bi-a, bóng đá, các môn võ, đá cầu, cầu mây, cờ vua, cờ tướng, bóng chuyền.
- **Các công việc được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm việc bao gồm:** (1) Những công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc; (2) Các nghề truyền thống: chấm men gốm, cưa vỏ trai, vẽ tranh sơn mài, làm giấy dó, nón lá, se nhang, chấm nón, dệt chiếu, làm trống, dệt thổ cẩm, làm bún gạo, làm giá đỗ, làm bánh đa (miến), làm bánh đa Kếp; (3) Các nghề thủ công mỹ nghệ: thêu ren, mộc mỹ nghệ, làm lược sừng, đan lưới vó, làm tranh Đông Hồ, nặn tò he; (4) Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình; (5) Nuôi tằm; (6) Gói kẹo dừa.

Về thời giờ làm việc: Không được yêu cầu người lao động chưa thành niên từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi làm việc quá 08 giờ trong 01 ngày và 40 giờ trong 01 tuần; đối với người dưới 15 tuổi thời giờ làm việc không được quá 04 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần (Điều 163 khoản 2). Chỉ được yêu cầu người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề và công việc theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Điều 163 khoản 3). Đối với người dưới 15 tuổi thì không được yêu cầu làm thêm giờ và làm việc vào ban đêm (Điều 163 khoản 2).

Về các điều kiện khác: Người sử dụng lao động có trách nhiệm:

- Quan tâm chăm sóc người lao động chưa thành niên về các mặt lao động, tiền lương, sức khoẻ trong quá trình lao động (Điều 162 khoản 1).
- Tạo cơ hội để người lao động chưa thành niên được học văn hoá (Điều 163 khoản 5).
- Lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khoẻ định kỳ của người lao động chưa thành niên và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu (Điều 162 khoản 2).

- Với người lao động dưới 15 tuổi: phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật có sự đồng ý của các em; phải bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến giờ học tại trường học và bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với lứa tuổi của các em (Điều 164 khoản 2, 3).

III. Quy định về những điều cấm liên quan đến lao động trẻ em trong pháp luật Việt Nam

1. Hoạt động

Thảo luận cả lớp

Hỏi học viên xem ai có thể kể tên các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam.

Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng và phân tích.

2. Thuyết trình

Xét tổng quát, trong pháp luật Việt Nam, các quy định cấm liên quan đến lao động trẻ em trong các công ước quốc tế đều đã được nội luật hoá, cụ thể như sau:

Các quy định cấm trong các điều ước quốc tế	Pháp luật Việt Nam
Quy định cấm lao động trẻ em nói chung (Điều 32 Công ước về quyền trẻ em; Điều 2 Công ước số 138, Điều 3 Công ước số 182)	Quyền của trẻ em được bảo vệ không bị bóc lột sức lao động (Điều 26 Luật Trẻ em 2016).
	Các hành vi liên quan đến lao động trẻ em bị nghiêm cấm (Điều 6 Luật Trẻ em 2016).
	Quy định về lao động chưa thành niên (Điều 161-165 Bộ luật Lao động 2012).
	Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi (Điều 296 Bộ luật Hình sự 2015).
Quy định cấm và xoá bỏ mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ như buôn bán và vận chuyển trẻ em, gán nợ và lao động nô lệ và lao động cưỡng bức trong đó có tuyển mộ cưỡng bức trẻ em tham gia vào các xung đột vũ trang (Điểm a Điều 3 Công ước số 182).	Nghiêm cấm các hành vi: Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em (Điều 6 Luật Trẻ em 2016).
	Các tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151 BLHS 2015) và tội cưỡng bức lao động (Điều 297 BLHS 2015- bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người dưới 16 tuổi).
	Độ tuổi gọi nhập ngũ là đủ 18 tuổi (Điều 30 Luật Nghĩa vụ quân sự 2016)

Các quy định cấm trong các điều ước quốc tế	Pháp luật Việt Nam
Quy định cấm và xoá bỏ mọi hình thức sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em vào hoạt động mại dâm, sản xuất các sản phẩm phim ảnh khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm (Điểm b Điều 3 Công ước số 182).	Tội mua dâm người dưới 18 tuổi (Điều 329);
	Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147);
	Các tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy (Điều 326); Tội chứa mại dâm (Điều 327); Tội môi giới mại dâm (Điều 328) bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi;
Quy định cấm và xoá bỏ mọi hình thức sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em vào các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt vào mục đích sản xuất và vận chuyển chất ma túy như được nêu tại các hiệp định quốc tế (Điểm c Điều 3 Công ước số 182).	Nghiêm cấm các hành vi: Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em; lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em (Điều 6 Luật Trẻ em 2016).
	Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp (Điều 325 BLHS 2015);
	Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 258) bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người dưới 18 tuổi;
Quy định cấm và xoá bỏ những công việc mà tính chất hoặc các điều kiện của nó có thể xâm hại đến sức khỏe, an toàn và đạo đức của trẻ (Điểm d Điều 3 Công ước số 182).	Nghiêm cấm các hành vi: Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em; lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em (Điều 6 Luật Trẻ em 2016).
	Các quy định có liên quan trong Bộ luật Lao động 2012 và Thông tư 10/2013/TT-LĐT-BXH.

Liên quan đến các hình thức lao động nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm với trẻ em nêu ở mục d Điều 3 Công ước 182, BLLĐ 2012 đã quy định cụ thể như sau:

Các công việc bị cấm:

- Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên (Điều 165 khoản 1, điểm a);
- Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ (Điều 165 khoản 1, điểm b);
- Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc (Điều 165 khoản 1, điểm c);
- Phá dỡ các công trình xây dựng (Điều 165 khoản 1, điểm d);
- Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại (Điều 165 khoản 1, điểm đ);
- Lặn biển, đánh bắt cá xa bờ (Điều 165 khoản 1, điểm e);
- Sản xuất và kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần và các chất gây nghiện khác (Điều 163 khoản 4).
- Công việc khác gây tổn hại cho sức khỏe, an toàn hoặc đạo đức của người chưa thành niên (Điều 165 khoản 1, điểm g).

Những nơi làm việc bị cấm:

- Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm (Điều 165 khoản 2, điểm a);
- Công trường xây dựng (Điều 165 khoản 2, điểm b);
- Cơ sở giết mổ gia súc (Điều 165 khoản 2, điểm c);
- Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, phòng tắm hơi, phòng xoa bóp (Điều 165 khoản 2, điểm d);
- Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của người chưa thành niên (Điều 165 khoản 2, điểm đ).

Để cụ thể hoá các Điều 165, 163 BLLĐ 2012, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 10/2013/TT-LĐTBXH ban hành Danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên.

Theo Thông tư nêu trên, ngoài những nơi làm việc được quy định tại khoản 2 Điều 165 BLLĐ 2012, cấm sử dụng lao động chưa thành niên tại những nơi làm việc, chỗ làm việc khác mà người lao động phải:

- Tiếp xúc với các yếu tố vệ sinh môi trường lao động không đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo quy định của pháp luật hiện hành: điện từ trường, rung, ồn, nhiệt độ, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông, bụi amiăng;
- Tiếp xúc với các loại chất, tia phóng xạ; bức xạ bởi tia X và các tia có hại khác không đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo qui định của pháp luật hiện hành;
- Tiếp xúc với các yếu tố gây bệnh truyền nhiễm;
- Làm việc trên 04 giờ/ngày trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom;
- Làm việc trên giá cao hoặc dây treo cao hơn 3 m so với mặt sàn làm việc; địa hình đồi núi dốc trên 300.

Cũng theo Thông tư nêu trên, ngoài những công việc quy định tại khoản 1 Điều 165, còn có 91 công việc khác bị cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên (xem Phụ lục).

Bên cạnh đó, 09/12/2004, Bộ LĐ-TB-XH và Bộ Y tế đã ban hành Thông tin liên tịch số 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT hướng dẫn, quy định danh mục chỗ làm việc, công việc không được sử dụng lao động dưới 18 tuổi trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm. Thông tư này, những chỗ làm việc, công việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ sau đây không được sử dụng lao động dưới 18 tuổi:

- Tại các cơ sở dịch vụ lưu trú (khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, biệt thự kinh doanh du lịch, căn hộ cho thuê và cơ sở lưu trú khác): Những chỗ làm việc như Phòng bảo vệ; Quầy bar, lễ tân; Bộ phận phục vụ buồng. Những công việc như: Bảo vệ; Lễ tân; Phục vụ buồng, phòng; Phục vụ bàn, bar.
- Tại các cơ sở dịch vụ văn hoá (vũ trường, karaoke; hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên tại khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống, giải khát, quán bar, quán cà phê; đại lý cung cấp dịch vụ truy cập Internet): Những chỗ làm việc như: Phòng hát; Sàn nhảy; Sân khấu; Nơi trực tiếp phục vụ khách hàng truy cập Internet. Những công việc như: Điều khiển thiết bị âm thanh, ánh sáng; Hát với khách; Khiêu vũ cùng khách; Nhảy trình diễn nghệ thuật; Nhảy trình diễn không nghệ thuật; Biểu diễn nhạc sống; Điều hành các hoạt động trực tiếp tại sàn khiêu vũ; Phục vụ khách truy cập Internet.

- Tại các cơ sở dịch vụ trị liệu phục hồi sức khỏe (xoa bóp/massage, tắm hơi, tắm quất bấm huyết, vật lý trị liệu): Những chỗ làm việc như: Phòng tắm hơi; Phòng xoa bóp/massage, tắm quất. Những công việc như: Xoa bóp/massage; Các công việc khác tại phòng xoa bóp/massage, phòng tắm.
- Tại các cơ sở dịch vụ khác (tắm nóng lạnh, hót tóc, gội đầu thư giãn, cơ sở kinh doanh vận chuyển khách du lịch, lữ hành): Những chỗ làm việc như: Phòng cắt tóc gội đầu kín; Phòng chơi game (trò chơi điện tử có thưởng, bi-a, đánh cờ, bowling); Nơi dịch vụ thể thao trong nhà, ngoài trời, trên biển, leo núi. Những công việc như: Phục vụ khách tắm; Cắt tóc; Gội đầu; Xoa bóp/massage; Hướng dẫn du lịch; Lái xe xích lô và các phương tiện thô sơ chuyên dùng vận chuyển khách du lịch.

IV. Tổng kết, đào sâu

1. Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ

Hệ thống văn bản chính sách, pháp luật của Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em: Bao gồm Hiến pháp 2013 và một số luật chuyên ngành, trong đó tiêu biểu là Bộ luật Lao động 2012, Luật Trẻ em 2016 và Bộ luật Hình sự 2015. Các luật chuyên ngành được cụ thể hoá bằng một số văn bản dưới luật, trong đó quan trọng nhất là Thông tư số 10/2013/QĐ-BLĐTBXH ban hành Danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên và Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH ban hành Danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc. Về mặt chính sách, Nhà nước Việt Nam đã lồng ghép vấn đề phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em vào nhiều chương trình, kế hoạch hành động cấp quốc gia, trong đó trực tiếp và quan trọng nhất hiện nay là Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020.

Quy định về độ tuổi lao động tối thiểu và các điều kiện sử dụng lao động chưa thành niên trong pháp luật Việt Nam: BLLĐ 2012 đã quy định về các độ tuổi lao động tối thiểu tương thích với Công ước số 138 của ILO, bao gồm tuổi tối thiểu chung là từ đủ 15, tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nguy hại là từ 18, tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nhẹ nhàng là từ đủ 13 đến dưới 15. Bộ luật này cũng quy định các điều kiện về công việc, nơi làm việc, thời giờ làm việc và thủ tục sử dụng lao động chưa thành niên. Về công việc và nơi làm việc, nguyên

tắc chung là cấm sử dụng lao động chưa thành niên làm một số công việc và ở một số nơi làm việc có thể gây tổn hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của các em. Về thời giờ làm việc, không được sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi làm quá 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần; không được sử dụng người lao động từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm quá 4 giờ/ngày và 20 giờ/tuần.

Quy định về những điều cấm liên quan đến lao động trẻ em trong pháp luật

Việt Nam: Các quy định cấm về lao động trẻ em trong các điều ước quốc tế như Công ước về quyền trẻ em của Liên hợp quốc, Công ước số 138 và 182 của ILO đều đã được cụ thể hoá trong Luật trẻ em năm 2016, BLHS 2015 và BLLĐ 2012. Điều 165, 163 BLLĐ 2012 đã quy định một số công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên. Những quy định này đã được cụ thể hoá và bổ sung trong Thông tư số 10/2013/TT-LĐTBXH, trong đó ngoài các công việc được nêu trong các Điều 165, 163 BLLĐ 2012 còn có 91 công việc khác bị cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên. Bên cạnh đó, Thông tin liên tịch số 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 09/12/2004 của Bộ LĐ-TB-XH và Bộ Y tế cũng quy định một danh mục chỗ làm việc, công việc không được sử dụng lao động dưới 18 tuổi trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm, bao gồm: Các cơ sở dịch vụ lưu trú (khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, biệt thự kinh doanh du lịch, căn hộ cho thuê và cơ sở lưu trú khác); Các cơ sở dịch vụ văn hoá (vũ trường, karaoke; hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên tại khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống, giải khát, quán bar, quán cà phê; đại lý cung cấp dịch vụ truy cập Internet); Các cơ sở dịch vụ trị liệu phục hồi sức khỏe (xoa bóp/massage, tắm hơi, tắm quất bấm huyết, vật lý trị liệu); Các cơ sở dịch vụ khác (tắm nóng lạnh, hót tóc, gội đầu thư giãn, cơ sở kinh doanh vận chuyển khách du lịch, lữ hành).

2. Đào sâu

Tuỳ điều kiện về thời gian, có thể áp dụng tất cả hoặc lựa chọn áp dụng một trong hai phương án sau:

PHƯƠNG ÁN 1: Thảo luận cả lớp

Đề nghị học viên suy nghĩ và nêu ra quan điểm của mình về tính phù hợp và khả thi của Danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/QĐ-BLĐTBXH và Danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc ban hành kèm theo Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH.

Giảng viên tập hợp các ý kiến lên bảng và phân tích.

PHƯƠNG ÁN 2: **Thảo luận nhóm nhỏ**

Chia học viên thành các nhóm.

Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định những công việc và nơi làm việc mà cần phải bổ sung vào Danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/QĐ-BLĐT-BXH và Danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc ban hành kèm theo Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH.

Yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm.

Giảng viên tập hợp các ý kiến và phân tích.

Đáp án cho hai bài tập:

Cả hai bài tập này đều không có đáp án lập sẵn. Giảng viên cần căn cứ vào ***những quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về lao động trẻ em ở Bài 3 và 4*** để phân tích, đánh giá các ý kiến, quan điểm của học viên/nhóm học viên.

Bài 5

KHẢO SÁT, LẬP KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM

Mục tiêu bài giảng

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có thể:

- Trình bày được những yêu cầu trong việc khảo sát, thu thập, phân tích số liệu về lao động trẻ em.
- Trình bày được những yêu cầu khi lập kế hoạch hành động phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em.
- Trình bày được bối cảnh ra đời, những nội dung chủ yếu và thảo luận được về những yêu cầu với việc thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 của cơ quan, tổ chức mình.

Thời gian dự kiến

120 phút (3 tiết học)

Cấu trúc và Phương pháp

Số TT	Nội dung	Phương pháp	Ghi chú
1	Khảo sát tình hình lao động trẻ em	• Thảo luận cả lớp (chia sẻ kinh nghiệm) • Thuyết trình	
2	Kế hoạch hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	• Thảo luận cả lớp (động não) • Thuyết trình	
3	Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 của Việt Nam	• Thảo luận cả lớp (chia sẻ thông tin) • Thuyết trình	
4	Tổng kết, đào sâu	• Thuyết trình • Thảo luận nhóm nhỏ (làm bài tập nhóm)	

Đồ dùng dạy học

Máy tính, máy chiếu, bút laser, giấy A0, bút dạ viết bảng, băng keo, kẹp tài liệu, bút bi, bút chì, bảng viết, bảng giấy lật, phòng họp với đủ bàn, ghế, thiết bị âm thanh và ánh sáng.

Tài liệu phát cho học viên

- Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ (Mục 4.1, bảng doc)
- Nội dung bài giảng của giảng viên (bằng Powerpoint).
- Tóm tắt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 của Việt Nam.²⁵

²⁵ Có thể tải các văn bản này từ nhiều website, ví dụ như <http://thuvienphapluat.vn/>; http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=184995

NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Khảo sát tình hình lao động trẻ em²⁶

1. Hoạt động

Chia sẻ kinh nghiệm

Giảng viên hỏi xem có học viên nào đã từng tham gia vào một cuộc khảo sát tình hình lao động trẻ em (hoặc về bất kỳ vấn đề gì khác nếu không có ai đã từng làm việc về lao động trẻ em).

Mời các học viên đó lên trình bày trước lớp và khuyến khích họ chia sẻ với cả lớp những cách thức, kinh nghiệm và bài học về:

- Những điều cần lưu ý khi xây dựng kế hoạch khảo sát.
- Nội dung của kế hoạch khảo sát.
- Các hình thức khảo sát.
- Việc xử lý, phân tích và phổ biến kết quả khảo sát.

Khuyến khích các học viên khác đưa ra những câu hỏi với người trình bày.

2. Thuyết trình

Để xây dựng các dự án, chương trình, hoạt động về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em đạt được hiệu quả như mong muốn, việc khảo sát tình hình (thực trạng) là không thể thiếu. Khảo sát cho phép nhận rõ những nguyên nhân, đặc điểm, tính chất và các khía cạnh khác có liên quan của vấn đề, từ đó xác định và thực hiện những chiến lược, biện pháp can thiệp thích hợp nhằm phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em.

²⁶ Tham khảo từ ILO/IPEC, Child Labour: A Textbook for University Students, 2004, tr.169-170; ILO/IPEC, "Training Manual to Fight Trafficking in Children for Labour, Sexual and Other Forms of Exploitation", 2008, tr. 52, 53, 69.

Thông thường, khảo sát về lao động trẻ em gồm các bước sau: Lập kế hoạch khảo sát; Thu thập dữ liệu; Xử lý, phân tích kết quả khảo sát và viết báo cáo khảo sát; Phổ biến, áp dụng kết quả khảo sát.

Để đạt được mục tiêu đề ra, việc khảo sát về lao động trẻ em cần được lên kế hoạch trước khi thực hiện. Tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể, việc lên kế hoạch khảo sát có thể khác nhau, tuy nhiên, có một số việc cơ bản phải làm như sau:

- **Xác định các mục tiêu của việc khảo sát.** Thông thường, các mục tiêu cũng chi phối việc xác định đối tượng, phạm vi và các hoạt động khảo sát cụ thể. Ví dụ, nếu mục tiêu của việc khảo sát là *Tìm hiểu thực trạng lao động trẻ em ở các làng nghề truyền thống ở xã X, huyện Y, tỉnh Z* thì phạm vi khảo sát sẽ chỉ là ở một xã đã được nêu, và chủ yếu nhằm vào những trẻ em tham gia làm các nghề truyền thống ở địa bàn khảo sát. Tuy nhiên, nếu mục tiêu là *Khảo sát thực trạng lao động trẻ em ở Việt Nam* thì phạm vi các hoạt động khảo sát rộng hơn rất nhiều, đối tượng khảo sát cũng khác (lao động trẻ em trên phạm vi cả nước).
- **Xác định đối tượng, phạm vi và trọng tâm của khảo sát.** Để làm được việc này, có thể đặt ra các câu hỏi như: Đối tượng trẻ em nào cần khảo sát? Liệu có cần khảo sát tất cả trẻ em thuộc đối tượng đó hay không, hoặc chỉ tập trung vào những trẻ em ở một nhóm tuổi nhất định? Loại công việc nào trẻ em đang làm cần khảo sát? Liệu có cần khảo sát tất cả các loại công việc trẻ em đang làm hay không, hoặc chỉ nhằm vào một số loại công việc nhất định?
- **Xác định các hoạt động cụ thể cần tiến hành.** Thông thường, sau khi xác định được mục tiêu, đối tượng, phạm vi và trọng tâm của khảo sát, sẽ dễ dàng xác định được các hoạt động cụ thể cần tiến hành. Tuy nhiên, cần lưu ý là *cần lên thời gian biểu* cho các hoạt động để bảo đảm việc khảo sát đúng tiến độ.
- **Liệt kê các phương pháp và công cụ khảo sát, nghiên cứu sẽ được sử dụng:** Bên cạnh việc xác định các hoạt động khảo sát cần tiến hành, việc liệt kê các phương pháp và công cụ nghiên cứu sẽ sử dụng tương ứng với từng hoạt động cũng rất cần thiết, ví dụ như sử dụng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, quan sát thực tế...
- **Xác định rõ nguồn nhân lực phục vụ cho khảo sát, nguồn kinh phí:** Việc xác định rõ người thực hiện, người phối hợp và tham gia trong khảo sát cho phép phân định trách nhiệm rõ ràng, đảm bảo chất lượng của khảo sát. Việc lập dự trù kinh phí cho từng hoạt động cũng đảm bảo cho việc khảo sát có tính khả thi và được thực hiện đúng theo kế hoạch.

Hoạt động khảo sát về lao động trẻ em về bản chất là thu thập và xử lý dữ liệu về vấn đề. Những loại dữ liệu cơ bản cần thu thập đó là những dữ liệu liên quan đến tính chất, mức độ (phạm vi), nguyên nhân và hậu quả của lao động trẻ em. Việc thu thập những dữ liệu đó thông thường liên quan đến một loạt câu hỏi về *Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? và Tại sao?* Dưới đây là một số ví dụ:

- Những trẻ em nào đang tham gia lao động?
- Có bao nhiêu em tham gia?
- Các em làm những công việc gì, thu nhập như thế nào?
- Điều kiện sống và làm việc của các em như thế nào?
- Lao động trẻ em xảy ra ở những địa phương/khu vực nào? dưới những hình thức nào?
- Nguyên nhân dẫn đến lao động trẻ em? Hoàn cảnh gia đình của các em như thế nào?
- Trẻ thường làm việc vào những thời gian nào, trong bao lâu?
- Các em có được đi học không? Lao động có ảnh hưởng đến việc học tập không?
- Có em nào phải làm những dạng lao động trẻ em tồi tệ nhất hay không?
- Công việc ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe, sự an toàn, đạo đức và việc học hành của các em?
- Thái độ của cha mẹ/người giám hộ và của cộng đồng đối với vấn đề lao động trẻ em như thế nào?
- UBND ở địa phương đã có những hành động gì trước thực trạng lao động trẻ em?

Để thu thập được dữ liệu, ngoài những nguồn sẵn có, cần đặc biệt quan tâm đến người cung cấp thông tin. Tùy mục tiêu, đối tượng, phạm vi, phương pháp và điều kiện, hoàn cảnh khảo sát mà lựa chọn và tiếp cận những chủ thể khác nhau để thu thập thông tin. Về nguyên tắc, càng tiếp cận được nhiều nguồn cung cấp thì dữ liệu thu được càng toàn diện, chính xác. Thông tin về lao động trẻ em có thể thu thập từ những chủ thể sau đây:

- Bản thân lao động trẻ em

- Gia đình, người thân, hàng xóm, cán bộ UBND và các đoàn thể xã hội ở cấp cơ sở nơi có lao động trẻ em.
- Thanh tra lao động, cán bộ bảo vệ trẻ em các cấp.
- Cán bộ xã hội,
- Cán bộ y tế,
- Cán bộ các cơ quan nhà nước khác có liên quan (thống kê, tư pháp, xuất nhập cảnh, công an, giáo dục...)
- Thành viên của các tổ chức quần chúng và các NGOs.
- Các nhà nghiên cứu.
- Nhà báo.
- Luật sư (đặc biệt với một số hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất).

Sau khi đã thu thập được những thông tin và số liệu cần thiết, cần tiến hành xử lý và phân tích chúng. Mục tiêu là để đưa ra những nhận định, đánh giá, kết luận về thực trạng, đặc điểm và nguyên nhân của lao động trẻ em tại địa phương. Tất cả các thông tin sau đó được thể hiện trong một báo cáo tổng quan. Một báo cáo tổng quan tốt phải khái quát những thông tin, số liệu thu thập được mà từ đó cho thấy một bức tranh tương đối hoàn chỉnh về thực trạng lao động trẻ em, đồng thời phải bao gồm những kết luận và đề xuất với các chủ thể có liên quan. Ở phần đầu của báo cáo, cần nêu tóm tắt cách tiếp cận, phương pháp khảo sát và những phát hiện, kết luận chính để người đọc có thể nhanh chóng nắm bắt được những nội dung cốt lõi của tài liệu mà chưa cần phải đọc một cách chi tiết.

Như đã nêu ở trên, phỏng vấn trẻ em là một cách thức quan trọng để thu thập dữ liệu về lao động trẻ em. Tuy nhiên, khi thực hiện phỏng vấn lao động trẻ em cần tuân thủ một số quy định pháp luật và nguyên tắc đạo đức sau đây: ²⁷

- Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em.
- Bảo đảm bí mật riêng tư của trẻ, không được công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ (từ 7 tuổi trở lên) lên mạng xã hội mà không có sự đồng ý của trẻ và của cha mẹ, người giám hộ của trẻ.

²⁷ Tham khảo từ ILO/IPEC. "Training Manual to Fight Trafficking in Children for Labour, Sexual and Other Forms of Exploitation", sách đã dẫn, tr.45.

- Bảo mật thông tin, bảo đảm sự hỗ trợ của cha mẹ, người giám hộ của trẻ trong trường hợp cần thiết.
- Giảm thiểu nguy cơ các em bị trả thù bởi những chủ thể khác do các em trả lời phỏng vấn.
- Đảm bảo rằng trẻ hoàn toàn tự nguyện đồng ý trả lời phỏng vấn.
- Ý thức được và tránh bất kỳ hành động, lời nói nào có thể gây tổn thương tâm lý cho trẻ, đặc biệt với những trẻ là nạn nhân của sự lạm dụng, bóc lột.
- Thông báo trước cho trẻ về mục đích sử dụng thông tin mà các em cung cấp, những đối tượng sẽ sử dụng thông tin đó và thông tin đó sẽ được bảo mật như thế nào.
- Bảo đảm bí mật danh tính của trẻ.
- Khuyến khích sự hợp tác của trẻ bằng cách làm cho trẻ cảm thấy an toàn khi trả lời phỏng vấn.
- Không nên nhắc đi nhắc lại câu hỏi với trẻ, kể cả khi câu trả lời của trẻ không được đầy đủ.
- Không hoặc hạn chế sự tham gia của người khác vào cuộc phỏng vấn vì điều này có thể tác động đến tâm lý và câu trả lời của trẻ.
- Có thể phỏng vấn trẻ một cách riêng rẽ hoặc theo từng nhóm, tùy theo yêu cầu, mục đích và hoàn cảnh. Tuy nhiên, nếu phỏng vấn trẻ theo nhóm, cần tìm hiểu xem điều đó có ảnh hưởng đến tâm lý và câu trả lời của trẻ hay không.
- Tránh hỏi trẻ những câu hỏi trực tiếp và khó.
- Không bao giờ lừa dối trẻ bằng cách đóng giả là một ai đó khi phỏng vấn.
- Để dành những câu hỏi nhạy cảm đến cuối cuộc phỏng vấn, và chỉ hỏi các câu đó khi đã xây dựng được mối quan hệ tin cậy với trẻ.
- Bảo đảm rằng tất cả những người thực hiện phỏng vấn, tập hợp, phân tích, xử lý số liệu phỏng vấn đều hiểu và tuân thủ các quy định pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức về bảo vệ trẻ em tham gia các cuộc khảo sát, phỏng vấn, đồng thời có cơ chế hiệu quả để kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn đó.

II. Kế hoạch hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

1. Hoạt động

Động não

Hỏi học viên những câu sau:

- (1) *Nếu cần lập một kế hoạch hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở địa phương, việc đầu tiên anh/chị cần làm gì?*
- (2) *Kế hoạch cần bao gồm những nội dung gì?*
- (3) *Kế hoạch bao gồm các bước nào?*

Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng và phân tích.

2. Thuyết trình

Lập kế hoạch là một quá trình chuyển hoá những thông tin, dữ liệu và hiểu biết về lao động trẻ em đã thu thập được thông qua khảo sát, nghiên cứu thành một hệ thống các hành động có tính logic, kết nối với nhau, dự kiến thực hiện trong một khoảng thời gian nhằm đạt được các mục tiêu phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em được đề ra trong bản kế hoạch.²⁸

Tuỳ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ, vai trò, điều kiện, hoàn cảnh và nguồn nhân lực, tài chính của cơ quan, tổ chức, có thể lập ra các kế hoạch hành động để góp phần vào việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Ở cấp độ cao nhất, theo quy định tại Điều 6 Công ước số 182, các quốc gia thành viên cần xây dựng Chương trình hành động nhằm xoá bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

Nội dung của Kế hoạch hành động

Kế hoạch hành động có thể nhằm vào một hoặc đồng thời các hoạt động sau:

(1) Hỗ trợ các gia đình khó khăn²⁹

²⁸ Tham khảo từ ILO/IPEC "Training Manual to Fight Trafficking in Children for Labour, Sexual and Other Forms of Exploitation", sách đã dẫn, tr. 47.

²⁹ Tham khảo từ ILO/IPEC "Training Manual to Fight Trafficking in Children for Labour, Sexual and Other Forms of Exploitation", sách đã dẫn, tr.8.

Kinh nghiệm trên thế giới cho thấy, biện pháp cơ bản, lâu dài để phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em là hỗ trợ các gia đình gặp khó khăn về kinh tế để bảo đảm rằng trẻ em trong các gia đình đó không phải làm việc sớm hoặc làm các công việc nguy hại. Việc hỗ trợ như vậy cần được thực hiện đồng thời với truyền thông, vận động để giúp các gia đình hiểu được những tác động tiêu cực của lao động trẻ em cũng như ý nghĩa của giáo dục với tương lai của trẻ.

Dưới đây là một số cách thức hỗ trợ gia đình thường được áp dụng trên thế giới và ở Việt Nam:

- *Hỗ trợ tín dụng và sinh kế*: Thông thường được thực hiện qua các chương trình tín dụng nhỏ. Những chương trình này cung cấp các khoản vay nhỏ không tính lãi suất hoặc lãi suất không đáng kể cho các gia đình làm vốn ban đầu, kèm theo là những hướng dẫn cụ thể về việc tổ chức sản xuất, kinh doanh để giúp các gia đình có thể tự tạo ra hoặc tăng thu nhập cho họ. Hỗ trợ về sinh kế cũng có thể thông qua việc giới thiệu hoặc tạo công ăn việc làm cho người lớn và thanh thiếu niên trong gia đình đã đến tuổi lao động.
- *Hỗ trợ vật chất có điều kiện*: Thể hiện ở việc cung cấp cho cha mẹ của trẻ những khoản hỗ trợ, bằng tiền mặt hoặc vật chất, thường xuyên hoặc không thường xuyên, kèm theo các điều kiện có liên quan đến phòng chống lao động trẻ em, ví dụ như phải cho con em họ đến trường...
- *Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương*: Đây là cách hỗ trợ gián tiếp. Thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương – đặc biệt ở khu vực khó khăn - sẽ góp phần phòng ngừa lao động trẻ em, bởi tỷ lệ lao động trẻ em ở các khu vực kém phát triển thường cao hơn so với ở những khu vực phát triển. Cụ thể, hỗ trợ kinh tế địa phương sẽ làm giảm tỷ lệ hộ nghèo, từ đó giảm số lượng lao động trẻ em trong khu vực.

(2) Thúc đẩy giáo dục cho trẻ em³⁰

ILO coi phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em và giáo dục cho tất cả trẻ em là hai vấn đề có liên quan mật thiết với nhau. Cả hai Công ước số 138 và 182 đều quy định rằng các hoạt động nhằm giảm thiểu lao động trẻ em, đặc biệt là các chương trình hành động quốc gia, cần quan tâm đến tầm quan trọng của giáo dục, và cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động trẻ em cần bao gồm những thông tin

³⁰ Tham khảo từ "Training Manual to Fight Trafficking in Children for Labour, Sexual and Other Forms of Exploitation", Textbook 2: Action against child trafficking at policy and outreach levels, sđd, tr.15-17.

về tình hình học tập của trẻ. Các công ước này cũng nhấn mạnh đến quyền của trẻ em được tiếp cận giáo dục cơ bản miễn phí và đào tạo nghề.

Để giáo dục phát huy tác dụng phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, cấp giáo dục tiểu học (còn gọi là giáo dục cơ bản) phải thật sự miễn phí. Cần có biện pháp giảm thiểu, xóa bỏ những chi phí phụ hoặc chi phí không công khai trong giáo dục, ví dụ như chi phí đi lại, đồng phục, ăn uống, sách vở, sưởi ấm và chiếu sáng trong lớp học... Thêm vào đó, cần quan tâm đặc biệt đến giáo dục cho trẻ em gái, trẻ em bỏ học và trẻ em phải lao động sớm, lao động trong những điều kiện nặng nhọc, nguy hại để giúp các em có thể trở lại trường hoặc theo học các chương trình giáo dục thay thế. Ở những nơi hệ thống trường học chính quy không đáp ứng được nhu cầu học tập, cần tổ chức những chương trình giáo dục không chính quy và giáo dục nghề nghiệp cho trẻ em.

(3) Tăng cường khung pháp lý về lao động trẻ em

Việc tăng cường khung pháp lý về lao động trẻ em cũng là biện pháp phòng ngừa rất quan trọng. Về vấn đề này, cả Công ước số 138 và số 182 đều yêu cầu các quốc gia thành viên xử lý nghiêm, bao gồm hình sự hóa những hành vi bóc lột lao động trẻ em, đặc biệt trong trường hợp sử dụng trẻ em trong những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

Nhìn chung, khung pháp lý về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em cần bao gồm những quy định về các vấn đề cơ bản như: (i) quyền trẻ em, (ii) độ tuổi lao động tối thiểu, (iii) các dạng công việc cấm sử dụng lao động trẻ em, (iv) các dạng công việc và điều kiện tuyển dụng, sử dụng trẻ em dưới độ tuổi lao động tối thiểu; (v) các điều kiện sử dụng lao động chưa thành niên; (vi) thanh tra, giám sát tình hình lao động trẻ em; (vii) trách nhiệm của các chủ thể có liên quan; (viii) các chế tài (hành chính, lao động, hình sự), áp dụng với những vi phạm về lao động trẻ em... Trong trường hợp sử dụng người lao động chưa thành niên, thông thường pháp luật của các quốc gia có những quy định đặc biệt chặt chẽ về việc đăng ký, cấp giấy phép, báo cáo và giám sát các chủ thể có liên quan.

(4) Các hoạt động khác³¹

- *Truyền thông nâng cao nhận thức về lao động trẻ em trong xã hội:* Việc này giúp Nhà nước tăng cường quyết tâm và ban hành những chính sách, biện

³¹ Tham khảo từ "Training Manual to Fight Trafficking in Children for Labour, Sexual and Other Forms of Exploitation", Textbook 2: Action against child trafficking at policy and outreach levels, sđd, tr.15,17,18.

pháp kịp thời, phù hợp để giải quyết vấn đề, đồng thời giúp các cộng đồng và các bậc cha mẹ hiểu rõ những tác động tiêu cực của lao động trẻ em, làm giảm thiểu tình trạng trẻ em phải lao động sớm hoặc làm các công việc nguy hại. Thêm vào đó, việc này cũng giúp trẻ em nhận thức được vấn đề và tự bảo vệ mình khỏi bị rơi vào các hoàn cảnh lao động trẻ em.

- *Tư vấn và hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp và việc làm cho người chưa thành niên:* Điều này rất quan trọng với những trẻ em vừa đủ tuổi lao động tối thiểu, bởi các em thường thiếu kinh nghiệm nên khó tìm được việc làm, đồng thời có thể bị rơi vào các hoàn cảnh bị bóc lột sức lao động hoặc phải làm các công việc nguy hại.
- *Xóa bỏ sự phân biệt đối xử về giới:* Phân biệt đối xử về giới là một trong những nguyên nhân dẫn đến lao động trẻ em của trẻ em gái. Vì vậy, xóa bỏ sự phân biệt đối xử về giới cũng là một biện pháp phòng ngừa lao động trẻ em.
- *Thúc đẩy ý thức về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và giám sát toàn bộ quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm:* Các doanh nghiệp, dù nhỏ hoặc lớn, địa phương hoặc đa quốc gia, đều cần thiết và có lợi nếu họ có ý thức trách nhiệm với xã hội, mà một trong những biểu hiện cụ thể là không sử dụng lao động trẻ em. Như vậy, cần tác động đến các doanh nghiệp để họ hiểu rõ và tự nguyện áp dụng các quy định pháp luật về vấn đề này, tốt nhất là thông qua các quy tắc ứng xử/đạo đức kinh doanh mà do chính họ xây dựng và công bố.

Bên cạnh đó, cần giám sát toàn bộ quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm của các doanh nghiệp để loại trừ việc sử dụng lao động trẻ em. Về lý thuyết, trẻ em có thể bị bóc lột ở bất kỳ công đoạn nào trong quy trình sản xuất và cung ứng sản phẩm, tuy nhiên trên thực tế thì việc này chỉ xảy ra ở một số công đoạn được giao cho các nhà cung cấp nhỏ. Để phòng ngừa điều này xảy ra, điều quan trọng là phải giám sát toàn bộ quy trình chứ không chỉ nhằm vào một số quy trình chính hoặc quy trình cuối cùng, để bảo đảm rằng mọi công đoạn trong quy trình sản xuất và cung ứng sản phẩm đó đều minh bạch và không liên quan đến bóc lột lao động trẻ em.

Các bước xây dựng Kế hoạch hành động

Thông thường, việc xây dựng Kế hoạch hành động bao gồm 6 bước: (1) Đánh giá tình hình và phân tích nguyên nhân; (2) Xây dựng các mục tiêu ưu tiên; (3) Lựa chọn các biện pháp, giải pháp; (4) Xây dựng các hoạt động can thiệp; (5) Quản lý và tổ chức thực hiện; (6) Theo dõi và đánh giá.

(1) *Đánh giá tình hình và phân tích nguyên nhân*

Ở bước này, mục tiêu cần đạt được là một bản phân tích trong đó nêu rõ thực trạng lao động trẻ em ở địa phương. Để đạt được mục tiêu đó, cần thiết phải tiến hành khảo sát tình hình lao động trẻ em (đã đề cập ở phần I của Bài này).

Việc khảo sát, đánh giá tình hình không những cần chỉ ra số lượng trẻ em lao động, các dạng công việc mà các em đang làm mà còn cần làm rõ các nguyên nhân chủ yếu dẫn tới việc trẻ em lao động. Thêm vào đó, cũng cần phân tích bối cảnh đặc thù về kinh tế, xã hội, văn hoá của địa phương, cũng như tình hình các chủ thể có thể tham gia vào Kế hoạch hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở địa phương.

(2) *Xây dựng các mục tiêu ưu tiên*

Mục tiêu là cái đích cuối cùng mà Kế hoạch hành động cần đạt được sau thời gian dự định.

Các Kế hoạch hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở các địa phương đều có mục tiêu chung được xác định trong Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 (ban hành theo Quyết định số 1023/QĐ-TTg ngày 7/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ), đó là: Thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em. Trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được phát hiện, can thiệp, hỗ trợ kịp thời để hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển.

Bên cạnh mục tiêu chung đó, Kế hoạch hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở địa phương cần xác định những mục tiêu cụ thể. Những mục tiêu cụ thể này cần phù hợp với mục tiêu chung đồng thời phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và tình hình lao động trẻ em ở địa phương. Các mục tiêu cụ thể cần phải có khả năng xác định và đánh giá được, ví dụ như tỷ lệ phần trăm số trẻ em lao động được hỗ trợ, can thiệp cho đến thời điểm kết thúc Kế hoạch.

Để phù hợp với Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020, ngoài những vấn đề khác, các mục tiêu cụ thể cần hướng vào hai vấn đề quan trọng sau đây:

Thứ nhất, tỷ lệ 0% trẻ em lao động trái quy định của pháp luật ở địa phương được hỗ trợ, can thiệp.

Thứ hai, tỷ lệ cán bộ chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức có liên quan, người sử dụng lao động, cộng đồng, cha mẹ và trẻ em được tập huấn hoặc tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm về lao động trẻ em;

(3) *Lựa chọn các biện pháp, giải pháp*

Căn cứ vào những mục tiêu đã đề ra, cần xác định, lựa chọn các biện pháp, giải pháp để đạt được các mục tiêu đó.

Bên cạnh những biện pháp, giải pháp chung, cần xác định các biện pháp, giải pháp phù hợp tương ứng với từng mục tiêu cụ thể. Ví dụ, mục tiêu về nâng cao nhận thức về lao động trẻ em cho các chủ thể có liên quan sẽ cần có các biện pháp, giải pháp về tuyên truyền, giáo dục. Trong khi đó, mục tiêu về tỷ lệ trẻ em lao động được hỗ trợ, can thiệp sẽ cần các biện pháp, giải pháp tác động trực tiếp đến gia đình, nơi làm việc và bản thân trẻ em lao động để thay đổi hoàn cảnh sống của trẻ theo hướng tích cực.

Trong Kế hoạch hành động, có thể áp dụng các biện pháp, giải pháp khác nhau, ví dụ như giải pháp pháp lý (sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật..), xã hội (tuyên truyền, giáo dục, vận động các chủ thể có liên quan..), kinh tế (hỗ trợ trẻ em lao động và gia đình các em...). Về nguyên tắc, việc thực hiện đồng thời các giải pháp sẽ giúp đạt được các mục tiêu đề ra một cách nhanh chóng và bền vững hơn. Tuy nhiên, việc áp dụng các biện pháp, giải pháp nào cũng phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh ở địa phương và nguồn lực của cơ quan thực hiện Kế hoạch hành động.

(4) *Xây dựng các hoạt động can thiệp*

Các hoạt động can thiệp chính là những việc làm cụ thể nhằm thay đổi hoàn cảnh sống của trẻ em theo hướng tích cực. Về bản chất, đây là sự cụ thể hoá các biện pháp, giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra. Vì vậy, khi xác định các hoạt động can thiệp, đồng thời cần phải xác định nguồn nhân lực và kinh phí cho việc thực hiện, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể tham gia thực hiện, cũng như cần dự kiến thời gian, địa điểm và kết quả đạt được của từng hoạt động.

Để bảo đảm tính khả thi, các hoạt động can thiệp cũng cần phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh ở địa phương và nguồn lực của cơ quan thực hiện Kế hoạch hành động. Thêm vào đó, các hoạt động can thiệp cần phải phù hợp với các quy định pháp luật và nguyên tắc đạo đức khi làm việc với trẻ

em, trong đó đặc biệt là các nguyên tắc: Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em; Bảo đảm bí mật riêng tư của trẻ; Tránh tiếp tục làm trẻ bị tổn thương.

(5) Quản lý và tổ chức thực hiện

Kế hoạch hành động cần được quản lý và tổ chức thực hiện một cách thống nhất bởi một cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ. Thông thường ở Việt Nam đó là Ủy ban nhân dân ở địa phương.

Mặc dù vậy, trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, cần huy động sự tham gia của nhiều chủ thể khác, trong đó bao gồm các tổ chức của người lao động, tổ chức của người sử dụng lao động, các nhà trường, các cộng đồng, cha mẹ và bản thân trẻ em lao động. Ở Việt Nam, tất cả hệ thống chính trị (bao gồm các cơ quan Đảng, đoàn thể, chính quyền) đều có trách nhiệm tham gia vào các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, trong đó bao gồm hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

Để bảo đảm tính hiệu quả, ngoài các hoạt động quản lý ở tầm vĩ mô, cần quản lý đến từng trường hợp lao động trẻ em (quản lý vụ việc). Điều này đòi hỏi thực hiện một quy trình bao gồm các hoạt động đánh giá, lập kế hoạch và can thiệp, hỗ trợ với từng trẻ em lao động. Quy trình này bắt đầu từ khi trẻ em lao động được xác định, can thiệp, hỗ trợ cho đến khi được đưa ra khỏi tình trạng của các em (ví dụ như được đi học hoặc làm công việc khác nhẹ nhàng hơn), thậm chí kéo dài thêm một thời gian sau đó để bảo đảm sự thay đổi mang tính bền vững.

(6) Theo dõi và đánh giá.

Kế hoạch hành động cũng cần được theo dõi, đánh giá về tính hợp lý, hiệu quả và về việc sử dụng kinh phí.

Việc theo dõi, đánh giá do nhiều chủ thể cùng thực hiện, trong đó bao gồm cơ quan trực tiếp quản lý thực hiện là Ủy ban nhân dân (tự theo dõi, đánh giá), các chủ thể phối hợp là các tổ chức đoàn thể xã hội. Hiểu theo nghĩa rộng của việc theo dõi, đánh giá là giám sát thì chủ thể tham gia còn bao gồm các cơ quan truyền thông đại chúng và toàn thể nhân dân.

Kết quả của việc theo dõi, đánh giá là những điểm bất hợp lý và những hành động sai phạm trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động. Trên cơ sở những phát hiện đó, các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ tiến hành sửa đổi để hoàn thiện, cũng như xử lý những sai phạm theo quy định pháp luật.

III. Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 của Việt Nam

1. Hoạt động

Thảo luận cả lớp

Giảng viên hỏi xem có học viên nào biết bất kỳ thông tin gì về Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020.

Mời học viên đó chia sẻ với cả lớp những thông tin về:

- Bối cảnh xây dựng Chương trình
- Mục tiêu, đối tượng, phạm vi của Chương trình
- Nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm thực hiện Chương trình

Khuyến khích các học viên khác đưa ra những câu hỏi với người phát biểu.

2. Thuyết trình

Trước đây ở Việt Nam, vấn đề phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em được lồng ghép trong nhiều chương trình quốc gia, trong đó đặc biệt là các *Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em* theo từng giai đoạn. Thêm vào đó, năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 về việc *“Phê duyệt Chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004-2010”*. Để nâng cao hiệu quả hoạt động quan trọng này cũng như để thực hiện các Công ước số 138 và 182 của ILO, ngày 7/6/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1023/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020.

Mục tiêu tổng quát của Chương trình là thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em. Trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được phát hiện, can thiệp, hỗ trợ kịp thời để hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển.

Các mục tiêu cụ thể của Chương trình bao gồm:

- Nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm của cơ quan nhà nước các cấp, các tổ chức, đoàn thể xã hội, người sử dụng lao động, cộng đồng, cha mẹ và trẻ em về lao động trẻ em;

- 100% trẻ em lao động trái quy định của pháp luật khi có thông báo, phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời.

Đối tượng và phạm vi của Chương trình là: Trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật; cha mẹ; người sử dụng lao động tại các làng nghề truyền thống, cơ sở sản xuất, kinh doanh và khu vực kinh tế phi chính thức trên phạm vi toàn quốc.

Chương trình gồm ba nội dung chính như sau:

THỨ NHẤT: TRUYỀN THÔNG, GIÁO DỤC, VẬN ĐỘNG XÃ HỘI NHẪM NÂNG CAO NHẬN THỨC, TRÁCH NHIỆM VỀ PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TRẺ EM THAM GIA LAO ĐỘNG, TRẺ EM CÓ NGUY CƠ VÀ TRẺ EM LAO ĐỘNG TRÁI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CHO CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP, CÁC NGÀNH, CÁC TỔ CHỨC, NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG, XÃ HỘI, CHA MẸ VÀ TRẺ EM.

Nội dung này bao gồm các hoạt động cụ thể sau đây:

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông nhằm tạo mối quan tâm, thúc đẩy sự thay đổi nhận thức và vận động sự tham gia của xã hội đối với công tác phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật;
- Nghiên cứu xây dựng và phát triển các chương trình, tài liệu, sản phẩm truyền thông về phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật;
- Triển khai các hình thức truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng của Chương trình; tổ chức các hoạt động giáo dục, tư vấn, truyền thông trực tiếp cho cộng đồng, trường học, người sử dụng lao động, đặc biệt tại các làng nghề truyền thống, cơ sở sản xuất, kinh doanh và khu vực kinh tế phi chính thức về phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

THỨ HAI: NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC BẢO VỆ, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ EM CÁC CẤP, NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC BẢO VỆ TRẺ EM CẤP XÃ, CỘNG TÁC VIÊN LÀM CÔNG TÁC BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM, ƯU TIÊN ĐỘI NGŨ THANH TRA VIÊN VỀ PHÒNG NGỪA, PHÁT HIỆN, CAN THIỆP, HỖ TRỢ GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TRẺ EM THAM GIA LAO

ĐỘNG, TRẺ EM CÓ NGUY CƠ VÀ TRẺ EM LAO ĐỘNG TRÁI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.

Nội dung này bao gồm các hoạt động cụ thể sau đây:

- Nghiên cứu xây dựng tài liệu hướng dẫn về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật; tài liệu về phát hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật;
- Tổ chức đào tạo, tập huấn về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật; phát hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật.

THỨ BA: THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH HỖ TRỢ, CAN THIỆP ĐỂ GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM

Nội dung này bao gồm các hoạt động cụ thể sau đây:

- Tập huấn kỹ năng sống, kỹ năng hòa nhập cộng đồng cho trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật thông qua các chính sách hỗ trợ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu việc làm phù hợp, ví dụ như cung cấp học bổng, hỗ trợ học phí, hỗ trợ đồ dùng, sách vở... để trẻ có thể đi học.
- Trợ giúp gia đình có trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật về kiến thức, kỹ năng, tay nghề để ổn định sinh kế, tăng thu nhập và không để trẻ em lao động trái quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ người sử dụng lao động tại các làng nghề truyền thống, cơ sở sản xuất, kinh doanh và khu vực kinh tế phi chính thức có trẻ em học nghề và tham gia lao động cải thiện môi trường và điều kiện làm việc an toàn, phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, đặc điểm thể chất và tâm lý của trẻ em và theo quy định của pháp luật.
- Can thiệp đưa trẻ em ra khỏi nơi làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Để thực hiện những nội dung nêu trên, các nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình gồm:

- (1) Hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả pháp luật, chính sách về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong việc phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ lao động trẻ em.
- (2) Lồng ghép việc thực hiện nội dung của Chương trình trong hoạt động của hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.
- (3) Triển khai có hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội, giảm nghèo; cải thiện điều kiện, môi trường lao động phù hợp tại các làng nghề truyền thống, cơ sở sản xuất, kinh doanh và khu vực kinh tế phi chính thức; giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm nhằm hỗ trợ trẻ em và gia đình cải thiện cuộc sống.
- (4) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.
- (5) Tăng cường hoạt động truyền thông, giáo dục về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em. Vận động sự tham gia của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và cá nhân thực hiện Chương trình.
- (6) Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm vận động nguồn lực, trao đổi kinh nghiệm với các nước, các tổ chức quốc tế trong việc thực hiện Chương trình.

Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ ngân sách nhà nước, tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài và các nguồn hợp pháp khác.

Về tổ chức thực hiện, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức khác, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xây dựng và thực thi kế hoạch thực hiện Chương trình, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ thông qua Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các tổ chức

thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam và các tổ chức xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao tham gia triển khai, thực hiện các hoạt động của Chương trình;

Các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai Chương trình đến các doanh nghiệp, người sử dụng lao động (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam), cơ sở sản xuất, kinh doanh và hộ gia đình là thành viên (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam), người lao động (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam).

IV. Tổng kết, đào sâu

1. Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ

- Khảo sát tình hình (thực trạng) là rất cần thiết để lập và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em. Thông thường, khảo sát về lao động trẻ em gồm các bước: Lập kế hoạch; Thu thập dữ liệu; Xử lý, phân tích dữ liệu, viết báo; Phổ biến, áp dụng kết quả khảo sát. Để hoạt động khảo sát đạt hiệu quả cao, cần xác định rõ các mục tiêu, đối tượng, phạm vi, trọng tâm của việc khảo sát; các hoạt động cụ thể cần tiến hành, các phương pháp cần được sử dụng; thời gian, địa điểm thực hiện; nguồn nhân lực và kinh phí cần thiết.
- Trong khảo sát về lao động trẻ em, những loại dữ liệu cơ bản cần thu thập và xử lý liên quan đến đối tượng, phạm vi, tính chất, mức độ, nguyên nhân và hậu quả của lao động trẻ em. Dữ liệu có thể thu thập từ nhiều chủ thể, trong đó những chủ thể quan trọng nhất là bản thân lao động trẻ em; gia đình, người thân, hàng xóm, cán bộ UBND và các đoàn thể xã hội ở cấp cơ sở nơi có lao động trẻ em; thanh tra lao động. Việc phỏng vấn lao động trẻ em cần tuân thủ những quy định pháp luật và nguyên tắc đạo đức để bảo đảm an toàn cho trẻ.
- Lập kế hoạch là quá trình chuyển hoá những thông tin, dữ liệu và hiểu biết về lao động trẻ em đã thu thập được thành một hệ thống các hành động có tính logic, kết nối với nhau, dự kiến thực hiện trong một khoảng thời gian nhằm đạt được các mục tiêu đề ra về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em. Tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ, vai trò, điều kiện, hoàn cảnh và nguồn nhân lực, tài chính của cơ quan, tổ chức, có thể lập ra các kế hoạch hành động để

góp phần vào việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, trong đó ở cấp độ cao nhất là Chương trình hành động quốc gia nhằm xoá bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

- Kế hoạch hành động có thể nhằm vào một hoặc đồng thời các hoạt động như: Hỗ trợ các gia đình khó khăn về kinh tế để bảo đảm rằng trẻ em trong các gia đình đó không phải làm việc sớm hoặc làm các công việc nguy hại; Thúc đẩy giáo dục cho trẻ em để giảm thiểu nguy cơ các em phải bỏ học để lao động sớm hoặc phải làm những công việc nguy hại; Tăng cường khung pháp lý về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; Tuyên truyền nâng cao nhận thức về lao động trẻ em trong xã hội; Tư vấn và hỗ trợ việc làm cho người chưa thành niên; Xóa bỏ sự phân biệt đối xử về giới; Thúc đẩy ý thức về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và giám sát toàn bộ quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm để bảo đảm không sử dụng lao động trẻ em.
- Thông thường, việc xây dựng Kế hoạch hành động bao gồm 6 bước: (1) Đánh giá tình hình và phân tích nguyên nhân; (2) Xây dựng các mục tiêu ưu tiên; (3) Lựa chọn các biện pháp, giải pháp; (4) Xây dựng các hoạt động can thiệp; (5) Quản lý và tổ chức thực hiện; (6) Theo dõi và đánh giá. Các bước này kết nối với nhau và đòi hỏi phải được thực hiện một cách khoa học, chặt chẽ.
- Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 nhằm nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm của các chủ thể liên quan về lao động trẻ em và phát hiện, hỗ trợ, can thiệp kịp thời những trẻ em lao động trái quy định của pháp luật. Đối tượng và phạm vi của Chương trình là trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật; cha mẹ; người sử dụng lao động tại các làng nghề truyền thống, cơ sở sản xuất, kinh doanh và khu vực kinh tế phi chính thức trên phạm vi toàn quốc.
- Những nội dung chính của Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 là: Truyền thông, giáo dục, vận động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em của các chủ thể liên quan; Nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em các cấp; Thí điểm mô hình hỗ trợ, can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em. Những giải pháp chính của Chương trình gồm: Hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả pháp luật, chính sách về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em; Lồng ghép vấn đề

phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em vào các chính sách xã hội có liên quan; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; Tăng cường hợp tác quốc tế và truyền thông, giáo dục, vận động sự tham gia của xã hội vào hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

2. Đào sâu

Tùy thuộc vào điều kiện thời gian, có thể áp dụng một hoặc cả hai phương án sau:

PHƯƠNG ÁN 1. Làm việc theo nhóm nhỏ

Chia lớp thành 3-4 nhóm. Cung cấp cho các nhóm Tóm tắt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 và đề nghị mỗi nhóm thảo luận và xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan/tổ chức mình.

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết kết quả lên giấy A0 rồi cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp.

Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

Đáp án bài tập

Bài tập không có đáp án cụ thể lập sẵn. Tuy nhiên, giảng viên có thể dựa vào những luận điểm sau đây để phân tích, đánh giá và đưa ra kết luận chung:

Do bối cảnh ở các địa phương, đơn vị là khác nhau nên các hoạt động và giải pháp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 của các địa phương, đơn vị cũng ít nhiều khác nhau. Mặc dù vậy, kế hoạch của các địa phương, đơn vị đều phải nhằm thực hiện được ba nội dung chính của Chương trình là: (i) Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể liên quan trong xã hội; (ii) Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ; và (iii) Xây dựng các mô hình hỗ trợ, can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em.

Với nội dung thứ nhất, các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động cần tác động đến nhiều dạng đối tượng, trong đó bao gồm các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, người sử dụng lao động, các cơ quan truyền thông, cha mẹ và trẻ em ở địa phương. Với mỗi dạng đối tượng, cần áp dụng những hình thức truyền thông, giáo dục, vận động khác nhau, sử dụng những tài liệu, ấn phẩm chứa

đựng những thông điệp phù hợp nhằm tạo mối quan tâm, thúc đẩy sự thay đổi nhận thức và vận động sự tham gia của chủ thể đó vào công tác phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

Với nội dung thứ hai, cần tập trung nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em các cấp, bao gồm các thanh tra viên lao động, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Việc nâng cao năng lực cho những đối tượng này có thể thực hiện thông qua việc nghiên cứu xây dựng tài liệu hướng dẫn về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật; tài liệu về phát hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật, sau đó tổ chức đào tạo, tập huấn về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật; phát hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật.

Với nội dung thứ ba, cần chú trọng đến ba nhóm đối tượng là: (i) Trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật (thông qua việc tập huấn kỹ năng sống, kỹ năng hòa nhập cộng đồng, hỗ trợ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho các em); (ii) Gia đình có trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật (hỗ trợ về kiến thức, kỹ năng, tay nghề để ổn định sinh kế, tăng thu nhập và không để trẻ em lao động trái quy định của pháp luật); (iii) Người sử dụng lao động tại các làng nghề truyền thống, cơ sở sản xuất, kinh doanh và khu vực kinh tế phi chính thức có trẻ em học nghề và tham gia lao động (hỗ trợ cải thiện an toàn vệ sinh lao động và điều kiện làm việc phù hợp với độ tuổi, đặc điểm thể chất và tâm lý của trẻ em và theo quy định của pháp luật).

PHƯƠNG ÁN 2. **Xem video clip và thảo luận nhóm lớn**

Chiếu video clip với tiêu đề: “Làm gì để ngăn ngừa lao động trẻ em ở Việt Nam” (tải về trên Internet).³²

Đề nghị các học viên xác định thông điệp chính được chuyển tải trong video clip này.

³² https://www.youtube.com/watch?v=xm_mjrGviQA

Đáp án bài tập

Video clip này tập trung nói về các biện pháp ngăn ngừa việc sử dụng lao động trẻ em ở các doanh nghiệp. Thông điệp chính được chuyển tải ở đây đó là: Sử dụng lao động trẻ em là sự vi phạm cả đạo đức và pháp luật. Để ngăn ngừa việc sử dụng lao động trẻ em ở các doanh nghiệp thì tất cả các bộ phận của doanh nghiệp, từ bộ phận tuyển dụng, tổ chức sản xuất đến quản lý người lao động, đều phải có hiểu biết và phải nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật về lao động trẻ em và lao động chưa thành niên.

Bài 6

PHỐI HỢP, LỒNG GHÉP HÀNH ĐỘNG PHÒNG NGỪA GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM

Mục tiêu bài giảng

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có thể:

- Trình bày và phân tích sự cần thiết và những yêu cầu chính trong việc phối hợp hành động về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em.
- Nêu được những chủ thể có thể tham gia vào các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em.
- Trình bày và phân tích sự cần thiết và những yêu cầu chính với việc lồng ghép hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

Thời gian dự kiến

120 phút (3 tiết học)

Cấu trúc và Phương pháp

Số TT	Nội dung	Phương pháp	Ghi chú
1	Sự cần thiết, cách thức, phương pháp phối hợp hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	• Trò chơi về sự phối hợp hoặc Thảo luận cả lớp (chia sẻ kinh nghiệm) • Thuyết trình	
2	Phối hợp hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở Việt Nam	• Thảo luận nhóm nhỏ • Thuyết trình	
3	Lồng ghép hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em vào các chương trình và hệ thống bảo vệ, hỗ trợ trẻ em khác ở Việt Nam	• Thảo luận cả lớp (động não) • Thuyết trình	
4	Tổng kết, đào sâu	• Thuyết trình • Thảo luận nhóm nhỏ	

Đồ dùng dạy học

Máy tính, máy chiếu, bút laser, giấy A0, bút dạ viết bảng, băng keo, kẹp tài liệu, bút bi, bút chì, bảng viết, bảng giấy lật, phòng họp với đủ bàn, ghế, thiết bị âm thanh và ánh sáng.

Tài liệu phát cho học viên

- Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ (Mục 4.1, bảng doc)
- Nội dung bài giảng của giảng viên (bảng Powerpoint).
- Tóm tắt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 của Việt Nam.³³

³³ Có thể tải các văn bản này từ nhiều website, ví dụ như <http://thuvienphapluat.vn/>; http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvan-ban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=184995

NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Sự cần thiết, cách thức, phương pháp phối hợp hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

1. Hoạt động

Trò chơi về sự phối hợp

Giảng viên tổ chức cho học viên chơi một trò chơi tập thể mà đòi hỏi mọi người phải có sự phối hợp với nhau mới có thể đạt được mục tiêu.

Ví dụ: Đề nghị các học viên đứng thành vòng tròn, mỗi người phối hợp với hai người đứng bên cùng dùng một đầu ngón tay để giữ một cái bút bi cho khỏi rơi. Giảng viên yêu cầu cả lớp di chuyển theo vòng tròn (có thể đi nhanh, đi chậm, đảo chiều, vừa đi vừa nhún nhảy..).

Sau khi kết thúc trò chơi, giảng viên nêu nhận xét, đánh giá và kết luận rằng có rất nhiều công việc trong cuộc sống đòi hỏi phải có sự phối hợp với nhau mới có thể đạt được mục tiêu đề ra, trong đó bao gồm các hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

Chia sẻ kinh nghiệm

Giảng viên hỏi xem có học viên nào đã từng tham gia vào một hoạt động phối hợp về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

Mời các học viên đó lên trình bày trước cả lớp và khuyến khích họ chia sẻ với cả lớp những cách thức, kinh nghiệm và bài học về:

- Những chủ thể tham gia hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.
- Các nguyên tắc nền tảng cho việc phối hợp hoạt động.
- Các hình thức phối hợp hoạt động.
- Hiệu quả và những kinh nghiệm rút ra trong việc phối hợp hoạt động.

Khuyến khích các học viên khác đưa ra những câu hỏi với người trình bày.

2. Thuyết trình³⁴

Lao động trẻ em là vấn đề rộng lớn, phức tạp, có liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống, kinh tế, xã hội, và nhiều chủ thể khác nhau (trẻ em, gia đình, cộng đồng, trường học, nhà nước, doanh nghiệp...) Do tính chất rộng lớn, phức tạp như vậy, không một chủ thể nào có thể một mình đảm đương việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Thay vào đó, nhiệm vụ này phải do nhiều chủ thể cùng phối hợp tiến hành. Do mỗi chủ thể đều có những thế mạnh và hạn chế nhất định nên việc phối hợp hành động là rất cần thiết để phát huy tối đa sức mạnh và các nguồn lực, đồng thời để hạn chế sự trùng lặp, chồng chéo trong các hoạt động.

Sự phối hợp hành động về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em có thể thực hiện ở mọi cấp độ, thậm chí vượt ra ngoài biên giới quốc gia, thông qua sự liên kết, phối hợp giữa các quốc gia. Ở trong phạm vi quốc gia, các cơ quan nhà nước và các chủ thể có liên quan ở mọi cấp độ, cả trung ương và địa phương, đều có thể phối hợp hành động nhằm giải quyết một cách toàn diện các nguyên nhân và hậu quả của lao động trẻ em, bảo đảm không có lao động trẻ em nào bị bỏ rơi. Ở cấp độ khu vực và quốc tế, các chính phủ và các tổ chức của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức phi chính phủ... có thể ký kết những thỏa thuận về chia sẻ thông tin, tương trợ tư pháp, hỗ trợ về tài chính, trao đổi nhân lực và kinh nghiệm... hỗ trợ cho hoạt động của các chủ thể ở trong quốc gia.

Phối hợp hành động có nghĩa là nhiều chủ thể cùng liên kết, hợp tác với nhau để đạt được các mục tiêu chung. Như vậy, về mặt phương pháp, để có sự phối hợp tốt, đạt hiệu quả cao, đầu tiên cần xác định chức năng, nhiệm vụ và những mặt mạnh, mặt yếu của từng chủ thể khi tham gia hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em (đây được gọi là phân tích năng lực đối tác).

Phân tích năng lực đối tác thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, tuy nhiên, có hai khía cạnh quan trọng cần được xem xét trong mọi hoàn cảnh đó là:

Thứ nhất, khả năng của các bên liên quan trong việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc thực hiện chính sách, pháp luật để giải quyết hiệu quả vấn đề lao động trẻ em như thế nào?

³⁴ Tham khảo từ "Training Manual to Fight Trafficking in Children for Labour, Sexual and Other Forms of Exploitation", tài liệu đã dẫn, tr.46-50

Thứ hai, khả năng của các bên liên quan trong việc thực hiện những hình thức can thiệp trực tiếp, ví dụ như trợ giúp những trẻ em có nguy cơ phải lao động sớm, bảo vệ lao động trẻ em, trợ giúp nạn nhân của những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất...như thế nào? Khía cạnh này có ý nghĩa quan trọng khi xây dựng và thực hiện các hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở cấp địa phương.

Phân tích năng lực đối tác là tiền đề để xây dựng các nhóm phối hợp hoạt động về lao động trẻ em. Ở cấp địa phương, sau khi đã thiết lập được các nhóm như vậy, để phối hợp hoạt động có hiệu quả, cần chú ý đến những nội dung sau:

- Thống nhất trong nhóm về các định nghĩa, khái niệm, đặc điểm, tính chất của lao động trẻ em ở địa bàn;
- Thống nhất cách tiếp cận, mục tiêu và kế hoạch hành động của nhóm;
- Thống nhất về khu vực hoạt động, nhóm đối tượng đích và phân công trách nhiệm trong nhóm;
- Thống nhất về cơ chế thực thi, giám sát, đánh giá và tiến độ các hoạt động;
- Thống nhất phương pháp và quy trình liên lạc, giao ban, chia sẻ các bài học kinh nghiệm giữa các thành viên trong nhóm...

Như đã đề cập, có nhiều chủ thể khác nhau có trách nhiệm, vì thế có thể phối hợp trong các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Trong quá trình phối hợp như vậy, mỗi chủ thể có vai trò khác nhau và có thể góp phần giải quyết vấn đề lao động trẻ em ở những góc độ và mức độ khác nhau, tùy theo chức năng và nhiệm vụ của cơ quan mình. Dưới đây liệt kê các chủ thể chính và các hoạt động mà từng chủ thể có thể đảm nhiệm khi tham gia phối hợp hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em:

Thứ nhất, các cơ quan nhà nước³⁵

Nhà nước là chủ thể có trách nhiệm chính trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, bởi lẽ:

- Nhà nước có trách nhiệm chính trong việc thực hiện các cam kết quốc tế về vấn đề này (các Công ước CRC của Liên hợp quốc, Công ước 138 và 182 của ILO).

³⁵ Tham khảo từ Child Labour: A Textbook for University Students, sđd, tr.196-202.

- Nhà nước là chủ thể có quyền và trách nhiệm xây dựng, tổ chức và bảo đảm thực hiện pháp luật, chính sách về mọi lĩnh vực, trong đó có lao động trẻ em.
- Nhà nước là chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động hợp tác khu vực và quốc tế về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em.
- Nhà nước là chủ thể có thẩm quyền phân bổ các nguồn lực hỗ trợ trẻ em có nguy cơ rơi vào vòng xoáy của lao động trẻ em và gia đình các em.

Nhà nước thực hiện vai trò kể trên thông qua các cơ quan nhà nước (bao gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp từ trung ương đến địa phương). Ở cấp địa phương, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm trong vấn đề này bao gồm HĐND, UBND và các cơ quan chuyên môn giúp việc cho HĐND, UBND, đặc biệt là các cơ quan phụ trách các lĩnh vực về lao động-thương binh-xã hội, giáo dục, văn hoá, tư pháp...

Để thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình, các cơ quan nhà nước cần hợp tác, phối hợp với nhau và với các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế mà đang hoạt động tại địa phương trong tất cả các giai đoạn từ xây dựng, thực hiện và tổng kết, đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

Thứ hai, các tổ chức của người sử dụng lao động và của người lao động³⁶

Phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em cần phải coi là một mục tiêu hoạt động của các tổ chức của người sử dụng lao động, bởi lao động trẻ em không chỉ làm tổn hại đến sự phát triển của quốc gia, mà còn đến hoạt động và phát triển của các doanh nghiệp. Tình trạng có nhiều trẻ em phải lao động sớm, lao động nặng, nhọc, độc hại sẽ gây trở ngại cho việc xây dựng lực lượng lao động có kỹ năng và sức khoẻ tốt mà rất cần thiết cho các doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.

Sự hợp tác của những người sử dụng lao động là rất quan trọng trong phòng ngừa, xoá bỏ lao động trẻ em, trước hết là bởi họ có thể đảm bảo doanh nghiệp của họ không sử dụng lao động trẻ em, thêm vào đó, họ có khả năng:

- Cung cấp thông tin về tình trạng lao động trẻ em trong các lĩnh vực khác nhau;
- Vận động thúc đẩy việc xây dựng, thực hiện các chính sách quốc gia về lao động trẻ em;

³⁶ Tham khảo từ Child Labour: A Textbook for University Students, sdd, tr.196-202.

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo nghề cho trẻ em tham gia lao động và người lao động chưa thành niên;
- Truyền thông làm thay đổi nhận thức của công chúng về quyền của trẻ em và về tác động tiêu cực của lao động trẻ em.

Lao động trẻ em cũng được coi là một vấn đề cần đặc biệt quan tâm của tổ chức công đoàn. Đó là bởi chức năng chung của các tổ chức công đoàn, cho dù ở nơi nào trên thế giới, đều là bảo vệ lợi ích của các thành viên, tức là những người lao động. Trong khi đó, tình trạng lao động trẻ em ảnh hưởng đến việc thực hiện những mục tiêu của các tổ chức công đoàn là bảo vệ công ăn việc làm, nâng cao mức lương và cải thiện điều kiện làm việc cho các công đoàn viên.

Khi tham gia vào cuộc đấu tranh phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, sức mạnh của công đoàn nằm ở chỗ họ có thể phổ biến những ý tưởng và quan điểm mới một cách rộng rãi do họ có hệ thống tổ chức rộng khắp và kinh nghiệm dày dặn trong các hoạt động truyền thông, vận động. Cụ thể, các tổ chức công đoàn có thể:

- Tác động đến pháp luật và chính sách của nhà nước về lao động trẻ em.
- Tác động đến thái độ và hành vi của lao động trẻ em và gia đình các em.
- Giám sát tình hình lao động trẻ em và thông tin cho thanh tra lao động và các cơ quan chính phủ khác để phòng ngừa, xử lý.
- Thực hiện và tham gia nghiên cứu về lao động trẻ em.
- Hỗ trợ lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh lao động trẻ em bằng nhiều hình thức, ví dụ như cung cấp trợ giúp vật chất, dịch vụ giáo dục, đào tạo nghề...

Ở cấp địa phương, việc phối hợp với các doanh nghiệp là rất cần thiết và dễ dàng thực hiện ở cấp tỉnh, vì tỉnh nào cũng có doanh nghiệp hoạt động. Đối với cấp huyện và cấp xã, việc phối hợp có thể sẽ khó hơn nếu như trên địa bàn không có hoặc có ít doanh nghiệp hoạt động. Tuy nhiên, kể cả trong trường hợp đó vẫn có thể thực hiện một số hình thức và mức độ phối hợp nhất định với các doanh nghiệp, ví dụ như trong việc khảo sát tình hình người lao động ở địa phương đang làm việc ở doanh nghiệp đó, hoặc trong việc hỗ trợ các hoạt động dạy nghề, tìm kiếm việc làm hay tài trợ cho trẻ em lao động và gia đình các em.

Thứ ba, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức dựa vào cộng đồng³⁷

Các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ (NGOs) và các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs) có thể đóng góp vào việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em bằng nhiều cách. Ở Việt Nam, các tổ chức, đoàn thể xã hội là một lực lượng không thể thiếu trong việc phối hợp liên ngành về việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em. Vai trò của các tổ chức, đoàn thể xã hội được quy định trong Luật trẻ em và các văn bản pháp luật khác có liên quan, trong đó bao gồm Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020.

Nhìn chung, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ (NGOs) và các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs) có thể đóng góp vào việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em theo những cách thức sau đây:

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của công chúng, gia đình và trẻ em về tác động tiêu cực của lao động trẻ em. Ở nhiều nước, các tổ chức quần chúng, NGOs và CBOs đóng vai trò chính trong các chiến dịch truyền thông về chống lao động trẻ em.
- Giám sát, thông tin cho các cơ quan chức năng nhà nước và giới truyền thông về những trường hợp lao động trẻ em. Ở nhiều nước, các tổ chức quần chúng NGOs và CBOs thường là những chủ thể đầu tiên phát hiện và thông tin, tố cáo những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.
- Nghiên cứu, khảo sát và đưa ra các sáng kiến chống lao động trẻ em.
- Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về mặt pháp lý, tâm lý, giáo dục và vật chất cho trẻ em. Ở nhiều nước, tổ chức quần chúng NGOs và CBOs là những chủ thể chính thực hiện các chương trình giáo dục thay thế và hỗ trợ, can thiệp đối với những trường hợp trẻ em bị bóc lột sức lao động.
- Làm việc trực tiếp với các bậc cha mẹ, lao động trẻ em và cộng đồng để đưa trẻ em ra khỏi nơi làm việc và trở lại trường học.

Khác với các doanh nghiệp, việc phối hợp với các tổ chức xã hội có thể thực hiện một cách dễ dàng ở mọi cấp của chính quyền địa phương, do các tổ chức chính trị-xã hội lớn của Việt Nam (MTTQ, Hội LHPN, Đoàn TNCSHCM, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) có hệ thống tổ chức từ trung ương xuống đến cấp xã.

³⁷ Tham khảo từ Child Labour: A Textbook for University Students, sđd, tr.196-202.

Thứ tư, gia đình và bản thân trẻ em

Gia đình và bản thân trẻ em cần được tham gia vào các hoạt động về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em không chỉ với tư cách là người hưởng lợi mà còn với tư cách là những người cung cấp thông tin, vận động, tuyên truyền và giúp đỡ các lao động trẻ em. Nếu không có sự tham gia, phối hợp của gia đình và bản thân trẻ em, những biện pháp can thiệp thường không hợp lý và kém hiệu quả.

Trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, chính lao động trẻ em có vai trò quan trọng nhất. Đó là bởi từ hoàn cảnh của mình, các em biết và có thể tư vấn cho các chủ thể liên quan về những biện pháp cần thiết để giảm thiểu lao động trẻ em hoặc để cải thiện hoàn cảnh của lao động trẻ em. Thêm vào đó, hiệu quả thuyết phục của các em rất mạnh khi tham gia các hoạt động truyền thông, giáo dục những người khác hoặc những trẻ em khác về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Cuối cùng, các em cũng giúp đỡ đặc lực những bạn cùng cảnh ngộ, vì khi được những người khác có cùng cảnh ngộ giúp đỡ sẽ tạo ra cảm giác thân thuộc và đoàn kết theo nhóm.

Việc phối hợp với gia đình và bản thân trẻ em lao động có thể dễ dàng thực hiện ở mọi cấp địa phương một cách trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ đang hoạt động tại địa bàn.

Thứ năm, các cơ quan truyền thông đại chúng³⁹

Các cơ quan truyền thông đại chúng như truyền hình, phát thanh, báo in, báo điện tử... là những chủ thể có vai trò rất quan trọng trong nỗ lực phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Đó là bởi họ thường có các nguồn nhân lực, vật lực và đặc biệt là năng lực điều tra, phát hiện vấn đề rất tốt. Nhưng quan trọng nhất là họ có khả năng tác động rất mạnh đến nhà nước, công chúng và những người sử dụng lao động trẻ em. Họ có thể tiếp cận nhiều nguồn thông tin về lao động trẻ em, đồng thời có những kỹ năng, phương tiện cần thiết để phổ biến thông tin và tác động đến mọi người.

³⁸ Tham khảo từ 'Combating trafficking in Children for Labour Exploitation – A Resource Kit for Policy Makers and Practitioners', Book 3: Legal and policy frameworks, mobilization and partnerships, IPEC, 2008. tr.36, and Child Labour: A Textbook for University Students, sđd, tr.240-241.

³⁹ Tham khảo từ 'Combating trafficking in Children for Labour Exploitation – A Resource Kit for Policy Makers and Practitioners', Book 3: Legal and policy frameworks, mobilization and partnerships, sđd, tr.36.

Ở Việt Nam, đặc thù của các cơ quan truyền thông đại chúng đó là toàn bộ hệ thống báo chí, truyền thông đều là cơ quan của các tổ chức đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Chính vì vậy, các cơ quan truyền thông đại chúng càng đóng vai trò quan trọng hơn trong việc phối hợp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở Việt Nam. Để thực hiện được vai trò đó, cần lôi cuốn, thu hút sự chú ý và đào tạo kiến thức về lao động trẻ em cho các cơ quan truyền thông đại chúng. Các phóng viên cần được trang bị kiến thức chuyên ngành và những quy tắc thực hành khi tiếp cận với lao động trẻ em. Họ cũng cần được tập huấn để hiểu những rủi ro mà lao động trẻ em có thể gặp phải khi đưa tin về vấn đề, đặc biệt trong trường hợp đưa tin về những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

Ở cấp địa phương, việc phối hợp với các cơ quan truyền thông có nhiều thuận lợi vì ở nước ta hệ thống cơ quan truyền thông rất phát triển ở mọi cấp độ. Tuỳ theo bối cảnh, mục tiêu và các yếu tố khác của chương trình, dự án, sự phối hợp có thể với các cơ quan truyền thông địa phương (báo, đài phát thanh, đài truyền hình địa phương) hoặc với cả các cơ quan truyền thông ở cấp trung ương.

Thứ sáu, các chủ thể khác⁴⁰

Có rất nhiều chủ thể khác có thể tham gia vào hoạt động phối hợp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, ví dụ như các cộng đồng, các tổ chức tôn giáo, các nhà trường... Nhiều chủ thể đó có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, nguồn lực dồi dào, nhân lực được đào tạo, nhiệt huyết, có truyền thống làm việc gắn bó và có ảnh hưởng đáng kể đến cộng đồng... Chính vì vậy, việc huy động được những chủ thể này có thể tạo ra những chuyển biến, kết quả to lớn trong các hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

Thông thường các chủ thể nói trên đều hoạt động ở cấp cộng đồng, vì vậy việc phối hợp và lôi cuốn họ tham gia vào các chương trình, kế hoạch hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở cấp địa phương có nhiều thuận lợi.

⁴⁰ Tham khảo từ 'Combating trafficking in Children for Labour Exploitation – A Resource Kit for Policy Makers and Practitioners', Book 3: Legal and policy frameworks, mobilization and partnerships, sđd, tr.39.

II. Phối hợp hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở Việt Nam

1. Hoạt động

Thảo luận nhóm nhỏ

Chia lớp thành 3-4 nhóm.

Đề nghị các nhóm thảo luận và xây dựng phương án hỗ trợ, can thiệp để phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở một làng nghề, trong đó xác định các chủ thể tham gia và sự phối hợp giữa các chủ thể đó.

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết kết quả lên giấy A0 rồi cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

2. Thuyết trình

Giống như ở nhiều quốc gia khác, ở Việt Nam, lao động trẻ em được xem là một vấn đề xã hội lớn, có tính chất phức tạp, vì vậy cần có sự tham gia, phối hợp của nhiều chủ thể. Từ cách tiếp cận đó, Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 đã xác định vai trò và trách nhiệm phối hợp của các chủ thể trong các hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em như sau:

- Cơ quan lao động-thương binh và xã hội có trách nhiệm: a) Hướng dẫn các cơ quan, ban ngành khác trong bộ máy nhà nước xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình; b) Thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao; c) Chủ trì, phối hợp hoàn thiện pháp luật, chính sách về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em theo thẩm quyền; d) Hướng dẫn, tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em theo thẩm quyền; tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo Chính phủ việc thực hiện Chương trình.
- Các cơ quan, ban ngành khác trong bộ máy nhà nước, đặc biệt là uỷ ban nhân dân các cấp, theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm thực hiện Chương trình.

- Hệ thống các cơ quan thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam và các tổ chức xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao tham gia triển khai, thực hiện các hoạt động của Chương trình;
- Hệ thống Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì, phối hợp với cơ quan lao động - thương binh và xã hội triển khai Chương trình đến các doanh nghiệp, người sử dụng lao động và các cơ sở sản xuất, kinh doanh và hộ gia đình là thành viên, bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật về lao động trẻ em.
- Hệ thống Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp với cơ quan lao động - thương binh và xã hội tổ chức truyền thông, giáo dục pháp luật, chính sách về lao động trẻ em cho người lao động, đặc biệt cho người lao động chưa thành niên.

Bên cạnh các chủ thể nêu trên, trong thực tế ở Việt Nam, còn có một số chủ thể khác đang tham gia và có thể phối hợp hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, cụ thể như sau:

- **Các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs):** Nhiều tổ chức này đã và đang tham gia và/hoặc đóng góp, hỗ trợ nhân lực, tài chính, tư vấn cho việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở Việt Nam trên cả ba nội dung: (1) Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội; (2) Nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức và (3) Thí điểm mô hình hỗ trợ, can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em.
- **Các tổ chức quốc tế (bao gồm cả các tổ chức phi chính phủ quốc tế - INGOs):** Một số tổ chức quốc tế (trong đó đặc biệt là ILO), và tổ chức phi chính phủ quốc tế (trong đó đặc biệt là hệ thống các tổ chức bảo trợ trẻ em) đã và đang đóng góp vào việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở Việt Nam trên cả ba nội dung nêu trên, nhưng chủ yếu thông qua hình thức hỗ trợ tài chính, tư vấn.
- **Các cơ quan truyền thông đại chúng:** Đây là những chủ thể có vai trò rất quan trọng trong các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động xã hội về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở Việt Nam. Từ trước đến nay, các cơ quan phát thanh,

truyền hình, báo viết, báo mạng đã góp phần vào việc nâng cao nhận thức, phổ biến pháp luật và lên án những hành động sử dụng lao động trẻ em.

- **Một số chủ thể khác:** Giống như ở các quốc gia khác, ở Việt Nam, các cộng đồng, tổ chức tôn giáo và nhà trường cũng có thể tham gia vào hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, đặc biệt trong hai nội dung truyền thông, giáo dục, vận động xã hội và thí điểm mô hình hỗ trợ, can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em.

III. Lồng ghép hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em vào các chương trình và hệ thống bảo vệ, hỗ trợ trẻ em khác ở Việt Nam

1. Hoạt động

Thảo luận cả lớp

Hỏi học viên xem phương án hỗ trợ, can thiệp để phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở một làng nghề mà họ đã xây dựng có thể được lồng ghép với chương trình hoặc hệ thống bảo vệ, hỗ trợ trẻ em nào khác đang được thực hiện.

Giảng viên tổng hợp ý kiến lên bảng và phân tích để cho thấy mối liên hệ giữa các chương trình bảo vệ, giáo dục và phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

2. Thuyết trình

Ở nhiều quốc gia thường đồng thời có những chương trình hoặc hệ thống bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, do các chủ thể khác nhau điều hành, với phạm vi tác động khác nhau. Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Hiện tại, ngoài các chương trình ở cấp quốc gia do Chính phủ xây dựng và tổ chức thực hiện, còn có những hoạt động do các địa phương hoặc các tổ chức xã hội tiến hành nhằm bảo vệ, hỗ trợ những nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nhất là trong vấn đề giáo dục, từ đó giúp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

Chính vì vậy, một trong những nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 của Việt Nam là lồng ghép việc thực hiện nội dung của Chương trình vào hoạt động của hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

Việc xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em ở Việt Nam đã được triển khai từ năm 2011. Tính đến hết năm 2015, hệ thống bảo vệ trẻ em trên cả nước bao gồm 31 trung tâm công tác xã hội cấp tỉnh; 134 văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện; 1.600 điểm tham vấn cộng đồng, 3.069 điểm tham vấn trường học; 428 các loại hình trợ giúp trẻ em khác. Ban Điều hành bảo vệ trẻ em đã được thành lập ở 43/63 tỉnh, thành phố; nhóm điều hành được thành lập ở 32/63 tỉnh, thành phố; 447 quận, huyện, 5.510 xã, phường. Đội ngũ công tác viên tham gia công tác bảo vệ trẻ em có mặt ở 4.558 xã, phường với hơn 65,5 nghìn người tham gia.⁴¹ Hệ thống này đã và đang đóng vai trò đặc lực hỗ trợ cán bộ trẻ em cấp xã phát hiện và báo cáo các trường hợp trẻ em bị sao nhãng, xâm hại, bóc lột và bạo lực; cung cấp và kết nối các dịch vụ chăm sóc, giáo dục, phục hồi và hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị tổn hại, bao gồm cả dịch vụ quản lý trường hợp.

Như vậy, các nội dung của Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 có mối liên hệ với hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em được xác lập trong Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 – 2020, vì thế có thể phối hợp các hoạt động giữa hai chương trình này, cụ thể như sau:

- Nội dung truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng ngừa, giảm thiểu lao động có thể phối hợp thực hiện với Nội dung 1 của Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 (Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho chính quyền các cấp, các tổ chức, gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội và bản thân trẻ em).
- Nội dung nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, người làm công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em có thể phối hợp thực hiện với Nội dung 2 của Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 (Củng cố hệ thống tổ chức, nhân lực và nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, công tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em đáp ứng với nhu cầu của công tác bảo vệ trẻ em).
- Nội dung thí điểm mô hình hỗ trợ, can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em có thể phối hợp thực hiện với các Nội dung 3 và 4 của Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 (Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em chuyên nghiệp, có đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu cần sự bảo vệ của mọi

⁴¹ <http://www.nhandan.com.vn/xahoi/item/28407702-phat-trien-he-thong-dich-vu-bao-ve-tre-em-tung-buoc-chuyen-nghiep-hoa.html>

trẻ em; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá và phát hiện kịp thời các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại làm cơ sở để xác định các biện pháp trợ giúp phù hợp, hiệu quả).

- Ngoài ra, có thể phối hợp thực hiện với các hoạt động của chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em với những chương trình sẵn có tại địa phương như các chương trình xóa đói giảm nghèo, các chương trình phát triển kinh tế xã hội nói chung; đồng thời lồng ghép vào các chính sách, chương trình, ưu tiên của chính phủ trong đào tạo nghề, việc làm, giáo dục cho mọi người v.v.

IV. Tổng kết, đào sâu

1. Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ

- Lao động trẻ em là vấn đề rộng lớn, phức tạp, có liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống và nhiều chủ thể khác nhau, vì cần có sự tham gia và phối hợp của nhiều chủ thể, trong đó nòng cốt là các cơ quan nhà nước, các nghiệp đoàn, các tổ chức của người sử dụng lao động và các tổ chức chính trị, xã hội... Để sự phối hợp đạt hiệu quả cao, đầu tiên cần phân tích năng lực đối tác để xác định những mặt mạnh, mặt yếu và khả năng tham gia của từng chủ thể. Sau đó, cần thống nhất về cách tiếp cận, mục tiêu, kế hoạch hành động chung của nhóm, cũng như phân công trách nhiệm cụ thể cho từng chủ thể tham gia.
- Có nhiều chủ thể khác nhau có thể huy động tham gia vào các hoạt động phối hợp phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Mỗi chủ thể có vai trò khác nhau và có thể góp phần giải quyết vấn đề lao động trẻ em ở những góc độ và mức độ khác nhau. Các chủ thể quan trọng bao gồm: Các cơ quan nhà nước; các tổ chức của người sử dụng lao động và của người lao động; các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức dựa vào cộng đồng; gia đình và bản thân trẻ em; các cơ quan truyền thông đại chúng; các chủ thể khác (các cộng đồng, tổ chức tôn giáo, nhà trường...).
- Ở Việt Nam, Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 đã xác định quyền hạn, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong đó nòng cốt là cơ quan lao động-thương binh và xã hội, các cơ quan, ban ngành khác trong bộ máy nhà nước, hệ thống các tổ chức chính trị-xã hội, hệ thống các tổ chức đại diện cho người sử dụng

lao động và người lao động. Bên cạnh các chủ thể đã nêu, trong thực tế còn có thể phối hợp với một số chủ thể khác để thực hiện các hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, cụ thể như các tổ chức phi chính phủ (NGOs), các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs), các tổ chức quốc tế (bao gồm cả các tổ chức phi chính phủ quốc tế - INGOs), các cơ quan truyền thông đại chúng, các tổ chức tôn giáo, các nhà trường...

- Các nội dung của Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 đều có thể phối hợp thực hiện với hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em được xác lập trong Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 – 2020. Cụ thể: Nội dung truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng ngừa, giảm thiểu lao động (lồng ghép vào Nội dung (1) Nội dung nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, người làm công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em (phối hợp thực hiện với Nội dung (2) Nội dung thí điểm mô hình hỗ trợ, can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em (phối hợp thực hiện với Nội dung 3 và 4).
- Ngoài ra, có thể phối hợp thực hiện các hoạt động của Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 với những chương trình sẵn có tại địa phương như các chương trình xóa đói giảm nghèo, các chương trình phát triển kinh tế xã hội nói chung; đồng thời lồng ghép vào các chính sách, chương trình, ưu tiên của chính phủ trong đào tạo nghề, việc làm, giáo dục cho mọi người v.v.

2. Đào sâu

Tùy thuộc vào điều kiện thời gian, có thể áp dụng một hoặc cả hai phương án sau:

PHƯƠNG ÁN 1. **Làm việc theo nhóm nhỏ**

Chia học viên thành nhóm nhỏ.

Đề nghị mỗi nhóm thảo luận, xác định [dự đoán] những thuận lợi và khó khăn, trở ngại chủ yếu trong việc phối hợp thực hiện nội dung của Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 vào hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em và có những giải pháp nào để giải quyết những khó khăn, trở ngại đó.

Sau khi hoàn thành, tổ chức cho các nhóm trình bày và chia sẻ quan điểm.

Đáp án:

Bài tập này không có đáp án lập sẵn. Tuy nhiên, giảng viên có thể phân tích và bình luận về quan điểm và các giải pháp của các nhóm dựa trên những tiêu chí như: (i) Sự chặt chẽ, logic trong lập luận; (ii) Tính hợp lý, khả thi của giải pháp.

PHƯƠNG ÁN 2. Làm việc theo cặp đôi

Phát cho mỗi học viên biểu dưới đây và đề nghị họ hoàn thành, sau đó trao đổi với người ngồi bên cạnh mình (giảng viên cần xác định cặp làm việc là hai học viên ngồi gần nhau).

Đóng góp của cơ quan/tổ chức và cá nhân vào việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	
Chức năng hoạt động của cơ quan/tổ chức của tôi là:	
Cơ quan/tổ chức của tôi có thể làm gì để góp phần phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em?	
Cơ quan/tổ chức của tôi có thể làm gì để giám sát việc tuân thủ pháp luật về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em?	
Cơ quan/tổ chức của tôi có thể làm gì để xử lý những vi phạm pháp luật về lao động trẻ em?	
Bản thân tôi có thể đóng góp vào việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em?	

Đáp án:

Bài tập này cũng không có đáp án lập sẵn. Mục đích của bài tập chỉ là để học viên liên hệ vấn đề với công việc của bản thân. Vì vậy, giảng viên chỉ cần tổ chức cho học viên trao đổi với nhau theo cặp là đủ.

Bài 7

CAN THIỆP, TRỢ GIÚP LAO ĐỘNG TRẺ EM

Mục tiêu bài giảng

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có thể:

- Trình bày và phân tích các nguyên tắc và yêu cầu chung khi can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em.
- Trình bày cách thức phân tích vấn đề và xác định các hoạt động can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em
- Trình bày và phân tích các bước trong quy trình can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em.

Thời gian dự kiến

120 phút (3 tiết học)

Cấu trúc và Phương pháp

Số TT	Nội dung	Phương pháp	Ghi chú
1	Các nguyên tắc và yêu cầu chung khi can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em	• Thảo luận cả lớp (chia sẻ kinh nghiệm) • Thuyết trình	
2	Phân tích vấn đề và xác định các hoạt động can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em	• Xem video clip và thảo luận cả lớp • Thuyết trình	
3	Quy trình can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em ở Việt Nam	• Thảo luận nhóm nhỏ • Thuyết trình	
4	Tổng kết, đào sâu	• Thuyết trình • Bài tập tình huống và/hoặc thảo luận nhóm nhỏ.	

Đồ dùng dạy học

Máy tính, máy chiếu, bút laser, giấy A0, bút dạ viết bảng, băng keo, kẹp tài liệu, bút bi, bút chì, bảng viết, bảng giấy lật, phòng họp với đủ bàn, ghế, thiết bị âm thanh và ánh sáng.

Tài liệu phát cho học viên

- Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ (Mục 4.1, bảng doc).
- Nội dung bài giảng của giảng viên (bằng Powerpoint).
- Tóm tắt Nghị định số 56/NĐ-CP ngày 9/5/2017 quy định chi tiết một số điều về Luật trẻ em.⁴²

⁴² Có thể tải văn bản này từ nhiều website, ví dụ như <http://thuvienphapluat.vn/>.

NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Các nguyên tắc và yêu cầu khi can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em

1. Hoạt động

Thảo luận cả lớp: Chia sẻ kinh nghiệm

Hỏi xem có học viên nào đã từng tham gia các hoạt động can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em.

Mời học viên đó lên trước lớp trình bày, chia sẻ với cả lớp về những nguyên tắc cần tuân thủ khi tiến hành hoạt động đó.

Khuyến khích các học viên khác đưa ra những câu hỏi với người trình bày.

2. Thuyết trình

Theo quan niệm pháp lý hiện nay ở Việt Nam, can thiệp, trợ giúp là các hoạt động nhằm ngăn chặn, loại bỏ các nguy cơ xâm hại trẻ em; phục hồi về thể chất, tâm lý, giao tiếp xã hội; tái hòa nhập gia đình, cộng đồng, trường học cho trẻ em bị xâm hại.

Từ quan niệm như trên, có thể hiểu can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em là việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng và thực hiện các biện pháp có tính kết nối tác động đến bối cảnh thực tế để đưa trẻ em và người chưa thành niên đang làm các công việc trái quy định pháp luật về lao động mà cản trở hoặc tác động tiêu cực đến sự phát triển thể chất, trí tuệ, nhân cách của các em thoát khỏi tình trạng đó và (nếu cần thiết) giúp các em hoà nhập cộng đồng, có cơ hội tiếp tục học tập để có cuộc sống tốt đẹp trong tương lai.⁴³

Can thiệp, trợ giúp là những hoạt động không thể thiếu trong các chương trình phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trên thế giới, đặc biệt trong những trường hợp lao động trẻ em tồi tệ nhất. Can thiệp, trợ giúp trực tiếp tác động đến việc đạt được mục tiêu, kết quả của chương trình là làm giảm thiểu và tiến tới xoá bỏ tình trạng lao động trẻ em.

⁴³ Điều 3 khoản 2 Thông tư số 23/2010/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Bộ LĐ-TB-XH quy định quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục

Để bảo đảm các hoạt động can thiệp, trợ giúp đạt hiệu quả cao song vẫn đáp ứng các yêu cầu về quyền của trẻ em, hoạt động can thiệp, trợ giúp cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau đây:

Thứ nhất, bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em

Đây là một nguyên tắc nền tảng của Công ước về quyền trẻ em. Nguyên tắc này cũng được quy định trong hiến pháp, pháp luật của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Nội hàm của nguyên tắc này là trong các hoạt động có liên quan đến trẻ em, tất cả các chủ thể đều phải lấy lợi ích của trẻ em là cơ sở và ưu tiên hàng đầu.

Gắn với việc can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em, nguyên tắc nêu trên đòi hỏi các chủ thể có liên quan, đặc biệt là các cơ quan nhà nước, phải nhanh chóng đánh giá tình hình và thực hiện các biện pháp cần thiết, phù hợp để đưa lao động trẻ em ra khỏi hoàn cảnh hiện tại và giúp đỡ để các em không bị rơi trở lại hoàn cảnh đó. Các công việc này phải được xem là ưu tiên hàng đầu trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Thứ hai: Kịp thời, phù hợp, an toàn với trẻ em

Nguyên tắc này đòi hỏi các biện pháp can thiệp, trợ giúp phải được thực hiện một cách khẩn trương, không chậm trễ, bằng các biện pháp thích hợp theo quy định của pháp luật, không gây tổn hại về bất kỳ khía cạnh nào, trước mắt hoặc lâu dài cho lao động trẻ em.

Tính kịp thời là cần thiết để giảm thiểu những tác động tiêu cực với lao động trẻ em, đặc biệt khi trẻ rơi vào những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Trong khi đó, sự phù hợp và an toàn cũng cần được nhấn mạnh vì sự can thiệp, trợ giúp có thể vô tình đẩy lao động trẻ em vào tình thế khó khăn, thậm chí nguy hiểm hơn nếu không nghiên cứu, đánh giá một cách đầy đủ, cẩn thận và khoa học những yếu tố có liên quan đến hoàn cảnh của trẻ.

Thứ ba: Liên tục, thân thiện với trẻ em

Nguyên tắc này đòi hỏi các biện pháp can thiệp, trợ giúp phải được thực hiện liên tục trong thời hạn quy định; các dịch vụ trợ giúp phải được cung cấp theo cách thức thân thiện, phù hợp với tâm lý và hoàn cảnh của lao động trẻ em.

Do tính chất phức tạp của vấn đề nên việc can thiệp, trợ giúp lao động thường bao gồm một chuỗi hoạt động trong một khoảng thời gian. Chính vì vậy, tính liên tục là cần thiết để bảo đảm các hoạt động can thiệp, trợ giúp đạt được và duy trì,

củng cố được kết quả. Bên cạnh đó, do phần lớn các hoạt động can thiệp, trợ giúp trực tiếp tác động đến lao động trẻ em – là đối tượng đặc biệt nhạy cảm – nên sự thân thiện với trẻ cũng là một yêu cầu mang tính nguyên tắc để bảo đảm kết quả của các hoạt động đó.

Thứ tư: Bảo mật thông tin về trẻ em

Nguyên tắc này đòi hỏi tất cả các chủ thể tham gia quy trình can thiệp, trợ giúp phải bảo đảm bí mật, không tùy tiện tiết lộ thông tin liên quan đến lao động trẻ em được trợ giúp, đặc biệt trong những trường hợp trẻ em bị xâm hại tình dục.

Nguyên tắc này trước hết xuất phát từ và nhằm để bảo đảm thực hiện quyền về đời tư của trẻ em – mà đã được ghi nhận trong Công ước về quyền trẻ em và pháp luật của hầu hết quốc gia trên thế giới. Bên cạnh đó, nguyên tắc này còn xuất phát từ đòi hỏi của thực tế, đó là để bảo đảm các hoạt động can thiệp, trợ giúp đạt được kết quả trong bối cảnh phức tạp của lao động trẻ em.

Thứ năm: Tránh tiếp tục làm trẻ bị tổn thương

Có một yêu cầu quan trọng là không được làm cho các lao động trẻ em mà vốn đã bị tổn thương do bị bóc lột, lạm dụng tiếp tục bị tổn thương do những sơ xuất trong việc bảo vệ hoặc trợ giúp các em. Sự tổn thương tiếp theo có thể đơn giản chỉ là có những hành động, lời nói gây cho các em sự sợ hãi, tủi thân hoặc nặng hơn là cảm thấy bị xúc phạm. Nghiêm trọng hơn là có những sơ xuất khiến tên tuổi các em bị tiết lộ và trở thành đề tài bàn tán của xã hội, hoặc vì việc đó nên các em hoặc người thân trong gia đình các em bị đe dọa, trả thù, trù dập... bởi những kẻ bóc lột lao động trẻ em và đồng bọn của chúng.

Để tránh làm cho trẻ tiếp tục bị tổn thương, luật pháp, quy trình, thủ tục về bảo vệ, hỗ trợ lao động trẻ em cần được xây dựng dựa trên nguyên tắc nền tảng mà xem lao động trẻ em là nạn nhân chứ không phải là những kẻ tội phạm hoặc những đối tượng hư hỏng, và cần xác định những hình thức bảo vệ, hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của các em. Về khía cạnh này, nhiều quốc gia đã đào tạo những nhân viên tư pháp (cảnh sát điều tra, công tố viên, thẩm phán...) chuyên làm việc với lao động trẻ em. Những nhân viên này được đào tạo để thấu hiểu, thân thiện và nhạy cảm với các quyền lợi, nhu cầu và tâm lý của trẻ. Những hiểu biết này cũng rất quan trọng và cần được phổ biến cho một số đối tượng khác như luật sư, cán bộ xã hội làm việc với trẻ em, để đảm bảo rằng sự hỗ trợ của họ sẽ giúp trẻ em phục hồi, hòa nhập nhanh chóng vào cộng đồng mà không làm cho các em bị tổn thương thêm một lần nữa.

Theo ILO-IPEC, để tránh tiếp tục làm tổn thương lao động trẻ em, việc can thiệp và hỗ trợ các em cần tuân thủ những yêu cầu cơ bản đó là: (i) Luôn ghi nhớ nguyên tắc bao quát là lợi ích tốt nhất dành cho trẻ em; (ii) Đưa ra cách tiếp cận cụ thể trên cơ sở nhu cầu riêng của trẻ thông qua tìm hiểu tâm lý, quan điểm của trẻ; (iii) Bảo đảm an toàn và bảo vệ trẻ em bất cứ lúc nào; (iv) Không bao giờ đặt lao động trẻ em vào tình trạng bị giam cầm, thậm chí chỉ trong một thời gian ngắn (vì các em không phải là tội phạm); (v) Bằng mọi giá phải tránh lặp lại sự đối xử tàn nhẫn với trẻ - không để trẻ bị đối xử thô bạo thêm một lần nữa; (vi) Cung cấp nơi ở tạm thời hoặc lâu dài cho trẻ khi cần thiết; (vii) Dành thời gian và nỗ lực xây dựng lại niềm tin của trẻ để giúp trẻ vượt qua sự khủng hoảng tâm lý; (viii) Tôn trọng quyền riêng tư và bí mật của trẻ; (ix) Giúp trẻ em, tại thời điểm thích hợp, tiếp cận với giáo dục kỹ năng sống và giáo dục hoặc đào tạo nghề, tùy theo nhu cầu cá nhân của trẻ; (x) Thúc đẩy quá trình tái hòa nhập cộng đồng của trẻ bằng cách làm việc với trẻ em và cộng đồng nơi trẻ sẽ sống; (xi) Bảo đảm chắc chắn những người chăm sóc trẻ là những người được đào tạo, có kinh nghiệm và các kỹ năng, hiểu biết của họ được cập nhật thường xuyên.

II. Phân tích vấn đề và xác định các hoạt động can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em

1. Hoạt động

Thảo luận cả lớp:

Chọn và in để cung cấp cho mỗi học viên một bản copy một bài báo về tình trạng trẻ em đường phố phải lao động hoặc trẻ em bị bóc lột trên đường phố.⁴⁴

Đề nghị tất cả học viên thảo luận về hai câu hỏi sau:

- Nhóm trẻ trong bài báo đang gặp phải những vấn đề gì? Những nguyên nhân nào dẫn đến vấn đề của trẻ? Nguyên nhân nào là chính? Nguyên nhân nào là phụ?
- Nếu không được can thiệp, hỗ trợ thì lao động trẻ em đó có thể gặp những hậu quả gì? Nêu lên một số hướng can thiệp để giải quyết vấn đề cho trẻ trong clip

Giảng viên tổng hợp ý kiến lên bảng và phân tích.

⁴⁴ Một số video clip có thể tải về từ <https://www.youtube.com/watch?v=MJHHZ2NuJok>, <https://www.youtube.com/watch?v=57E1l-ui5r0>

2. Thuyết trình

Thông thường một tình huống lao động trẻ em là do nhiều yếu tố tác động, vì vậy, cần phân tích vấn đề (phân tích tình huống) để làm rõ các yếu tố này, từ đó xác định cách thức can thiệp, trợ giúp phù hợp, hiệu quả.

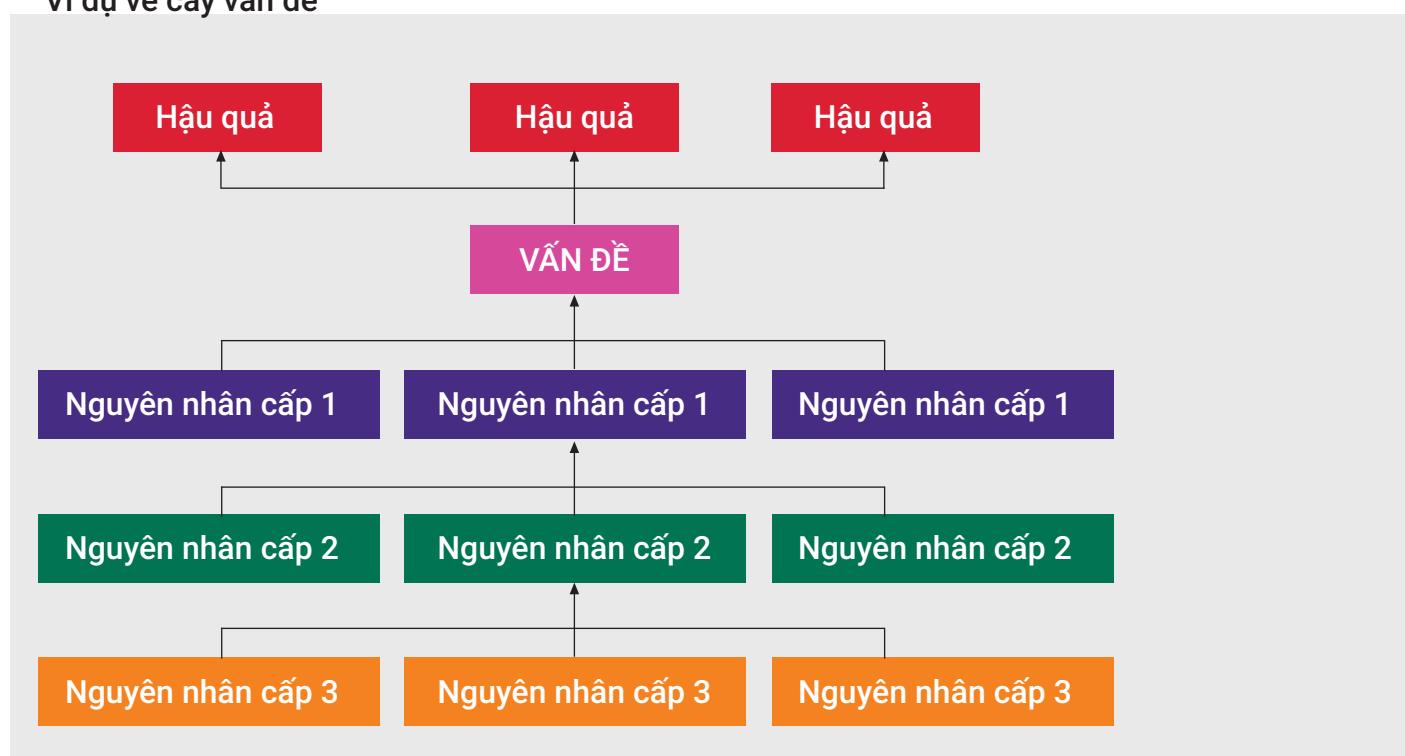
Vấn đề được hiểu là một hoàn cảnh, lĩnh vực cụ thể nào đó trong cộng đồng đang ở trong tình trạng tiêu cực, cần được thay đổi. Vấn đề trả lời cho câu hỏi: Ai/cái gì? Đang trong tình trạng như thế nào? Vấn đề không phải là “Thiếu...” hoặc “Không có...” cái gì, bởi vì đó chỉ là nguyên nhân của vấn đề.

Tóm lại, phân tích vấn đề tức là trả lời các câu hỏi sau:

- Nhận diện vấn đề lao động trẻ em đang gặp phải là gì? (Đó là vấn đề về thể chất, kinh tế, giáo dục, tâm lý, mối quan hệ xã hội, pháp lý hay hoà nhập cộng đồng...?) Xác định thứ tự ưu tiên giữa các vấn đề (nếu có)?
- Những nguyên nhân nào dẫn đến những vấn đề của trẻ?
- Những vấn đề đó đang/sẽ gây nên những hậu quả như thế nào nếu không được giải quyết?

Để phân tích vấn đề, có thể sử dụng “cây vấn đề” như ví dụ dưới đây:

Ví dụ về cây vấn đề



Sau khi phân tích tìm ra nguyên nhân của vấn đề, cần xác định phương hướng để giải quyết. Việc này cần trả lời các câu hỏi: *Phải làm gì để giải quyết vấn đề? Làm như thế nào? Làm với ai?*

Để can thiệp, trợ giúp trường hợp lao động trẻ em (giải quyết vấn đề), thông thường có thể thực hiện một hoặc đồng thời những biện pháp sau:

- Đề xuất cách tiếp cận phần can thiệp, trợ giúp: Cần áp dụng Điều 47,48,49,50 của Luật trẻ em 2016, trong đó chia ra 3 cấp độ:
 - Phòng ngừa (Ứng với Các hoạt động nâng cao nhận thức và năng lực của các chủ thể liên quan)
 - Hỗ trợ (Ứng với các hoạt động hỗ trợ cho nhóm trẻ có nguy cơ rơi vào tình trạng lao động trẻ em)
 - Can thiệp (Ứng với phần quản lý ca trường hợp khẩn cấp với lao động trẻ em: Quản lý vụ việc và cung cấp dịch vụ)
- Các hoạt động nâng cao nhận thức và năng lực của các chủ thể liên quan, nhằm giúp cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức, đoàn thể xã hội, các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động, các cơ quan truyền thông, cũng như trẻ em và gia đình các em và cộng đồng hiểu biết và nhận thức đúng hơn thế nào là lao động trẻ em, nguyên nhân, hậu quả và tác hại của nó, các quy định của luật pháp quốc tế và quốc gia liên quan đến lao động trẻ em. Trên cơ sở có nhận thức đầy đủ và chính xác, các chủ thể liên quan sẽ tham gia vào các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em tùy theo chức năng và khả năng của mình. Bên cạnh đó, hoạt động này cũng giúp nâng cao năng lực cho các cán bộ tham gia thực hiện các hoạt động, giúp họ thực hiện tốt các công việc được giao.
 - Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp, ví dụ như khám sức khỏe, tổ chức giáo dục nghề nghiệp cho trẻ, hỗ trợ gia đình trẻ phát triển sản xuất để nâng cao kinh tế, từ đó ngăn ngừa, bảo vệ hoặc đưa lao động trẻ em ra khỏi hoàn cảnh hiện tại.

Sau khi đưa lao động trẻ em khỏi tình trạng hiện tại, một yêu cầu tiếp tục đặt ra là bảo vệ và hỗ trợ các em. Dưới đây là một số lưu ý trong việc này:⁴⁵

⁴⁵ Tham khảo từ "Training Manual to Fight Trafficking in Children for Labour, Sexual and Other Forms of Exploitation", Textbook 2: Action against child trafficking at policy and outreach levels, sđd, tr.41-48.

- Đánh giá nhu cầu của lao động trẻ em để bảo vệ và hỗ trợ thích hợp: Khi lao động trẻ em, đặc biệt là những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, được đưa ra khỏi hoàn cảnh hiện tại, các em cần sự bảo vệ và trợ giúp đặc biệt để phục hồi và xây dựng cuộc sống mới. Về vấn đề này, Điều 39 CRC quy định: “Các quốc gia phải áp dụng các biện pháp thích hợp để thúc đẩy phục hồi thể chất, tâm lý và tái hòa nhập xã hội của các nạn nhân trẻ em”. Đây được gọi là quá trình “phục hồi và tái hoà nhập”.

Tuy nhiên, do hầu hết lao động trẻ em đã từng bị tổn thương nên không thể để cho các em bị tổn thương thêm bất kỳ lần nào nữa. Vì vậy, cần đánh giá thật cẩn thận những nhu cầu và đặc điểm tâm lý, thể chất của các em để xác định những biện pháp bảo vệ, hỗ trợ thích hợp.

Thông thường, ở thời kỳ đầu của quá trình phục hồi và tái hoà nhập cho lao động trẻ em, đặc biệt là lao động trẻ em tồi tệ nhất, cần chỉ định một người giám hộ trẻ. Người giám hộ có thể là nhân viên của một tổ chức phi chính phủ, một cán bộ xã hội hoặc những người khác, nhưng tất cả đều cần phải có lòng yêu thương trẻ thực sự, đồng thời phải có kinh nghiệm trong việc bảo vệ, hỗ trợ lao động trẻ em.

- Quản lý vụ việc và cung cấp dịch vụ: Quản lý vụ việc được hiểu là một quy trình bao gồm các hoạt động đánh giá, lập kế hoạch và ứng xử với từng lao động trẻ em. Quy trình này bắt đầu từ khi lao động trẻ em được tiếp nhận đến khi được (tái) hòa nhập thành công vào cộng đồng, tuy đôi khi còn được kéo dài thêm một thời gian nữa. Quản lý vụ việc thể hiện ở năm yếu tố cơ bản: (i) Thu thập các dữ kiện và bằng chứng về sự bóc lột, lạm dụng trẻ; (ii) Bảo vệ trẻ trước những nguy cơ bị bắt trở lại hoặc bị trả thù bởi những kẻ bóc lột; (iii) Đánh giá và lập kế hoạch điều trị, hỗ trợ phục hồi về thể chất, tâm lý thích hợp với trẻ; (iv) Thực hiện việc điều trị, phục hồi cho trẻ; (v) Lập kế hoạch và thực hiện tái hòa nhập xã hội cho trẻ. Thông thường một chủ thể khó có khả năng thực hiện toàn bộ quy trình này, vì vậy, sự phối hợp giữa các chủ thể khác nhau là rất cần thiết.

III. Quy trình can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em ở Việt Nam

1. Hoạt động

Thảo luận nhóm nhỏ:

Chia lớp thành 3-4 nhóm.

Chiếu một video clip về một vụ việc bóc lột lao động trẻ em trong thực tế (tải về trên Internet), ví dụ như ở một xưởng may tư nhân.⁴⁶

Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định những bước cần tiến hành để can thiệp trợ giúp lao động trẻ em được đề cập trong video clip.

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết kết quả lên giấy A0 rồi cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

2. Thuyết trình

Ở Việt Nam, Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em đã xác định rõ các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và chính sách hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Theo Chương II của Nghị định này, các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm: Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ; Trẻ em bị bỏ rơi; Trẻ em không nơi nương tựa; Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật; Trẻ em khuyết tật; Trẻ em nhiễm HIV/AIDS; Trẻ em vi phạm pháp luật; Trẻ em nghiện ma túy; Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; Trẻ em bị xâm hại tình dục; Trẻ em bị mua bán; Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc; Trẻ em bị bóc lột (bao gồm trẻ em bị bắt buộc tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động; trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động mại dâm, trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm, vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật; trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác).

Theo Mục 2 Chương II Nghị định này, chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt thể hiện qua những trợ giúp về chăm sóc sức khỏe, trợ giúp xã hội, giáo dục,

⁴⁶ Một số video clip có thể tải về từ https://www.youtube.com/watch?v=UC_bzF9ptcw, <https://www.youtube.com/watch?v=3VdJdBQ2CIA>

đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn, trị liệu tâm lý và các dịch vụ bảo vệ trẻ em khác

Mục 2 Chương III Nghị định này quy định quy trình can thiệp để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm các bước và hoạt động như sau:

Thứ nhất, tiếp nhận và phối hợp xử lý thông tin (Điều 25)

Bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nếu phát hiện hoặc có thông tin về hành vi xâm hại trẻ em hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm hại đều có trách nhiệm thông báo ngay cho Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em hoặc cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp hoặc cơ quan công an các cấp hoặc UBND cấp xã nơi xảy ra vụ việc (gọi chung là nơi tiếp nhận thông tin). Nơi tiếp nhận thông tin có trách nhiệm ghi chép đầy đủ thông tin về hành vi xâm hại trẻ em, trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em có trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp, cơ quan công an các cấp, UBND cấp xã nơi xảy ra vụ việc hoặc nơi trẻ em cư trú để thực hiện việc kiểm tra tính xác thực về hành vi xâm hại, tình trạng mất an toàn, mức độ nguy cơ gây tổn hại đối với trẻ em khi được yêu cầu.

Trường hợp tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm xâm hại trẻ em thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Thứ hai, đánh giá ban đầu về tình trạng và mức độ tổn hại của trẻ em (Điều 26)

UBND cấp xã nơi xảy ra vụ việc có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đánh giá ban đầu về tình trạng và mức độ tổn hại của trẻ em để có cơ sở áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp.

Trường hợp trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm thì trong vòng 12 giờ từ khi nhận thông tin, Chủ tịch UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.

Thứ ba, thực hiện các biện pháp can thiệp, hỗ trợ trẻ em

Việc thực hiện các biện pháp can thiệp, hỗ trợ trẻ em được phân ra hai trường hợp khẩn cấp và không khẩn cấp:

Trường hợp khẩn cấp

Theo Điều 31, nếu qua đánh giá ban đầu cho thấy trẻ em đang bị đe dọa hoặc bị gây tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm hoặc cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em chính là người gây tổn hại cho trẻ em thì UBND cấp xã phải thực hiện các biện pháp để bảo vệ khẩn cấp trẻ em trong thời gian nhanh nhất có thể và không quá 12 giờ từ khi nhận được thông tin.

Bảo vệ khẩn cấp thể hiện qua việc ngăn chặn các hành vi đe dọa hoặc gây tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của trẻ em; sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp và lưu giữ đồ vật, tài liệu liên quan để hỗ trợ việc điều tra, xử lý, bảo vệ trẻ em bị xâm hại.

Theo Điều 32, trong trường hợp trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em; trẻ em bị xâm hại nhưng cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em từ chối thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp hoặc trẻ em bị xâm hại có nguy cơ tiếp tục bị xâm hại bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em thì trong vòng 12 giờ tính từ thời điểm tiếp nhận thông tin, Chủ tịch UBND cấp xã nơi trẻ em cư trú hoặc nơi xảy ra trường hợp có quyền ra quyết định tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật trẻ em. Thời hạn tạm thời cách ly được quyết định căn cứ vào đánh giá nhu cầu và môi trường an toàn của trẻ em, được gia hạn, nhưng tối đa không quá 15 ngày trừ trường hợp phải tiếp tục cách ly theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Trẻ em được tạm thời cách ly khẩn cấp khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em cần được thực hiện ngay việc giao chăm sóc thay thế trước khi thực hiện các thủ tục nhận chăm sóc thay thế.

Trường hợp không khẩn cấp

Trong trường hợp không cần thực hiện các biện pháp để bảo vệ khẩn cấp thì cần tiến hành xây dựng kế hoạch hỗ trợ trẻ em.

Theo Điều 27, để xây dựng kế hoạch, đầu tiên phải xác định nhu cầu cần hỗ trợ, can thiệp của trẻ em dựa trên việc đánh giá các yếu tố sau:

- a) Tình trạng thể chất, tâm lý, tình cảm của trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;
- b) Hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ của trẻ em và năng lực bảo vệ trẻ em của cha, mẹ, các thành viên trong gia đình;

- c) Các yếu tố làm trẻ em có thể bị xâm hại hoặc tiếp tục bị xâm hại hoặc các yếu tố dẫn đến trẻ em tiếp tục rơi vào hoàn cảnh đặc biệt;
- d) Điều kiện, khả năng học tập và khả năng tự bảo vệ của trẻ em;
- đ) Mức độ an toàn và khả năng hỗ trợ của cộng đồng dân cư nơi trẻ em sinh sống;
- e) Nhu cầu chăm sóc y tế, chữa trị các tổn hại về thể chất và tinh thần của trẻ em; nhu cầu trợ giúp xã hội, hỗ trợ giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn, trị liệu tâm lý và các dịch vụ bảo vệ trẻ em khác;
- g) Ý kiến, nguyện vọng của trẻ em được hỗ trợ, can thiệp;
- h) Ý kiến, nguyện vọng của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em trừ trường hợp cha, mẹ, người chăm sóc là người gây tổn hại cho trẻ em.

Theo Điều 28, sau khi đánh giá và thấy cần hỗ trợ, can thiệp, thì căn cứ mức độ tổn hại và nhu cầu cần hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em, trong thời hạn 05 ngày làm việc, trừ trường hợp khẩn cấp, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập hồ sơ đề xuất kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trình Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt trong thời hạn 02 ngày làm việc trừ trường hợp khẩn cấp. Kế hoạch bao gồm các nội dung sau:

- a) Các dịch vụ, công việc cần thực hiện, thời điểm bắt đầu và dự kiến kết thúc;
- b) Phân công trách nhiệm cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn cấp xã thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp;
- c) Các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cần huy động cung cấp dịch vụ cụ thể;
- d) Dự toán kinh phí cho từng dịch vụ, công việc.

Theo Điều 29, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm trực tiếp thực hiện một số hoạt động hỗ trợ, can thiệp và chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp. Những chủ thể có trách nhiệm phối hợp trong việc này bao gồm các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở giáo dục, cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý, cơ quan công an, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em các cấp; cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em; Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm bảo vệ trẻ em.

Thứ tư, rà soát, đánh giá sau khi thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp

Theo Điều 30 của Nghị định, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo

vệ trẻ em tham gia thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp tổ chức rà soát, đánh giá tình trạng trẻ em và mức độ an toàn của môi trường trẻ em đang sinh sống sau khi thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp. Dựa trên kết quả đánh giá có thể trình Chủ tịch UBND cấp xã kết thúc kế hoạch hoặc tiếp tục xây dựng, phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp mới nếu trẻ em vẫn có nguy cơ bị xâm hại hoặc các yếu tố về thể chất, tâm lý, nhận thức và tình cảm của trẻ em chưa ổn định.

Có hai yêu cầu quan trọng đặt ra trong quy trình can thiệp để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đó là: (i) Hồ sơ kế hoạch hỗ trợ, can thiệp phải được lưu trữ tại UBND cấp xã và nhập vào cơ sở dữ liệu trẻ em quốc gia (Điều 30) và (ii) Mọi thông tin, tài liệu có liên quan phải được bảo mật vì lợi ích, sự an toàn của người cung cấp thông tin và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em có liên quan.

IV. Tổng kết, đào sâu

1. Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ

- *Các nguyên tắc can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em:* Có năm nguyên tắc đó là: (1) *Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em:* Nguyên tắc này đòi hỏi các chủ thể có liên quan phải xem xét tiến hành các biện pháp can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em theo thẩm quyền và trách nhiệm đã được quy định trong pháp luật như là một ưu tiên hàng đầu trong hoạt động của mình. (2) *Kịp thời, phù hợp, an toàn với trẻ em:* Nguyên tắc này đòi hỏi các biện pháp can thiệp, trợ giúp phải được thực hiện một cách khẩn trương, không chậm trễ, bằng các biện pháp thích hợp theo quy định của pháp luật, không gây tổn hại về bất kỳ khía cạnh nào, trước mắt hoặc lâu dài cho lao động trẻ em. (3) *Liên tục, thân thiện với trẻ em:* Nguyên tắc này đòi hỏi các biện pháp can thiệp, trợ giúp phải được thực hiện liên tục trong thời hạn quy định; các dịch vụ trợ giúp phải được cung cấp theo cách thức thân thiện, phù hợp với tâm lý và hoàn cảnh của trẻ em. (4) *Bảo mật thông tin về trẻ em:* Nguyên tắc này đòi hỏi tất cả các chủ thể tham gia quy trình can thiệp, trợ giúp phải bảo đảm bí mật, không tùy tiện tiết lộ thông tin liên quan đến trẻ em được trợ giúp, đặc biệt trong những trường hợp trẻ em bị xâm hại tình dục. (5) *Tránh tiếp tục làm trẻ bị tổn thương:* Nguyên tắc này đòi hỏi cần phải tránh những hành động, lời nói gây cho các em sự sợ hãi, tủi thân hoặc nặng hơn là cảm thấy bị xúc phạm. Nghiêm trọng hơn là có những sơ xuất khiến tên tuổi các em bị tiết lộ và trở thành đề tài bàn tán của xã hội, hoặc vì việc đó nên các em hoặc người thân trong gia đình các em bị đe dọa, trả thù, trù dập... bởi những kẻ bóc lột lao động trẻ em và đồng bọn của chúng.

- Một tình huống lao động trẻ em là do nhiều yếu tố tác động, vì vậy, cần phân tích vấn đề để làm rõ các yếu tố này, từ đó xác định cách thức can thiệp, trợ giúp phù hợp, hiệu quả. Để xác định vấn đề, cần trả lời các câu hỏi: Lý do gì khiến chúng ta phải có hoạt động can thiệp, trợ giúp? Những khó khăn chúng ta cần giải quyết là gì? Tình trạng tiêu cực gì chúng ta muốn thay đổi là gì? Sau khi phân tích tìm ra nguyên nhân của vấn đề, cần xác định phương hướng để giải quyết. Việc này đòi hỏi trả lời các câu hỏi: *Phải làm gì để giải quyết vấn đề? Làm như thế nào? Làm với ai?*
- Thông thường, can thiệp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em được thực hiện thông qua việc kết hợp các hoạt động: *Nâng cao nhận thức và năng lực của các chủ thể liên quan* tham gia vào các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em tùy theo chức năng và khả năng của mình; Hỗ trợ trực tiếp nhằm ngăn ngừa, bảo vệ hoặc đưa các lao động trẻ em ra khỏi các công việc nặng nhọc và độc hại. Các nhóm hoạt động cần được xây dựng và thực hiện một cách đồng bộ, gắn kết, hỗ trợ cho nhau để cùng đạt được các mục tiêu đề ra.
- Bảo vệ, hỗ trợ lao động trẻ em là hoạt động can thiệp rất quan trọng. Để hoạt động này đạt hiệu quả cao, cần đánh giá thật cẩn thận những nhu cầu và đặc điểm tâm lý, thể chất của các em để xác định những biện pháp bảo vệ, hỗ trợ thích hợp. Trong điều kiện có thể, với mỗi trường hợp lao động trẻ em, cần cử người giám hộ và có kế hoạch bảo vệ, hỗ trợ riêng (quản lý vụ việc). Trong việc bảo vệ, hỗ trợ lao động trẻ em, có một yêu cầu quan trọng là tránh không gây tổn thương cho các em một lần nữa.
- Theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em, quy trình can thiệp để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm các bước và hoạt động như sau: *Thứ nhất, tiếp nhận và phối hợp xử lý thông tin.* Trách nhiệm cung cấp thông tin thuộc về mọi chủ thể phát hiện hoặc có thông tin về hành vi xâm hại trẻ em hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm hại. Các đầu mối tiếp nhận thông tin có thể là Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em; cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp; cơ quan công an các cấp; UBND cấp xã nơi xảy ra vụ việc. Trường hợp tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm xâm hại trẻ em thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự. *Thứ hai, đánh giá ban đầu về tình trạng và mức độ tổn hại của trẻ em:* Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đánh giá ban đầu về tình trạng và mức độ tổn hại của trẻ em để có cơ sở áp dụng hoặc không

áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp thuộc về UBND cấp xã nơi xảy ra vụ việc. *Thứ ba, thực hiện các biện pháp can thiệp, hỗ trợ trẻ em:* Việc này được phân ra hai trường hợp: Trong trường hợp khẩn cấp (trẻ em đang bị đe dọa hoặc bị gây tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm hoặc cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em chính là người gây tổn hại cho trẻ em) thì UBND cấp xã trong thời gian nhanh nhất có thể và không quá 12 giờ từ khi nhận được thông tin phải có biện pháp ngăn chặn các hành vi đe dọa hoặc gây tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của trẻ em; sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp và lưu giữ đồ vật, tài liệu liên quan để hỗ trợ việc điều tra, xử lý, bảo vệ trẻ em bị xâm hại; nếu cần thiết thì tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế. Trong trường hợp không khẩn cấp thì cần tiến hành xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch hỗ trợ trẻ em. *Thứ tư, rà soát, đánh giá tình trạng trẻ em và mức độ an toàn của môi trường trẻ em đang sinh sống sau khi thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp* để quyết định kết thúc kế hoạch hoặc tiếp tục xây dựng, phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp mới. Có hai yêu cầu quan trọng đặt ra trong quy trình can thiệp để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đó là: (i) Hồ sơ kế hoạch hỗ trợ, can thiệp phải được lưu trữ tại UBND cấp xã và nhập vào cơ sở dữ liệu trẻ em quốc gia và (ii) Mọi thông tin, tài liệu có liên quan phải được bảo mật vì lợi ích, sự an toàn của người cung cấp thông tin và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em có liên quan.

2. Đào sâu

Tuỳ thuộc vào điều kiện thời gian, có thể áp dụng một hoặc cả hai phương án sau:

PHƯƠNG ÁN 1. **Làm bài tập tình huống ứng dụng áp dụng quy trình can thiệp, trợ giúp**

Chia lớp thành nhóm, cung cấp cho mỗi học viên một bản copy tình huống dưới đây. Đề nghị các học viên nghiên cứu và sau đó thảo luận trong nhóm để xây dựng kế hoạch can thiệp, trợ giúp. Yêu cầu các nhóm lập thành sơ đồ các bước theo quy định hiện hành.

Sau đó các nhóm cử đại diện trình bày kết quả làm việc của nhóm trước cả lớp. Giảng viên tổ chức thảo luận, phân tích và nêu nhận xét, đánh giá.

“Ngày 9/12/2015 Công an huyện Văn Lâm (Hưng Yên) cho biết vừa ra quyết định khởi tố, tạm giam Nguyễn Văn Tùng (48 tuổi), Vũ Thị Vân (22 tuổi, con dâu Tùng),

Lý Văn Thiện (19 tuổi, người làm công của nhà Tùng) để điều tra hành vi bắt giữ người trái pháp luật và hiếp dâm trẻ em. Theo công an, bố mất vì nghiện ma túy, mẹ đi làm thuê ở Hà Nội, em Linh (13 tuổi) ở cùng ông bà nội và đi làm thuê tại nhà hàng của Tùng ở thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm. Ngày 6/11 cho rằng Linh lấy tiền ở quầy thu ngân, bố con chủ nhà hàng đã bắt và còng sổ tay cô bé vào buồng ngủ của nhân viên để tra khảo, bỏ đói. Linh thừa nhận có lấy tiền, song không nhớ bao nhiêu còn Tùng cho rằng bị mất 27 triệu đồng. Ngày 9/11, người mẹ nhận được tin báo về việc Linh bị tra khảo và xâm hại tình dục đã vội vàng từ Hà Nội trở về, cầu cứu Công an huyện Văn Lâm. Cơ quan giám định sau đó xác định nạn nhân 13 tuổi đã bị hiếp dâm. Thủ phạm xâm hại tình dục cô bé trong nhiều ngày là Thiện.”

(Nguồn: Theo Vnexpress.net, 09/12/2015)

Đáp án:

Bài tập này không có đáp án lập sẵn. Tuy nhiên, giảng viên có thể phân tích và bình luận về kế hoạch mà các nhóm xây dựng dựa trên những tiêu chí như: (i) Sự chặt chẽ, logic; (ii) Tính hợp lý, khả thi; (iii) Khả năng liên kết, phối hợp với các chủ thể khác nhau và khả năng lồng ghép với các chương trình, hoạt động có liên quan để nâng cao hiệu quả tác động.

PHƯƠNG ÁN 2. Thảo luận nhóm nhỏ

Chia lớp thành các nhóm theo đơn vị công tác (ví dụ: nhóm cơ quan nhà nước; nhóm tổ chức xã hội...)

Yêu cầu mỗi nhóm thảo luận và tự xác định vai trò, trách nhiệm và đối tác cần thiết cần phối hợp trong việc can thiệp để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Sau khi các nhóm thảo luận xong, yêu cầu viết tóm tắt trên giấy A0 và cử đại diện trình bày trước cả lớp.

Đáp án:

Bài tập này không có đáp án lập sẵn. Tuy nhiên, giảng viên có thể phân tích và bình luận về kết quả làm việc của các nhóm dựa trên việc xác định chức năng, nhiệm vụ chính của các nhóm cơ quan, đơn vị và đối chiếu với các quy định của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 và Luật trẻ em 2016.

Bài 8

GIÁM SÁT, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM

Mục tiêu bài giảng

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có thể:

- Trình bày và phân tích những yêu cầu và nội dung cơ bản trong việc giám sát, thanh tra về lao động trẻ em.
- Trình bày và phân tích những yêu cầu và nội dung cơ bản trong xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em.

Thời gian dự kiến

120 phút (3 tiết học)

Cấu trúc và Phương pháp

Số TT	Nội dung	Phương pháp	Ghi chú
1	Giám sát về lao động trẻ em	• Làm bài tập cá nhân và thảo luận nhóm • Thuyết trình	
2	Thanh tra về lao động trẻ em	• Đóng vai hoặc chia sẻ kinh nghiệm • Thuyết trình	
3	Xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em	• Thảo luận nhóm nhỏ • Thuyết trình	
4	Tổng kết, đào sâu	• Thuyết trình • Thảo luận nhóm nhỏ hoặc Làm bài tập xử lý vụ việc vi phạm.	

Đồ dùng dạy học

Máy tính, máy chiếu, bút laser, giấy A0, bút dạ viết bảng, băng keo, kẹp tài liệu, bút bi, bút chì, bảng viết, bảng giấy lật, phòng họp với đủ bàn, ghế, thiết bị âm thanh và ánh sáng.

Tài liệu phát cho học viên

- Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ (Mục 4.1, bảng doc)
- Nội dung bài giảng của giảng viên (bằng Powerpoint).

³² https://www.youtube.com/watch?v=xm_mjrGviQA

NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Các nguyên tắc và yêu cầu khi can thiệp, trợ giúp lao động trẻ em

1. Hoạt động

Làm bài tập cá nhân

Phát cho mỗi học viên một phiếu khảo sát “Trách nhiệm trong việc giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em” (có mẫu cuối bài này).

Đề nghị các học viên điền phiếu, sau đó chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm. Nhóm tổng hợp ý kiến của các thành viên rồi cử đại diện trình bày trước lớp. Các nhóm khác có quyền đưa ra bình luận, nhận xét.

Khuyến khích các học viên khác đưa ra những câu hỏi với nhóm khác.

2. Thuyết trình

Từ góc độ pháp lý, có thể hiểu giám sát là việc theo dõi, xem xét, đánh giá sự tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân để xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Trong vấn đề lao động trẻ em, cả hai Công ước số 138 và 182 của ILO đều yêu cầu các quốc gia thành viên phải thiết lập các cơ chế phù hợp để giám sát việc thực hiện các điều khoản của Công ước.

Trong thực tế, giám sát sự tuân thủ pháp luật về lao động trẻ em (hoặc còn được gọi tắt là giám sát về lao động trẻ em) nhằm vào nhiều dạng chủ thể, trong đó bao gồm không chỉ các cơ quan nhà nước mà còn các doanh nghiệp và các gia đình. Việc này thể hiện ở những hành động như xác định xem có trẻ em tại nơi làm việc, tìm hiểu hoàn cảnh và những nguy cơ mà các em phải đối mặt, liên quan đến điều kiện lao động, thời gian làm việc, làm đêm, vấn đề an toàn vệ sinh lao động; ghi nhận những biến động có liên quan (ví dụ như các cách thức bảo vệ trẻ em tại nơi làm việc, hoặc việc di chuyển trẻ em đến nơi làm việc khác)...

Hoạt động giám sát bao gồm thu thập thông tin, dữ liệu, quản lý thông tin, trao đổi thông tin và sử dụng thông tin để ra quyết định ở các cấp độ khác nhau. Cần

đảm bảo hệ thống giám sát được thiết lập và thực hiện ở các cấp độ và liên kết với nhau.

Giám sát về lao động trẻ em cần phải thực hiện một cách thường xuyên và toàn diện, bất kể ở nơi làm việc, trường học hoặc cộng đồng, vì vậy, hoạt động này cần thiết có sự tham gia và phối hợp của nhiều chủ thể, bao gồm các chủ thể trong và ngoài bộ máy nhà nước. Ví dụ, trong khi các tổ chức phi chính phủ có thể giám sát việc sử dụng trẻ em ở các xưởng sản xuất nhỏ ở khu vực kinh tế phi chính thức thì các cơ quan nhà nước có thể tập trung vào việc kiểm soát việc sử dụng trẻ em trong các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, bao gồm các hình thức xâm hại tình dục, buôn bán trẻ em. Các cán bộ khuyến nông có thể kết hợp giám sát việc sử dụng trẻ em ở nông thôn, còn các giáo viên và nhân viên y tế thì có thể giám sát qua việc quan sát và thông tin về tình hình đến trường của trẻ, hoặc tình trạng mệt mỏi của những học sinh vừa phải học vừa phải làm việc...

Để hoạt động giám sát lao động trẻ em thành công, những yếu tố sau đây có ý nghĩa quan trọng:

Thông tin: Phải xác định được nơi trẻ em làm việc cũng như điều kiện làm việc ở những nơi đó. Điều này đòi hỏi phải xác lập và duy trì được quan hệ mật thiết với những chủ thể cung cấp thông tin, cụ thể như các cơ quan báo chí, các tổ chức phi chính phủ, cha mẹ, nhà trường và bản thân lao động trẻ em...

Dữ liệu: Cần thiết lập một cơ sở dữ liệu để thông báo và chia sẻ thông tin giữa các chủ thể tham gia giám sát. Trong vấn đề này, sẽ rất tốt nếu tận dụng được tiện ích của mạng Internet.

Cơ sở pháp lý: Cần có một khuôn khổ pháp luật phù hợp, cho phép nhiều chủ thể thực hiện các hoạt động giám sát về lao động trẻ em một cách thực chất và hiệu quả.

Lập kế hoạch: Mỗi chủ thể cần lập kế hoạch để tiến hành các hoạt động giám sát một cách thường xuyên, chặt chẽ và hiệu quả. Kế hoạch cũng cần đề cập đến việc kết hợp với các chủ thể khác (trong trường hợp có nhiều chủ thể cùng tham gia hoạt động giám sát).

Ở Việt Nam, Điều 4 khoản 11 Luật Bảo vệ trẻ em năm 2016 quy định, giám sát việc thực hiện quyền trẻ em (trong đó bao gồm quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động, không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm

công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ) là việc xem xét, đánh giá hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.

Theo Luật Trẻ em (Các Điều 91 và 92), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam có quyền và trách nhiệm giám sát các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật quyền của trẻ em. Phạm vi giám sát của các chủ thể này là cả nước, song tính chất giám sát là ở tầm vĩ mô, chủ yếu tập trung vào các vấn đề lớn và hoạt động có liên quan của các cơ quan nhà nước trung ương hoặc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Trong thực tế, ngoài Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam, hiện còn có nhiều chủ thể khác tham gia vào hoạt động giám sát lao động trẻ em (gọi là kiểm tra về lao động trẻ em⁴⁷), trong đó bao gồm cả cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là hệ thống cơ quan chuyên trách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em thuộc Bộ LĐTBXH; Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em là đơn vị thuộc Sở LĐTBXH, Phòng LĐTBXH cấp huyện), HĐND, UBND các cấp; các cơ quan và cán bộ ngành giáo dục; hệ thống các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA) và hệ thống các tổ chức đại diện cho người lao động (Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam). Bên cạnh đó, các Ban thanh tra nhân dân (được thành lập ở xã, phường, thị trấn và các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điều 12 Luật Thanh tra 2010) cũng có vai trò giám sát tình trạng lao động trẻ em ở cấp cơ sở.

Phạm vi giám sát của các chủ thể nêu trên chủ yếu gắn với các lĩnh vực hoạt động và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức. Các vấn đề giám sát thường mang tính cụ thể, gắn với hoạt động có liên quan của các cơ quan nhà nước ở địa phương, đặc biệt là cấp cơ sở.

⁴⁷ Bộ LĐTBXH-ILO, *Thanh tra về lao động trẻ em*, Tài liệu tập huấn, Hà Nội, 2013, tr.36-37.

II. Thanh tra về lao động trẻ em

1. Hoạt động

Thảo luận cả lớp: Chia sẻ kinh nghiệm

Hỏi xem có học viên nào đã từng tham gia các hoạt động thanh tra thực hiện pháp luật về lao động trẻ em.

Mời học viên đó lên trình bày, chia sẻ với cả lớp về những gì đã làm và những bài học rút ra trong các công việc đó.

Khuyến khích các học viên khác đưa ra những câu hỏi với người trình bày.

Đóng vai

Mời 2-3 học viên lên đóng vai thể hiện lại diễn biến chính của một cuộc thanh tra thực hiện pháp luật về lao động trẻ em. Tùy vào kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn của mỗi người để phân công đóng các vai cán bộ thanh tra và chủ doanh nghiệp/cơ sở sử dụng lao động.

Trong trường hợp không có ai từng có kinh nghiệm về việc thanh tra, giảng viên mô tả vắn tắt chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan thanh tra trong việc thanh tra lao động trẻ em rồi đề nghị một số học viên đóng các vai như trên.

Sau khi các vai diễn đã hoàn thành nhiệm vụ, giảng viên đề nghị các học viên khác không tham gia đóng vai nêu ý kiến nhận xét.

Cuối cùng, giảng viên tổng hợp, phân tích kết quả làm việc của các vai diễn.

2. Thuyết trình

Thanh tra là hoạt động xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Ở Việt Nam, Luật Thanh tra năm 2010 quy định có hai hệ thống thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân, trong đó thanh tra nhà nước bao gồm thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành. Thanh tra lao động (bao gồm thanh tra về lao động trẻ em) thuộc về thanh tra chuyên ngành, do thanh tra của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Thanh tra Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và thanh tra của các Sở Lao động-Thương binh và Xã hội cấp tỉnh thực hiện.

Cụ thể, các cơ quan sau đây ở Việt Nam hiện có thẩm quyền thanh tra về lao động trẻ em:⁴⁸

- Các cơ quan thanh tra hành chính (Thanh tra Chính phủ, thanh tra của UBND cấp tỉnh và cấp huyện): Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về lao động trẻ em của cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới; thanh tra những vụ việc phức tạp về lao động trẻ em liên quan đến nhiều cơ quan, địa phương; các vụ việc về lao động trẻ em do người đứng đầu cơ quan hành chính cùng cấp giao; thanh tra lại các vụ việc về lao động trẻ em đã có kết luận của cơ quan thanh tra chuyên ngành về lao động cùng cấp nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật.
- Các cơ quan thanh tra chuyên ngành về lao động (Thanh tra của Bộ và các Sở LĐTBXH cấp tỉnh): Thanh tra việc chấp hành pháp luật về lao động trẻ em của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý của Bộ và Sở LĐTBXH.

Theo quy định chung tại Điều 37 Luật Thanh tra năm 2010, thanh tra lao động trẻ em có thể thực hiện theo kế hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, hoặc thanh tra đột xuất khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

Theo Nghị định số 39/2013/NĐ-CP ngày 24/4/2013 của Chính phủ quy định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra lao động ở Trung ương, thanh tra lao động ở địa phương, đối tượng của thanh tra lao động trẻ em bao gồm: (i) Người lao động, người sử dụng lao động; (ii) Các cơ quan, tổ chức cá nhân tham gia cung ứng nhân lực, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực lao động; (iii) Các cơ quan quản lý lao động.

Theo pháp luật hiện hành, vai trò, trách nhiệm của thanh tra lao động với việc ngăn ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em thể hiện qua các việc sau:⁴⁹

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về lao động trẻ em. Tùy theo mục đích, tính chất, nội dung của sự việc, thanh tra lao động có thể tiến hành thanh tra/kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động nói chung, trong đó có nội dung thanh tra/kiểm tra về lao động trẻ em, hoặc tổ chức một cuộc thanh tra/kiểm tra về lao động trẻ em riêng. Các nội dung thanh tra/kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động trẻ em được phân chia theo các dạng lao động trẻ em như lao động trẻ

⁴⁸ Bộ LĐTBXH-ILO, Thanh tra về lao động trẻ em, Tài liệu tập huấn, Hà Nội, 2013, tr.35.

⁴⁹ Bộ LĐTBXH-ILO, Thanh tra về lao động trẻ em, Tài liệu tập huấn, Hà Nội, 2013, tr.37-38.

em làm việc trong doanh nghiệp, lao động trẻ em trong lĩnh vực nông nghiệp, trẻ em giúp việc gia đình, trẻ em làm công việc nặng nhọc, độc hại...

- Điều tra tai nạn lao động và kiểm tra những vi phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với lao động trẻ em. Đối với các vụ tai nạn lao động gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng của lao động trẻ em, thanh tra lao động tiến hành điều tra, kết luận và có các biện pháp xử lý nếu cần thiết. Đồng thời, thanh tra lao động cũng thực hiện thanh tra, kiểm tra những quy định về an toàn, vệ sinh lao động áp dụng với lao động chưa thành niên.
- Tham gia hướng dẫn áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về điều kiện lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với lao động chưa thành niên;
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về lao động trẻ em theo quy định của pháp luật.
- Xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về lao động trẻ em. Thanh tra viên lao động là trưởng đoàn hoặc khi tiến hành thanh tra độc lập, tùy từng trường hợp có các quyền hạn như yêu cầu đối tượng xuất trình các văn bản có liên quan đến nội dung, mục đích thanh tra; lập biên bản về việc vi phạm của đối tượng thanh tra; yêu cầu người có thẩm quyền tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép sử dụng trái pháp luật; niêm phong tài liệu; tạm đình chỉ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền đình chỉ việc làm gây thiệt hại; yêu cầu tổ chức tín dụng phong tỏa tài khoản; xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật về lao động trẻ em...

Theo quy định chung của Luật Thanh tra 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì quy trình thanh tra lao động trẻ em cũng bao gồm các bước sau:⁵⁰

- **Chuẩn bị thanh tra:** Bước này nhằm thiết lập những nội dung, kế hoạch để tiến hành thanh tra, bao gồm các công việc: Khảo sát, thu thập thông tin; Ra quyết định thanh tra; Xây dựng, phê duyệt kế hoạch, đề cương; Hợp đoàn thanh tra, chuẩn bị điều kiện cần thiết; Thông báo việc công bố quyết định thanh tra.
- **Tiến hành thanh tra:** Ở bước này, sau khi công bố quyết định thanh tra thì sẽ thực hiện các hoạt động thanh tra cụ thể, bao gồm: Nghe đối tượng thanh tra báo cáo; Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra; Kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu và kiểm tra thực tế; Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ thanh tra; Kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra; Dự thảo biên bản ghi nhận kết quả thanh tra.

⁵⁰ Bộ LĐTBXH-ILO, Thanh tra về lao động trẻ em, Tài liệu tập huấn, Hà Nội, 2013, tr.40-42.

- **Kết thúc thanh tra:** Bước này bao gồm các hoạt động: Báo kết quả thanh tra; Kết luận thanh tra; Công bố kết luận; Lưu hồ sơ thanh tra; Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

III. Xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em

1. Hoạt động

Thảo luận nhóm nhỏ

Chia lớp thành 3-4 nhóm.

Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định những hình thức vi phạm pháp luật về lao động trẻ em phổ biến trong thực tế của doanh nghiệp, gia đình/các bậc cha mẹ, và cách thức xử lý vi phạm đó.

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết kết quả lên giấy A0 rồi cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

Làm bài tập xử lý vụ việc

Cung cấp cho mỗi học viên một bài báo hoặc chiếu cho cả lớp xem một video về một vụ vi phạm pháp luật về lao động trẻ em.

Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định xem vi phạm đó thuộc dạng nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng và đề xuất chế tài (hành chính, hình sự) cho doanh nghiệp, cá nhân vi phạm.

Sau khi các nhóm thảo luận xong thì cử đại diện trình bày trước cả lớp. Giảng viên tổng hợp và phân tích.

2. Thuyết trình

Xử lý kịp thời và nghiêm minh những hành vi vi phạm là yêu cầu rất quan trọng để đạt được mục tiêu phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em.

Liên quan đến vấn đề trên, cả hai Công ước số 138 và 182 của ILO đều yêu cầu các quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm bảo hiệu lực của các công ước đó, bao gồm việc xác định và áp dụng các chế tài với những hành vi vi phạm.

Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, hành vi vi phạm pháp luật về lao động trẻ em có thể bị xử lý về hành chính hoặc hình sự.

Về hành chính, Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 08 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có một điều riêng (Điều 19) về vi phạm quy định về lao động chưa thành niên. Theo Điều này, các hành vi của người sử dụng lao động có thể bị xử phạt bao gồm:

- Không lập sổ theo dõi riêng khi sử dụng lao động chưa thành niên hoặc không xuất trình sổ theo dõi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu (phạt cảnh cáo).
- Sử dụng người dưới 15 tuổi mà không ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật (phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng);
- Sử dụng lao động chưa thành niên làm việc quá thời giờ làm việc quy định của Bộ luật Lao động (phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng)
- Sử dụng người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, trừ một số nghề, công việc được pháp luật cho phép (phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng).
- Sử dụng lao động là người chưa thành niên làm công việc, tại nơi làm việc bị cấm sử dụng theo quy định của Bộ luật Lao động (phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng);
- Sử dụng người dưới 15 tuổi làm công việc ngoài danh mục được pháp luật cho phép theo quy định của Bộ luật Lao động (phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng).

Theo Nghị định số 95/2013/NĐ-CP, các chủ thể sau đây có quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội (bao gồm vi phạm quy định về lao động chưa thành niên):

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền, trong đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng, cấp huyện đến 37.500.000 đồng, cấp tỉnh đến 75.000.000 đồng.

Ngoài các hình thức phạt cảnh cáo và phạt tiền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh còn có quyền áp dụng hình thức xử phạt bổ sung (đình chỉ hoạt động, đình chỉ hợp đồng, buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả) theo quy định của Nghị định.

- Thanh tra lao động có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền, trong đó Thanh tra viên lao động, người được giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 500.000 đồng; Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có quyền phạt tiền đến 37.500.000 đồng; Trưởng đoàn thanh tra lao động cấp Bộ đến 75.000.000 đồng. Bên cạnh đó, Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trưởng đoàn thanh tra lao động cấp Bộ còn có quyền áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định.

Ngoài Nghị định số 95/2013/NĐ-CP, một số hành vi liên quan đến lao động trẻ em còn bị xử phạt theo Nghị định 144/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Theo Nghị định này (Điều 29), hành vi của cha, mẹ, người giám hộ, người nuôi dưỡng trẻ em bắt trẻ em làm công việc gia đình quá sức, quá thời gian, ảnh hưởng đến việc học tập, vui chơi, giải trí, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng; hành vi sử dụng trẻ em để mua, bán, vận chuyển hàng hóa, hàng giả, hàng trốn thuế, tiền tệ trái phép bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Ngoài ra, các hành vi sau đây cũng bị coi là vi phạm hành chính và bị xử phạt: (1) Hành vi cản trở việc học tập của trẻ em; (2) Hành vi cha, mẹ bỏ rơi con, người giám hộ bỏ rơi trẻ em được mình giám hộ; (3) Hành vi dụ dỗ, lôi kéo trẻ em đi lang thang; lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi; (4) Hành vi kích động tình dục trẻ em; (5) Hành vi lợi dụng, dụ dỗ, ép buộc trẻ em mua, bán, sử dụng văn hoá phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy; sản xuất, kinh doanh đồ chơi, trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của trẻ em; (6) Hành vi hành hạ, ngược đãi, làm nhục trẻ em; lợi dụng trẻ em vì mục đích trục lợi.

Theo Nghị định 144/2013/NĐ-CP, thẩm quyền xử phạt các vi phạm quy định tại Điều 29 nêu trên thuộc về cơ quan công an.

Về hình sự, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có một điều riêng về tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi (Điều 296). Theo Điều này, người nào sử dụng người dưới 16 tuổi làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy

định thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Phạm tội với tình tiết tăng nặng (quy định tại các Khoản 2,3 Điều này) bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm. Như vậy, các chế tài với dạng tội phạm này đã tăng lên rất nhiều so với quy định tại Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).⁵¹

Ngoài quy định trên, Bộ luật Hình sự 2015 còn bao gồm một số tội danh khác trừng trị những hành vi liên quan đến một số hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, cụ thể như Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp (Điều 325); Tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy (Điều 326 – bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người dưới 18 tuổi); Tội chứa mại dâm (Điều 327 – bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi); Tội môi giới mại dâm (Điều 328- bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi); Tội mua dâm người dưới 18 tuổi (Điều 329); Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142); Tội cưỡng dâm (Điều 143- bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi); Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144); Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145); Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146); Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147); Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151); Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 255 - bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người từ dưới 18 tuổi); Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256 - bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người dưới 16 tuổi); Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 257 - bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người dưới 18 tuổi); Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 258 - bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người dưới 18 tuổi); Tội cưỡng bức lao động (Điều 297 - bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người dưới 16 tuổi).

⁵¹ Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có một quy định trực tiếp về tội vi phạm quy định về sử dụng lao động trẻ em (Điều 228). Theo Điều này, hành vi sử dụng trẻ em làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến cao nhất là bảy năm.

IV. Tổng kết, đào sâu

1. Những nội dung chính của bài học cần ghi nhớ

- **Giám sát về lao động trẻ em:** Là việc theo dõi, xem xét, đánh giá sự tuân thủ pháp luật về lao động trẻ em của cơ quan, tổ chức, cá nhân để xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý. Đối tượng chịu sự giám sát bao gồm các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và gia đình. Chủ thể thực hiện việc giám sát có thể ở trong và ngoài bộ máy nhà nước. Để hoạt động giám sát có hiệu quả, các chủ thể cần có sự phối hợp với nhau trên cơ sở thiết lập một cơ sở dữ liệu để thông báo và chia sẻ thông tin. Bên cạnh đó, cần có một khuôn khổ pháp luật phù hợp cho phép nhiều chủ thể thực hiện các hoạt động giám sát và mỗi chủ thể cần lập kế hoạch để tiến hành các hoạt động giám sát một cách thường xuyên, chặt chẽ.
- **Thanh tra về lao động trẻ em:** Là hoạt động xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Thanh tra về lao động trẻ em nằm trong thanh tra chuyên ngành về lao động, do cơ quan thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và bộ phận thanh tra của các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh thực hiện. Việc thanh tra có thể theo kế hoạch hoặc đột xuất. Đối tượng thanh tra có thể là người lao động, người sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý hoặc cung ứng nhân lực, dịch vụ lao động. Trong cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ, các bộ phận liên quan trực tiếp đến thanh tra về lao động trẻ em là các Phòng Thanh tra chính sách Lao động; Phòng Thanh tra an toàn lao động, vệ sinh lao động và Phòng Thanh tra chính sách về Trẻ em và xã hội.
- **Xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em:** Là yêu cầu của các Công ước số 138 và 182 của ILO, có ý nghĩa quan trọng để đạt được mục tiêu phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, hành vi vi phạm pháp luật về lao động trẻ em có thể bị xử lý về hành chính hoặc hình sự. Về hành chính, các hành vi vi phạm và chế tài được quy định trong Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 08 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có một điều riêng (Điều 19 về vi phạm quy định về lao động chưa thành niên) và Nghị định 144/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Điều 29 về

hành vi của cha, mẹ, người giám hộ, người nuôi dưỡng trẻ em bắt trẻ em làm công việc gia đình quá sức, quá thời gian, ảnh hưởng đến việc học tập, vui chơi, giải trí, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em và một số Điều khác). Về hình sự, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có một điều riêng về tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi (Điều 296), ngoài ra còn bao gồm một số tội danh khác trừng trị những hành vi liên quan đến một số hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, cụ thể như Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp (Điều 325); Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147); Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151); Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 258- bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người dưới 18 tuổi); Tội cưỡng bức lao động (Điều 297- bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người dưới 16 tuổi)...

2.Đào sâu

Tuỳ thuộc vào điều kiện thời gian, có thể áp dụng một hoặc cả hai phương án sau:

PHƯƠNG ÁN 1. Nghiên cứu tình huống

Chia lớp thành các nhóm.

Cung cấp cho mỗi nhóm một bài báo nói về một trường hợp lao động trẻ em (mỗi nhóm nên có một bài báo về các trường hợp khác nhau - giảng viên tìm và chọn lọc các bài báo mới công bố trên các báo mạng chính thống trên Internet). Đề nghị các nhóm nghiên cứu bài báo rồi xác định trách nhiệm cụ thể của các chủ thể có liên quan cùng những hành động cần phải làm ngay để đưa những lao động trẻ em khỏi tình trạng đó.

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết kết quả lên giấy A0 và cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

Đáp án:

Bài tập này không có đáp án lập sẵn. Tuy nhiên, giảng viên có thể phân tích và bình luận về kết quả làm việc của các nhóm dựa trên nội dung của các bài báo được chọn làm tình huống nghiên cứu và quy định về chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể có liên quan trong Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 và Luật trẻ em 2016.

PHƯƠNG ÁN 2. Làm bài tập nhóm

Chia lớp thành các nhóm.

Yêu cầu mỗi nhóm thảo luận và xác định vai trò, trách nhiệm cụ thể của các chủ thể trong việc giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em (trình bày trên giấy A0, theo mẫu dưới đây).

Sau khi các nhóm hoàn thành, mỗi nhóm cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

Trách nhiệm trong việc giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em

Chủ thể	Trách nhiệm chính	Ghi chú
Quốc Hội		
Chính phủ		
TAND		
Viện KSND		
Bộ Công an		
Cơ quan thanh tra		
Các tổ chức xã hội, NGOs..		
Các tổ chức của người sử dụng lao động		
Các tổ chức của người lao động		
Các chủ thể khác (tùy giảng viên có thể bổ sung)		

Đáp án:

Bảng dưới đây phác thảo những ý chính mà giảng viên có thể sử dụng để phân tích, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm

**Trách nhiệm trong việc giám sát, thanh tra
và xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em**

Chủ thể	Trách nhiệm chính	Ghi chú
Quốc Hội	Xây dựng, sửa đổi, giám sát tối cao việc thực hiện các luật liên quan.	
Chính phủ	Tổ chức thực hiện các luật liên quan, bao gồm ban hành các Nghị định hướng dẫn.	
TAND	Xét xử các tội phạm về/liên quan đến lao động trẻ em trong Bộ luật Hình sự	
Viện KSND	Truy tố, buộc tội những người phạm các tội về/liên quan đến lao động trẻ em trong Bộ luật Hình sự	
Bộ Công an	Điều tra những hành vi vi phạm pháp luật về/liên quan đến lao động trẻ em, chuyển hồ sơ đến Viện Kiểm sát để truy tố nếu có dấu hiệu phạm tội.	
Cơ quan thanh tra	Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về lao động trẻ em của các cơ quan nhà nước khác, người lao động, người sử dụng lao động, các cơ quan, tổ chức cá nhân tham gia cung ứng nhân lực, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực lao động, các cơ quan quản lý lao động.	
Các tổ chức xã hội, NGOs..	Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về lao động trẻ em; giám sát thực trạng lao động trẻ em trong xã hội; hỗ trợ các cơ quan nhà nước trong việc thanh tra, xử lý vi phạm và can thiệp, trợ giúp trẻ em lao động.	
Các tổ chức của người sử dụng lao động	Tuân thủ pháp luật; giám sát việc thực hiện pháp luật về lao động trẻ em trong doanh nghiệp mình và ở các doanh nghiệp khác trong chuỗi cung.	

Chủ thể	Trách nhiệm chính	Ghi chú
Các tổ chức của người lao động	Tuân thủ pháp luật; giám sát việc thực hiện pháp luật về lao động trẻ em của các doanh nghiệp; hỗ trợ các cơ quan nhà nước trong việc thanh tra, xử lý vi phạm và can thiệp, trợ giúp trẻ em lao động.	
<i>Các chủ thể khác (tùy giảng viên có thể bổ sung)</i>		

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

Danh mục công việc cho phép sử dụng lao động đủ 13 đến dưới 15 tuổi
(Thông tư 11/2013/TT-BLĐTBXH ban hành Danh sách công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc)

Hộp 1

1. Các nghề truyền thống: chấm men gốm, cưa vỏ trai, vẽ tranh sơn mài, làm giấy dó, nón lá, se nhang, chấm nón, dệt chiếu, làm trống, dệt thổ cẩm, làm bún gạo, làm giá đỗ, làm bánh đa (miến), làm bánh đa Kế.
2. Các nghề thủ công mỹ nghệ: thêu ren, mộc mỹ nghệ, làm lược sừng, đan lưới vó, làm tranh Đông Hồ, nặn tò he.
3. Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình.
4. Nuôi tằm.
5. Gói kẹo dừa.

Hộp 2. Danh mục công việc được phép sử dụng người dưới 13 tuổi

(Thông tư 11/2013/TT-BLĐTBXH ban hành Danh sách công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc)

1. Diễn viên: múa; hát; xiếc; điện ảnh; sân khấu kịch, tuồng, chèo, cải lương, múa rối (trừ múa rối dưới nước).
2. Vận động viên năng khiếu: thể dục dụng cụ, bơi lội, điền kinh (trừ tạ xích), bóng bàn, cầu lông, bóng rổ, bóng ném, bi-a, bóng đá, các môn võ, đá cầu, cầu mây, cờ vua, cờ tướng, bóng chuyền.

PHỤ LỤC 2

Công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người chưa thành niên

(Theo Bộ luật Lao động 2012 và Thông tư 10/2013/TT-LĐTBXH)

Hộp 1

Điều 165 khoản 2 Bộ luật Lao động 2012

- Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;
- Công trường xây dựng;
- Cơ sở giết mổ gia súc;
- Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, phòng tắm hơi, phòng xoa bóp;
- Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của người chưa thành niên.

Điều 163 khoản 4 Bộ luật Lao động 2012

- Không được sử dụng người chưa thành niên sản xuất và kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần và các chất gây nghiện khác

Thông tư 10/2013/TT-LĐTBXH

- Tiếp xúc với các yếu tố vệ sinh môi trường lao động không đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo quy định của pháp luật hiện hành: điện từ trường, rung, ồn, nhiệt độ, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông, bụi amiăng;
- Tiếp xúc với các loại chất, tia phóng xạ; bức xạ bởi tia X và các tia có hại khác không đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo qui định của pháp luật hiện hành;
- Tiếp xúc với các yếu tố gây bệnh truyền nhiễm;
- Thời gian làm việc trên 04 giờ/ngày trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom;
- Trên giá cao hoặc dây treo cao hơn 3 m so với mặt sàn làm việc; địa hình đồi núi dốc trên 300.

Hộp 4. Danh mục các công việc không được sử dụng lao động chưa thành niên (Theo Bộ luật Lao động 2012)

Điều 165 khoản 1 Bộ luật Lao động 2012

- Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên;
- Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ;
- Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc;
- Phá dỡ các công trình xây dựng;
- Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại;
- Lặn biển, đánh bắt cá xa bờ;
- Công việc khác gây tổn hại cho sức khỏe, an toàn hoặc đạo đức của người chưa thành niên.

PHỤ LỤC 3

Bảng 1

**Danh mục các công việc không được phép sử dụng lao động chưa thành niên
(Thông tư 10/2013/TT-LĐTBXH)**

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
1	Trực tiếp nấu rót và vận chuyển kim loại lỏng, tháo dỡ khuôn đúc làm sạch sản phẩm đúc ở các lò: - Lò điện hồ quang (không phân biệt dung tích). - Lò bằng luyện thép. - Lò chuyển luyện thép. - Lò cao. - Lò quay bilo luyện gang.	Công việc nặng nhọc, trực tiếp chịu tác động của nhiệt độ cao, mức ồn, rung vượt tiêu chuẩn cho phép.
8	Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh).	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, làm việc trong môi trường lạnh.
9	Vận hành máy gia công kim loại bằng các máy rèn, dập, ép, cắt sử dụng hơi nước, khí nén hoặc bằng điện.	Công việc nặng nhọc, rất nóng ảnh hưởng của bức xạ nhiệt, nồng độ CO, CO ₂ , SO ₂ và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
10	Lắp đặt, sửa chữa, lau chùi khuôn máy rèn, dập, ép, cắt kim loại (không phân biệt máy hơi nước, khí nén, điện hoặc cơ).	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
11	Hàn trong thùng kín, hàn ở vị trí có độ cao trên 5m so với mặt sàn công tác.	Công việc nặng nhọc, cheo leo, nguy hiểm, tư thế lao động khó khăn.
12	Thu gom bã thải sản xuất cồn công nghiệp.	Công việc nặng nhọc, ồn, bụi, khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.

Tiếp>>

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
12	Thu gom bã thải sản xuất cồn công nghiệp.	Công việc nặng nhọc, ồn, bụi, khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
13	Cán, kéo, đập sản phẩm chì, mạ chì.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng và hơi chì.
14	Đúc đồng, cô đúc nhôm.	Công việc nặng nhọc, trực tiếp chịu tác động của nhiệt độ cao, mức ồn, rung vượt tiêu chuẩn cho phép.
15	Vận hành máy hồ vải sợi.	Đứng và đi lại trên 7 km/8h làm việc; chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
16	Nhuộm, hấp vải sợi.	Công việc tiếp xúc với hóa chất độc, môi trường làm việc độ ẩm, nóng.
17	Thủ kho, phụ kho kho hóa chất, thuốc nhuộm.	Công việc tiếp xúc với hóa chất độc, môi trường làm việc độ ẩm, nóng.
18	Đào lò trong khai khoáng.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, thiếu dưỡng khí.
19	Các công việc trong hầm lò hoặc ở hố sâu hơn 5m.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, thiếu dưỡng khí.
20	Khai thác đá, đập đá thủ công, cạy bẫy đá trên núi.	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm.
21	Trực tiếp đưa vật liệu vào máy nghiền đá và làm việc với máy nghiền đá.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
22	Tuyển quặng chì.	Chịu tác động bụi chì và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.

Tiếp>>

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
23	Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atm trở lên (như máy khoan, máy búa và các máy tương tự gây những chấn động không bình thường cho thân thể người).	Chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
24	Đãi, tuyển vàng, quặng, đá đỏ.	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
25	Trực tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40cm bằng phương pháp thủ công.	Công việc rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.
26	Cưa xẻ gỗ thủ công 2 người kéo bằng phương pháp thủ công (chỉ cấm đối với nữ chưa thành niên).	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
27	Đốn hạ những cây có đường kính từ 35cm trở lên, cưa cắt cành, tỉa cành trên cao bằng phương pháp thủ công.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc cheo leo, nguy hiểm.
28	Vận xuất gỗ lớn, xeo bần, bốc xếp gỗ có đường kính từ 35cm trở lên bằng thủ công, bằng máng gỗ, bằng cầu trượt gỗ.	Làm việc ngoài trời ở các địa hình đồi, núi dốc (từ 10^0 - 15^0), công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
29	Mò vớt gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triền đưa gỗ lên bờ.	Làm việc ngoài trời trên sông, suối, công việc thủ công, nặng nhọc, rất nguy hiểm.
30	Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác.	Làm việc ngoài trời trên sông, suối, công việc thủ công, nặng nhọc, rất nguy hiểm.

Tiếp>>

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
31	Lái máy kéo nông nghiệp.	Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
33	Xẻ gỗ bằng máy cưa đĩa và máy cưa vòng.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, chịu tác động của tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
34	Vận hành các máy bào trong nghề gỗ.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, chịu tác động của tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
35	Trực tiếp nuôi thú dữ hoặc động vật có nọc độc.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
36	Sơ chế tre, nứa, mây, cói.	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng hơi khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
37	Đốt lò nung gạch chịu lửa, lò vôi, tôi vôi bằng phương pháp thủ công.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao.
38	Chế biến chượp, mắm tôm, mắm kem, nước mắm, thủy, hải sản khô.	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao.
39	Chế biến cà phê nhân xuất khẩu.	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng nhiệt độ cao.
49	Thợ lặn.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của áp suất cao.
50	Các công việc trên tàu đi biển.	Thường xuyên làm việc trên biển, chịu áp lực của sóng biển, tiếng ồn cao và rung vượt tiêu chuẩn cho phép.

Tiếp>>

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
58	Làm việc ở lò lên men thuốc lá, lò sấy thuốc lá.	Chịu tác động của bụi, ồn, nicotin vượt tiêu chuẩn cho phép.
59	Cán ép tấm da lớn, cứng.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với nóng.
60	Tráng paraffin trong bể rượu.	Làm việc trong hầm kín, nóng, thiếu oxy, nồng độ hơi cồn cao. Tư thế lao động rất gò bó, công việc thủ công.
61	Lưu hóa, hình thành, bốc dỡ sản phẩm cao su cỡ lớn như: thùng, két nhiên liệu, lốp ô tô.	Thường xuyên tiếp xúc với nóng ồn bụi và hóa chất độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
63	Đốt lò sinh khí nấu thủy tinh, thổi thủy tinh bằng miệng.	Chịu tác động của nóng và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
64	Châm lửa cho máy đốt dầu tiêu thụ từ 400 l/giờ.	Công việc nặng nhọc, nóng và tiếp xúc với dầu.
65	Các công việc đóng vỏ tàu (tàu gỗ, tàu sắt) phải mang vác, gá đặt vật gia công nặng từ 20 kg trở lên.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
68	Nấu, tẩy rửa bột giấy bằng clo.	Công việc tiếp xúc với Clo, nhiệt độ cao.
74	Sửa chữa lò, thùng, tháp kín, đường ống trong sản xuất hóa chất.	Nơi làm việc chật hẹp, công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nhiệt độ cao và hóa chất độc mạnh.
75	Các công việc tiếp xúc dung môi hữu cơ như: ngâm tẩm tà vẹt, trải nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenon, vận hành nồi đa tụ keo phenon.	Điều kiện làm việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của nóng, hóa chất độc mạnh, nguy hiểm.

Tiếp>>

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
78	Trực tiếp tiếp xúc (bao gồm: Sản xuất, đóng gói, pha chế, phun thuốc, khử trùng kho) với các hóa chất trừ sâu, trừ cỏ, diệt mối mọt, diệt chuột, trừ muỗi có chứa Clo hữu cơ và một số hóa chất có khả năng gây ung thư sau đây: - 1,4 butanediol, dimetansunfonat; - 4 aminnobiphenyl; - Amiăng loại amosit, amiăng loại crysotil, amiăng loại crocidolit; - Asen (thạch tín), canxi asenat; - Dioxin; - Diclorometyl-ete; - Các loại muối cromat không tan; - Nhựa than đá, phần bay hơi nhựa than đá; - Xyclophotphamit; - Diethylstilboestol; - 2, Naphtylamin; - N, N - di (Cloroetyl). 2. Naphtylamin; - Thori dioxyt; - Theosufan; - Vinyl clorua, vinyl clorid; - 4- amino, 10- metyl folic axít; - Thủy ngân, hợp chất metyl thủy ngân, metyl thủy ngân clorua; - Nitơ pentoxyt; - 2,3,7,8 tetracloro dibenzen furan; - 2- alphaphenyl-beta axetyletyl; - Axety salixylic axít; - Asparagin; - Benomyl; - Boric axít; - Cafein;	Chịu tác động của ồn, rung và hóa chất vượt tiêu chuẩn cho phép.

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
	- Dimetyl sunfoxid; - Direct blue-1; - Focmamid; - Hydrocortison, Hydrocortission axetat; - Iod (kim loại); - Chì, chì axetat, chì nitrat (tiếp xúc với xăng sơn, mực in có chứa chì, sản xuất ắc quy, hàn chì); - Mercapto, purin; - Kali bromua, kali iodua; - Propyl- thio- uracil; - Ribavirin; - Natri asenat, natri asenit, natri iodua, natri salixylat; - Tetrametyl thiuram disunfua; - Trameinnolon axetonid; - Triton WR-1339; - Trypan blue; - Valproic axít; - Vincristin sunfat; - Khí dụng Vinazol.	Chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
79	Tiếp xúc thường xuyên với các hóa chất sau đây: - Oxyt cacbon (CO): như vận hành lò tạo khí than, thải xỉ; - Các loại thuốc nhuộm có gốc anilin, xylizin, toluzin, auramin; - Các hợp chất có gốc xianua (-CN-); - Phốt pho và các hợp chất P2O5, P2S5, PCl3, H3P; - Trinitro toluen (TNT); - Mangan dioxyt (MnO2); - Photgein (COCl2); - Disunfua cacbon (CS2);	Trực tiếp làm việc tiếp xúc với hóa chất độc.

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc				
	- Oxit nitơ và axít nitric; - Anhydrit sunfuaric và axít sunfuaric; - Đất đèn (CaC2) như vận hành lò đất đèn đang hử, thải xỉ					
82	Nạo vét cống ngầm, công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước bẩn hôi thối.	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với các chất phế thải và hóa chất độc hại vượt tiêu chuẩn cho phép.				
87	Nhặt hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu.	Làm việc trong môi trường độc hại, tiếp xúc với nhiều vi sinh vật có hại.				
89	Công việc trên giàn giáo hoặc trên rầm xà cao hơn 3 m so với sàn thao tác và các công việc tương tự.	Làm việc ngoài trời, nặng nhọc, nguy hiểm.				
90	Lắp dựng, tháo dỡ hoặc thay đổi giàn giáo (trừ trường hợp phụ việc làm trên mặt đất hoặc trên sàn nhà)	Làm việc ngoài trời, nặng nhọc, nguy hiểm.				
91	Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng lao động chưa thành niên./.	Phân loại	Công việc thường xuyên (kg)		Công việc không thường xuyên (kg)	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
		Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)				
		Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng)				

PHỤ LỤC 4: LUẬT TRẺ EM NĂM 2016 CỦA VIỆT NAM

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-tre-em-2016-303313.aspx>

PHỤ LỤC 5: NGHỊ ĐỊNH SỐ 56/2017/NĐ-CP NGÀY 09/5/2017 QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRẺ EM CỦA VIỆT NAM

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-56-2017-ND-CP-huong-dan-Luat-tre-em-340397.aspx>

PHỤ LỤC 6: CÔNG ƯỚC SỐ 138 CỦA ILO

<http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/ChiTietVanBan.aspx?VID=32648>

PHỤ LỤC 7: CÔNG ƯỚC SỐ 182 CỦA ILO

<http://www.molisa.gov.vn/vi/pages/ChiTietVanBan.aspx?VID=32593>

PHỤ LỤC 8: BA MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM CỦA ILO/IPEC HÀ NỘI

https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_463104/lang--vi/index.htm

Chương trình Quốc tế về xóa bỏ Lao động Trẻ em

Tổ chức Lao động Quốc tế

4, route des Morillons, CH-1211 Geneva 22 – Switzerland

www.ilo.org/ipecc - e-mail: ipecc@ilo.org

Thông tin liên hệ

Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế tại Việt Nam

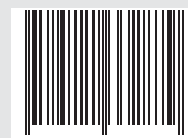
48-50 Nguyễn Thái Học, Hà Nội, Việt Nam

Tel.: (84-4) 3734 0902

Fax: (84-4) 3734 0904

E-mail: hanoi@ilo.org

Website: www.ilo.org/hanoi



ISBN 978-92-2-133287-9 (web pdf)